

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI



BÁO CÁO MÔN HỌC  
PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THÔNG THÔNG TIN

Chủ đề 5:

Quản Lý WebSite Shop Bán Giày Dép

Giảng viên hướng dẫn: Nguyễn Thị Kim Huệ

Nhóm: 1

Thành viên: Quang Hồng Ánh Sú

Trương Thành Đạt

Lê Thanh Hà

Nguyễn Tiến Hưng

Nguyễn Tuấn Dũng

Lớp: 73DCTT23

Hà Nội, Ngày 10, Tháng 05, Năm 2024

Bảng Phân Công Công Việc

STT	Họ & Tên	Mã Sinh Viên	Công Việc (ChươngII)	Mức Độ Đóng Góp	Ghi Chú
1	Quang Hồng Ánh Sứ	73DCTT22466	Phần: 3.7->3.9, 4,5	20%	TN
2	Trương Thành Đạt	73DCTT23465	Phần: 3.4->3.6 4,5	20%	
3	Lê Thanh Hà	73DCTT23469	Phần: 1,2, 3.13->3.14	20%	
4	Nguyễn Tiến Hưng	73DCTT23310	Phần: 3.10->3.12, 6	20%	
5	Nguyễn Tuấn Dũng	73DCTT22471	Phần: 3.1->3.3, 6	20%	

## Nhận Xét Của Giáo Viên

Hà Nội, Ngày 08, Tháng 07, Năm 2024

## Giảng Viên Hướng Dẫn

Nguyễn Thị Kim Huệ

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	8
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI .....	9
1.Tổng quan đề tài.....	9
2.Khảo sát.....	9
3. Đặc tả hệ thống.....	15
4. Mô tả hệ thống .....	16
CHƯƠNG 2. MÔ HÌNH CÁC CHỨC NĂNG.....	17
1. Các tác nhân .....	17
2. Các chức năng dự kiến .....	18
3. Use case chi tiết và các biểu đồ.....	19
3.1 Use case Đăng nhập .....	19
3.2 Đăng ký.....	22
3.3 Quên mật khẩu .....	24
3.4 Chức năng “tra cứu thông tin sản phẩm” .....	27
3.5 Quản lý đơn hàng.....	29
3.6 Quản lý nhân viên .....	34
3.7 Quản lý danh mục .....	43
3.8 Quản lý hàng hóa.....	48
3.9 Quản lý khách hàng .....	55
3.10 Quản lý giờ hàng.....	57
3.11 Đặt hàng.....	60
3.12 Báo cáo thống kê.....	62
3.13 Quản lý bài viết.....	65
3.14 Quản lý tài khoản cá nhân.....	69
4. Biểu đồ Class diagram hệ thống .....	74
5.Thiết kế database.....	75
6. Giao diện trang web .....	77

## Danh mục bảng:

Bảng 1: Bảng phỏng vấn tìm kiếm sản phẩm .....	9
Bảng 2: Bảng phỏng vấn xem thông tin sản phẩm .....	10
Bảng 3: Bảng phỏng vấn thống kê doanh thu .....	10
Bảng 4: Bảng phỏng vấn quản lý doanh thu .....	11
Bảng 5: Bảng phỏng vấn quản lý nhân viên bán hàng.....	12
Bảng 6: Bảng phỏng vấn quản lý công việc.....	12
Bảng 7: Bảng phỏng vấn nhập hàng .....	13
Bảng 8: Bảng phỏng vấn xuất hàng .....	14
Bảng 9: Bảng Use Case .....	18
Bảng 10: Đặc tả chức năng đăng nhập đăng xuất .....	20
Bảng 11: Đặc tả chức năng đăng ký.....	23
Bảng 12: Đặc tả chức năng quên mật khẩu.....	25
Bảng 13: Đặc tả chức năng tra cứu thông tin sản phẩm .....	28
Bảng 14: Đặc tả chức năng quản lý đơn hàng .....	30
Bảng 15: Đặc tả chức năng quản lý đơn hàng(khách hàng) .....	32
Bảng 16: Đặc tả chức năng thêm nhân viên.....	35
Bảng 17: Đặc tả chức năng sửa thông tin nhân viên.....	37
Bảng 18: Đặc tả chức năng xoá nhân viên.....	39
Bảng 19: Đặc tả chức năng tìm kiếm nhân viên .....	41
Bảng 20: Đặc tả chức năng thêm danh mục sản phẩm .....	44
Bảng 21: Đặc tả chức năng sửa danh mục sản phẩm.....	45
Bảng 22: Đặc tả chức năng xóa danh mục sản phẩm.....	47
Bảng 23: Đặc tả chức năng thêm hàng hoá.....	49
Bảng 24: Đặc tả chức năng sửa hàng hoá .....	51
Bảng 25: Đặc tả chức năng xóa hàng hoá .....	53
Bảng 26: Đặc tả chức năng thêm thông tin khách hàng.....	56
Bảng 27: Đặc tả chức năng cập nhật số lượng sản phẩm.....	58
Bảng 28: Đặc tả chức năng xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng .....	59
Bảng 29: Đặc tả chức năng đặt hàng.....	61
Bảng 30: Đặc tả chức năng báo cáo thống kê .....	63
Bảng 31: Đặc tả chức năng quản lý bài viết.....	66
Bảng 32: Đặc tả chức năng cập nhật thông tin tài khoản.....	70

## Danh mục hình ảnh:

Hình 1: Biểu đồ Use case tổng quát .....	19
Hình 2: Biểu đồ trình tự đăng nhập .....	20
Hình 3: Biểu đồ hoạt động Swimlanes đăng nhập .....	21
Hình 4: Đặc tả chức năng đăng kí .....	23
Hình 5: Biểu đồ hoạt động đăng kí .....	24
Hình 6: Biểu đồ trình tự quên mật khẩu .....	26
Hình 7: Biểu đồ hoạt động quên mật khẩu .....	26
Hình 8: Biểu đồ hoạt động quên mật khẩu .....	27
Hình 9: Biểu đồ trình tự xem thông tin sản phẩm .....	28
Hình 10: Biểu đồ hoạt động tìm kiếm thông tin sản phẩm .....	29
Hình 11: Biểu đồ Use Case quản lý đơn hàng(Shop) .....	29
Hình 12: Biểu đồ trình tự cập nhật trạng thái đơn hàng .....	31
Hình 13: Biểu đồ Use Case quản lý đơn hàng(Khách Hàng) .....	31
Hình 14: Biểu đồ hoạt động quản lý đơn hàng .....	33
Hình 15: Biểu đồ Use Case quản lý nhân viên .....	34
Hình 16: Biểu đồ trình tự thêm nhân viên .....	35
Hình 17: Biểu đồ hoạt động thêm nhân viên .....	36
Hình 18: Biểu đồ chỉnh sửa thông tin nhân viên .....	38
Hình 19: Biểu đồ hoạt động Swimlanes sửa nhân viên .....	38
Hình 20: Biểu đồ trình tự xoá nhân viên .....	40
Hình 21: Biểu đồ hoạt động xóa nhân viên .....	40
Hình 22: Biểu đồ hoạt động tìm kiếm nhân viên .....	42
Hình 23: Biểu đồ Use Case quản lý danh mục .....	43
Hình 24: Biểu đồ trình tự thêm danh mục .....	44
Hình 25: Biểu đồ trình tự sửa danh mục sản phẩm .....	46
Hình 26: Biểu đồ trình tự xóa danh mục sản phẩm .....	47
Hình 27: Biểu đồ Use Case quản lý hàng hoá .....	48
Hình 28: Biểu đồ trình tự thêm hàng hoá .....	49
Hình 29: Biểu đồ hoạt động thêm hàng hoá .....	50
Hình 30: Biểu đồ trình tự sửa thông tin sản phẩm .....	52
Hình 31: Biểu đồ hoạt động sửa hàng hoá .....	52
Hình 32: Biểu đồ trình tự xóa hàng hoá .....	54
Hình 33: Biểu đồ hoạt động xoá hàng hoá .....	54
Hình 34: Biểu đồ Use Case quản lý khách hàng .....	55
Hình 35: Biểu đồ trình tự tìm kiếm thông tin khách hàng .....	56
Hình 36: Biểu đồ hoạt động tìm kiếm thông tin khách hàng .....	57
Hình 37: Biểu đồ Use Case quản lý giỏ hàng .....	57
Hình 38: Biểu đồ hoạt động xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng .....	60
Hình 39: Biểu đồ trình tự đặt hàng .....	61
Hình 40: Biểu đồ trạng thái đặt hàng .....	62

Hình 41: Biểu đồ Use Case Báo Cáo Thông Kê Thông kê.....	62
Hình 42: Biểu đồ trình tự thống kê .....	63
Hình 43: Biểu đồ hoạt động báo cáo thống kê .....	64
Hình 44: Biểu đồ Use Case quản lý bài viết .....	65
Hình 45: Biểu đồ trình tự quản lý bài viết .....	66
Hình 46: Biểu đồ hoạt động thêm bài viết .....	67
Hình 47: Biểu đồ hoạt động sửa bài viết.....	68
Hình 48: Biểu đồ hoạt động xóa bài viết .....	69
Hình 49: Biểu đồ Use Case quản lý tài khoản cá nhân.....	69
Hình 50: Biểu đồ trình tự quản lý tài khoản cá nhân .....	71
Hình 51: Biểu đồ hoạt động sửa thông tin .....	71
Hình 52: Biểu đồ trình tự đổi mật khẩu .....	72
Hình 53: Biểu đồ hoạt động đổi mật khẩu .....	73
Hình 54: Biểu đồ Class diagram hệ thống .....	74
Hình 55: Biểu đồ Database Diagrams .....	75
Hình 56: Các bảng database .....	76
Hình 57: Giao diện trang chủ .....	77
Hình 58: Giao diện đăng nhập .....	77
Hình 59: Giao diện đăng ký .....	78
Hình 60: Giao diện đổi mật khẩu .....	78
Hình 61: Giao diện danh sách khách hàng.....	79
Hình 62: Giao diện danh sách sản phẩm.....	79
Hình 63: Giao diện danh sách đơn hàng .....	80
Hình 64: Giao diện đơn hàng .....	80
Hình 65: Giao diện đặt hàng .....	81

## MỞ ĐẦU

Trong thời đại công nghệ số ngày nay, việc quản lý và vận hành một website bán hàng trực tuyến đã trở thành một yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại của các doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với ngành kinh doanh giày dép, một lĩnh vực cạnh tranh khốc liệt với nhiều thương hiệu lớn nhỏ khác nhau, việc xây dựng và quản lý một hệ thống thông tin hiệu quả để tối ưu hóa hoạt động bán hàng là vô cùng cần thiết.

Trong môn học Phân Tích Thiết Kế Hệ Thống Thông Tin, việc hiểu rõ quy trình và cách thức quản lý website bán giày dép sẽ giúp sinh viên không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn áp dụng thực tiễn một cách hiệu quả. Một website bán giày dép không chỉ đơn thuần là nơi trưng bày sản phẩm, mà còn là một nền tảng phức tạp với nhiều tính năng như quản lý tồn kho, xử lý đơn hàng, quản lý khách hàng và các chiến dịch marketing.

Việc phân tích và thiết kế hệ thống thông tin cho một website bán giày dép đòi hỏi sự kết hợp của nhiều kiến thức khác nhau từ các lĩnh vực như công nghệ thông tin, quản trị kinh doanh, marketing, và đặc biệt là trải nghiệm người dùng (UX). Một hệ thống thông tin hiệu quả không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình kinh doanh mà còn mang lại trải nghiệm mua sắm tốt nhất cho khách hàng, từ đó tăng cường sự hài lòng và giữ chân khách hàng lâu dài.

Trong bài báo cáo này, chúng ta sẽ đi sâu vào việc phân tích các yêu cầu và thiết kế hệ thống thông tin cho một website bán giày dép. Đầu tiên, chúng ta sẽ xem xét các yêu cầu chức năng và phi chức năng của hệ thống, từ đó xác định các tính năng chính cần có của một website bán giày dép hiệu quả. Tiếp theo, chúng ta sẽ thiết kế các mô hình dữ liệu, sơ đồ quy trình, và giao diện người dùng để đảm bảo hệ thống hoạt động mượt mà và đáp ứng được các nhu cầu kinh doanh.

Ngoài ra, chúng ta cũng sẽ bàn luận về các vấn đề bảo mật và bảo vệ dữ liệu, một yếu tố không thể thiếu trong thời đại mà thông tin cá nhân của khách hàng trở nên cực kỳ quan trọng. Việc đảm bảo an toàn thông tin không chỉ giúp xây dựng lòng tin của khách hàng mà còn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Cuối cùng, chúng ta sẽ đề xuất các phương pháp kiểm tra và bảo trì hệ thống, đảm bảo rằng website luôn hoạt động ổn định và có khả năng nâng cấp khi cần thiết. Những kiến thức và kỹ năng học được từ quá trình phân tích và thiết kế hệ thống thông tin cho website bán giày dép sẽ là nền tảng vững chắc cho sinh viên trong sự nghiệp tương lai, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý và phát triển các hệ thống thương mại điện tử.

# CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

## 1. Tổng quan đề tài

### 1.1 Tên đề tài

- Đề tài: Phân Tích Thiết Kế HTTT WebSite Shop Bán Giày Dép

- Đơn vị Khảo sát: An Nguyên Shop

- Địa chỉ: số 618, Đ. Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Thành lập: được đưa vào hoạt động từ tháng 03/2022, nhằm phân phối và cung ứng các sản phẩm các mẫu giày dép

Quy mô: được thiết kế nổi bật trên diện tích hơn 40m2 gồm 1 tầng, cửa hàng có mặt tiền là đường lớn với nhiều phương tiện giao thông qua lại hàng ngày. Địa hình thuận lợi gần các trường đại học và các cơ quan công sở xung quanh. (gồm Show trưng bày và chăm sóc khách hàng).

### 1.2 Xác định người dùng

- Là người tiêu dùng và có nhu cầu dùng những sản phẩm trong hệ thống để sử dụng.

## 2. Khảo sát

### 2.1 Phỏng vấn

#### a) Khách hàng

❖ Tìm kiếm sản phẩm

+ Người được hỏi: Khách hàng

+ Người hỏi: Lê Thanh Hà

+ Thời gian: 8h 12/05/2024

+ Địa điểm: số 618, Đ. Nguyễn Trãi

\*Mô tả phỏng vấn

- Khách hàng nhập gì khi điền vào ô tìm kiếm.	=> Hệ thống cho phép tìm kiếm theo 3 tiêu chí: theo tên, giá và thể loại.
- Khách hàng lựa chọn ô thông tin như thế nào để khi ấn submit thì hệ thống sẽ hiển thị ra các khách hàng muốn.	=> Hệ thống sẽ dựa vào khách hàng muốn chọn sau đó duyệt qua cơ sở dữ liệu để chọn ra thông tin cần thiết.

Bảng 1: Bảng phỏng vấn tìm kiếm sản phẩm

❖ Xem thông tin sản phẩm

- + Người được hỏi: Khách hàng
- + Người hỏi: Lê Thanh Hà
- + Thời gian: 9h 12/05/2024
- + Địa điểm: số 618, Đ. Nguyễn Trãi

\*Mô tả phỏng vấn

- Khách hàng có thấy thông tin trên hệ thống có đầy đủ không.	=> Có, thông tin được đưa lên trên hệ thống rất đầy đủ.
- Khách hàng có ý kiến gì về chức năng xem thông tin trên sản phẩm này không.	=> Tôi thấy rất tiện nên không có ý kiến gì.

Bảng 2: Bảng phỏng vấn xem thông tin sản phẩm

b) Nhân viên bán hàng

❖ Thống kê doanh thu

- + Người được hỏi: Nhân viên bán hàng
- + Người hỏi: Nguyễn Tiến Hưng
- + Thời gian: 8h12 /05/2024
- + Địa điểm: số 618, Đ. Nguyễn Trãi

\*Mô tả phỏng vấn

- Làm sao để có biết được doanh thu bán theo ngày, theo năm theo tháng.	=> Trên hệ thống kê toán sẽ có được doanh số sản phẩm bán ra theo ngày theo năm và theo tháng, sau đó sẽ được tổng kết qua các quý.
- Làm sao để biết được doanh thu lời hay lỗ.	=> Người kê toán sẽ có coi trên hệ thống lượng hàng nhập vào và lượng hàng bán ra sau đó lấy lượng bán ra trừ cho nhập vào thì ra số doanh thu lời hay lỗ.
- Có thể xem lại hóa đơn hàng đơn không.	=> Trên hệ thống sẽ lưu những hóa đơn bán hàng.

Bảng 3: Bảng phỏng vấn thống kê doanh thu

c) Người quản lý hệ thống

❖Quản lý doanh thu

+ Người được hỏi: Nguyễn Hải An

+ Người hỏi: Nguyễn Tuấn Dũng

+ Thời gian: 9h 12/05/2024

+ Địa điểm: 156 Trần Phú

\*Mô tả phỏng vấn

- Trong quá trình cập nhật hệ thống thì có xảy ra quá trình bất cập nào không.	=> Có, trong quá trình đó thì đôi lúc xảy ra rất nhiều lỗi nhưng không có gì đánh ngại về các lỗi đó.
- Liệu có năm hay quý hay tháng nào kê toán có chậm trễ về việc.	=> Đôi lúc có, những lúc đó tôi có biện pháp kĩ luật đối với kê toán về việc chậm trễ như vậy.

Bảng 4: Bảng phỏng vấn quản lý doanh thu

d) Quản lý

❖Quản lí nhân viên bán hàng

Người được hỏi : Nguyễn Khánh Đăng

Người hỏi : Nguyễn Tuấn Dũng

Thời gian : 8h 12/05/2024

Địa điểm : 156 Trần Phú

\*Mô tả phỏng vấn

- Nhân viên bán hàng trong hệ thống được quản lí như thế nào ?	=> Nhân viên bán hàng trong hệ thống sẽ được cấp 1 mã ID riêng trong đó lưu trữ tất cả thông tin về nhân viên bán hàng đó, từ mã ID đó người quản lí có thể quản lí các thông tin như chấm công, nghỉ phép, lương thưởng.
- Khi có 1 nhân viên bán hàng bị sai về thông tin hồ sơ thì sẽ xử lý như thế nào ?	=> Đầu tiên, quản lí sẽ lấy mã ID của nhân viên bán hàng đó, sau khi tìm ra thông tin của nhân viên bán hàng hì quản lí sẽ chọn chức năng “ thay đổi thông tin nhân viên bán hàng” để thay đổi thông tin của nhân viên bán hàng đó, cuối cùng nhấn nút “

	Lưu” để hồ sơ của nhân viên bán hàng được thay đổi trên cơ sở dữ liệu.
- Có cách nào để tránh tình trạng rò rỉ thông tin của nhân viên bán hàng không ?	=> Chúng tôi tiến hành mã hoá dữ liệu, giảm thiểu quyền truy cập dữ liệu, thực hiện xác thực đa yếu tố, chúng tôi cũng phối hợp các công ty an ninh mạng để đảm bảo thông tin của khách hàng cũng như nhân viên bán hàng được bảo mật

Bảng 5: Bảng phỏng vấn quản lý nhân viên bán hàng

❖ Quản lý công việc

- Các công việc trong hệ thống được quản lý như thế nào ?	=> Mỗi phòng ban sẽ có các nhiệm vụ công việc khác nhau, người quản lý sẽ tiến hành cập nhật các công việc cần hoàn thành lên trên hệ thống, từ đó quản lý các phòng ban sẽ tiến hành phân chia công việc cho nhân viên bán hàng.
- Làm sao để quản lý tiến độ công việc của nhân viên bán hàng ?	=> Nhân viên bán hàng khi hoàn thành công việc được giao sẽ tiến hành cập nhật tiến độ công việc lên trên hệ thống, từ đó quản lý sẽ dễ dàng quản lý được tiến độ của dự án để lên kế hoạch.
- Có cách nào để thúc đẩy tiến độ công việc của nhân viên bán hàng không ?	=> Chúng tôi đặt ra mỗi loại KPI với mỗi loại công việc khác nhau, khi nhân viên bán hàng hoàn thành công việc đúng tiến độ hay chậm trễ thì sẽ có các mức khen thưởng và xử phạt khác nhau.

Bảng 6: Bảng phỏng vấn quản lý công việc

e) Quản lý hàng hoá

❖ Nhập hàng

Người được hỏi : Nhân Viên

Người hỏi : Trương Thành Đạt

Thời gian : 8h 12/05/2024

Địa điểm : 154 Trần Phú

\*Mô tả phỏng vấn

- Quá trình nhập hàng diễn ra như thế nào ?	=> Trước tiên phải có đơn hàng (số lượng đơn hàng, giá, loại hàng), thông báo nhận hàng. Sau khi nhận được thông báo và đơn đặt hàng thì sẽ nhập hàng đúng thời gian quy định.
- Trên phiếu nhập hàng cần lưu những gì ?	=> Trên phiếu nhập hàng thì cần có mã sản phẩm, tên sản phẩm, ngày nhập sản phẩm, số lượng, đơn giá.
- Các mặt hàng được phân loại như thế nào ?	=> Các mặt hàng được phân loại theo từng mã loại sản phẩm, đồng thời một số mặt hàng phân loại theo đơn giá bán.
- Cần lưu những gì về thông tin của hàng hóa sản phẩm ?	=> Các hàng hóa thì cần lưu đã nhập loại hàng nào? mã sp là gì? số lượng đã nhập là bao nhiêu? ngày nhập hàng là ngày nào?
- Hệ thống xử lý hàng hóa nhập như thế nào ?	=> Mỗi mặt hàng sẽ được đánh một mã vạch. Mỗi một mặt hàng kinh doanh đều có một mã số riêng để phân biệt với những hàng khác. Một mã bán hàng có độ dài theo cấu trúc của hệ thống mã vạch barcode quốc tế đối với những mặt hàng có in sẵn mã vạch của nhà sản xuất. Mặt hàng mới nhập về sẽ được nhân viên bán hàng quản lý phụ trách tin học lưu trữ các thông tin của hàng vào hệ thống quản lý. Các thông tin bao gồm: Mã vạch, giá bán, ngày sản xuất, hạn sử dụng, số lượng, đơn vị tính...

Bảng 7: Bảng phỏng vấn nhập hàng

❖ Xuất hàng

\*Mô tả phỏng vấn

- Khi nào được phép xuất hàng khỏi hệ thống ?	=> Hàng sẽ được xuất kho khi nhận được đơn hàng từ khách hàng, từ đơn
---	---

	hàng thì sẽ xuất đúng số lượng và mặt hàng cần thiết.
- Khi xuất kho phát hiện hàng lỗi, hàng kém chất lượng thì xử lý thế nào?	=> Khi xuất kho mà phát hiện sai phạm lập tức thông báo bộ phận nhận hàng để xác minh hàng lỗi là vì sao? Thay thế những sản phẩm lỗi để kịp thời giao hàng đồng thời lập báo cáo.
- Hàng tồn kho sẽ xử lý ra sao?	=> Hàng tồn kho sẽ được lập danh sách và thanh lí khi gần hết hạn. đối với những mặt hàng được phép hoàn trả khi hết hạn thì lập báo cáo và trả hàng.
- Khi xuất hàng mà đơn đặt hàng bị trả lại thì phải làm thế nào?	=> Khi xuất hàng mà hóa đơn bị trả lại thì lập tức không xuất hàng,lập báo cáo để xác minh,đồng thời cất hàng vào kho.
- Muốn xuất hàng thì cần có những thông tin gì ?	=> Muốn xuất kho thì cần có thông tin của khách hàng, địa điểm nhận hàng và phương tiện giao hàng.
- Điều quan trọng nhất trước khi xuất hàng là gì ?	=> Kiểm tra chất lượng sản phẩm và viết giấy bảo hành nếu sản phẩm có bảo hành.

Bảng 8: Bảng phỏng vấn xuất hàng

## 2.2 Phiếu trả lời câu hỏi

Câu 1) Khi mua hàng trên hệ thống, khách hàng có thể thanh toán bằng những hình thức nào ?

- a) Thanh toán trực tiếp.
- b) Thanh toán bằng thẻ ngân hàng.
- c) Thanh toán bằng ví điện tử.
- d) Tất cả các ý trên.

Câu 2) Muốn đăng nhập vào chức năng thống kê doanh thu, tài khoản người dùng cần phải ?

- a) Được cấp quyền truy cập.
- b) Ai cũng có thể truy cập.

Câu 3) Muốn nhập sản phẩm vào hệ thống thì người dùng cần phải ?

- a) Có mã sản phẩm.
- b) Có tên sản phẩm.
- c) Có ngày sản xuất, số lượng.
- d) Tất cả các ý trên.

Câu 4) Quy trình lập hoá đơn cho khách hàng ?

- a) Nhập mã sản phẩm => Chọn chức năng lập hoá đơn => Nhập mã thẻ thành viên.
- b) Chọn chức năng lập hoá đơn => Nhập mã sản phẩm => Nhập mã thẻ thành viên.
- c) Nhập mã thẻ thành viên => Nhập mã sinh viên => Chọn chức năng lập hoá đơn.
- d) Tất cả đều sai.

Câu 5) Trong chức năng quản lý sản phẩm, người dùng có thể ?

- a) Thêm sản phẩm.
- b) Xoá sản phẩm.
- c) Sửa sản phẩm.
- d) Tất cả các ý trên.

Câu 6) Ai là người có thể nhập sản phẩm vào hệ thống ?

- a) Nhân viên bán hàng.
- b) Khách hàng.
- c) Thủ kho.
- d) Thu ngân.

### 3. Đặc tả hệ thống

Ngày nay thì sự phát triển của công nghệ thông tin thì việc vui chơi, giải trí ngày càng cao. Do đó các doanh nghiệp cũng quan tâm đến sự phát triển việc trao đổi sản phẩm và tiền qua lại. Từ đó, việc mua sắm dần dần dễ dàng hơn và một lúc nào đó sẽ gặp khó khăn. Và rồi, hệ thống Quản lý bán hàng ra đời.

Hệ thống Quản lý bán hàng là hệ thống bao gồm các tác nhân sử dụng ví dụ như: nhân viên bán hàng, khách hàng, Quản lý,...

Đối với hệ thống Quản lý Website bán giày dép cũng như vậy. Hệ thống Quản lý dự án có những tác nhân sử dụng như: Quản lý, nhân viên bán hàng, người Quản lý hệ thống.

Phần mềm quản lý bán hàng được các nhiều doanh nghiệp và startup đặc biệt tin dùng và nó rất rộng rãi trên cả nước

Vậy hệ thống bán hàng rất giúp ích cho những người làm buôn bán gặt nhiều thuận lợi. Nó được phổ biến rộng rãi trên cả nước và thế giới.

#### 4. Mô tả hệ thống

Hệ thống quản lý bán giày dép là hệ thống giúp người bán và quản lý có thể quản lý bán giày dép và và các phụ kiện đi kèm.

Một website quản lý đều có chức năng đăng nhập với mục đích người dùng có thể đăng nhập vào và làm những việc trong chức năng của họ.

Trước khi đăng nhập thì người dùng cần có use name và mật khẩu, nếu không có thi người dùng phải đăng ký.

Phần mềm quản lý như một công cụ mua bán với khách hàng và còn có thể quản lý các nhân viên bán hàng và công việc trong hệ thống đó

Kế tiếp, phần tìm kiếm là cái khá quan trọng trong website. Nó có thể giúp người dùng có thể tìm kiếm những thứ cần thiết và giúp khách hàng có thể mua sản phẩm dễ dàng hơn. Muốn tìm kiếm thì người dùng có thể ghi đoạn text trong đó. Sau đó hệ thống sẽ lọc ra các sản phẩm mà người dùng tìm.

Tiếp đến, sau khi đã ưng ý sản phẩm mà khách thì khách hàng chọn sản phẩm đó sau đó bấm thanh toán tiền.

Ngoài ra, người dùng có thể xem các thông tin sản phẩm để hiểu rõ hơn về sản phẩm

Khi có sự thay đổi về nhân viên bán hàng thì quản lý có thể dùng chức năng quản lý nhân viên bán hàng trong website có thể thêm sửa xóa một nhân viên bán hàng nào đó. Và công việc cũng vậy, nhân viên bán hàng cũng có thể sửa xóa 1 công việc đối với 1 nhân viên bán hàng.

Doanh thu là một phần không thể thiếu trong việc mua bán hàng. Khi muốn có được một hóa đơn in về bảng doanh thu thì nhân viên bán hàng dùng chức năng thống kê doanh thu trong hệ thống. Nó sẽ in ra bảng tiền mà các sản phẩm đã bán.

## CHƯƠNG 2. MÔ HÌNH CÁC CHỨC NĂNG

### 1. Các tác nhân

- Khách hàng.

- Khách hàng đăng ký hoặc đăng nhập tài khoản để tiến hành mua hàng. Trong phần thông tin cá nhân, khách hàng có thể tùy ý thêm hoặc sửa thông tin của mình.

- Khách hàng có thể tiến hành tìm kiếm sản phẩm và xem thông tin chi tiết của từng sản phẩm.

- Khách hàng đặt hàng cần cung cấp đầy đủ thông tin: họ tên, số điện thoại, địa chỉ nhận hàng,...

- Khách hàng được nhân viên chăm sóc khách hàng tư vấn cụ thể về sản phẩm, cách thức mua hàng cũng như các dịch vụ của cửa hàng.

Là người mua hàng. Khách hàng có thể được thanh toán tiền, nhận hóa đơn mình đã mua.

Khách hàng có các phản hồi về dịch vụ của cửa hàng hoặc trải nghiệm của khách khi dùng trên web để cửa hàng hay trang web có thêm đem dịch vụ tốt nhất dành cho khách hàng.

- Nhân viên bán hàng bán hàng.

• Nhân viên có quyền kiểm tra và theo dõi đơn hàng của khách hàng.

• Xem xét các đánh giá, phản hồi từ khách hàng và giải quyết các khiếu nại.

Là nhân viên bán hàng làm việc trong hệ thống. Nhân viên bán hàng có nhiệm vụ tạo đơn khi có đơn đặt, đăng bài trên website, hỗ trợ chăm sóc khách hàng khi cần thiết.

- Quản lý.

Là người nắm được tình hình mua bán, nhân viên bán hàng. Quản lý còn giao công việc cho nhân viên bán hàng làm. Và chỉ huy các công việc của cấp trên được trên.

Là người trực tiếp nhận các sản phẩm từ nhà sản xuất về. Sau đó, kiểm tra các sản phẩm và đưa các sản phẩm lên hệ thống.

• Quản lý thông tin của các nhân viên trong cửa hàng.

• Thông kê doanh thu của cửa hàng.

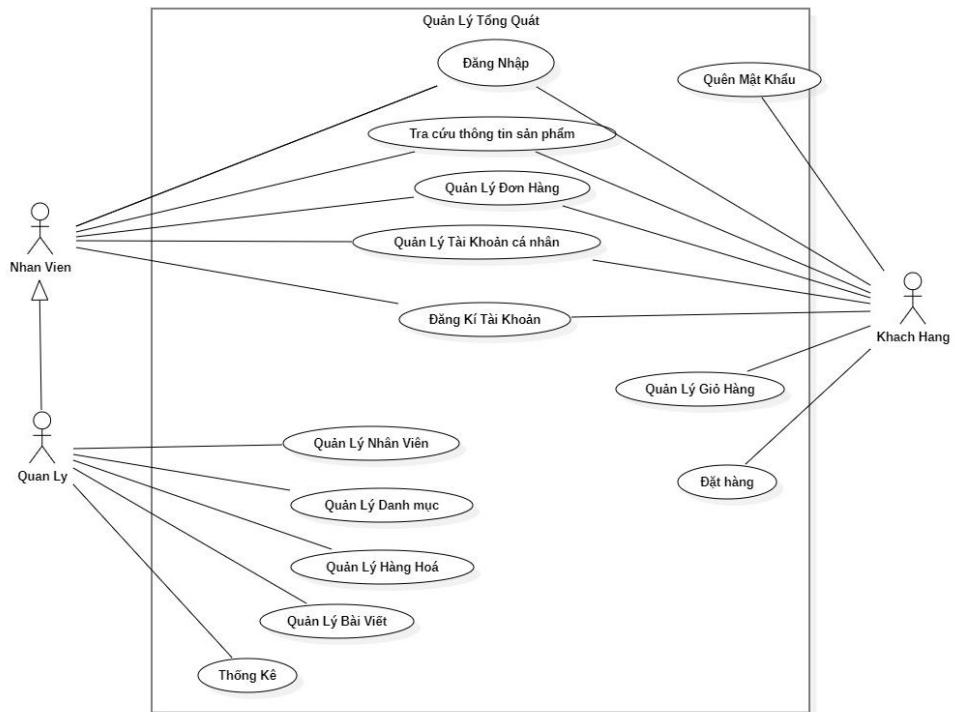
## 2. Các chức năng dự kiến

Tên Use case	Mô tả
Đăng nhập	Cho phép đăng nhập vào để sử dụng hệ thống
Đăng ký	Cho phép đăng ký để tiếp tục đăng nhập để sử dụng hệ thống
Quên mật khẩu	Cho phép thay đổi mật khẩu khi quên mật khẩu
Đổi mật khẩu	Cho phép thay đổi mật khẩu khi actor muốn
Mua hàng	Chọn mặt hàng cần mua và tiến hành thanh toán để sở hữu
Tra cứu thông tin sản phẩm	Tra cứu để hiểu rõ thêm về sản phẩm
Thông kê	Báo cáo các thông tin về doanh thu, về các mặt hàng đã bán và còn lại
Quản lý nhân viên bán hàng	Thêm, sửa xóa, hoặc tìm kiếm một nhân viên bán hàng nào đó
Quản lý hàng hoá	Năm được số lượng sản phẩm, nơi phân phối sản phẩm và thực hiện các chức năng thêm, sửa, xóa
Thông kê sản phẩm	Thông kê sản phẩm được ưa chuộng, sản phẩm tồn kho, cần nhập thêm sản phẩm nào
Quản lý bài viết	Cập nhật thêm các hàng hoá mới, quảng cáo rộng rãi trên các nền tảng mạng xã hội

Bảng 9: Bảng Use Case

### 3. Use case chi tiết và các biểu đồ

#### Biểu Đồ Use Case Tổng Quát



Hình 1: Biểu đồ Use case tổng quát

#### 3.1 Use case Đăng nhập

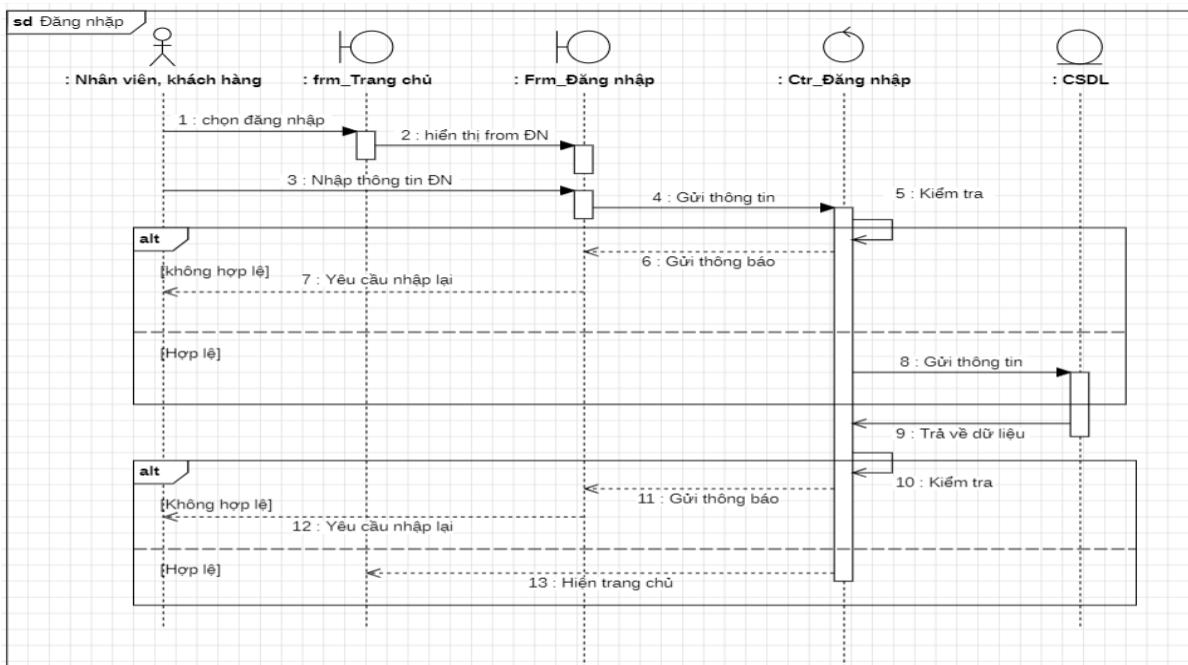
- Đặc tả:

Tên Usecase	Đăng Nhập / Đăng xuất
Tác Nhân	-Quản lý, nhân viên, khách hàng
Tiền điều kiện (đăng nhập)	-Người dùng đã có tài khoản trong hệ thống và đăng nhập thành công
Mục đích (đăng nhập)	-Xác thực người dùng, người dùng đăng nhập vào hệ thống thông qua “Tài khoản” và “Mật khẩu”
Dòng sự kiện chính (đăng nhập)	Dòng sự kiện chính: -Người dùng muốn đăng nhập và hệ thống -Hệ thống hiện thị giao diện đăng nhập

	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Người dùng nhập “Tên đăng nhập” và “Mật khẩu”</li> <li>-Hệ thống kiểm tra và xác thực thông tin đăng nhập</li> <li>-Hiện thị giao diện chính của hệ thống</li> </ul> <p>=&gt; Kết thúc Usecase</p>
Dòng sự kiện phụ (đăng nhập)	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nếu người dùng nhập sai hoặc không nhập tên đăng nhập/ mật khẩu thì không thực hiện đăng nhập</li> <li>-Nếu người dùng nhập sai mật khẩu sẽ thông báo cho người dùng biết</li> </ul>
Hậu điều kiện (đăng nhập)	<p>Trường hợp thành công: Hệ thống sẽ hiện thị giao diện quản lý chính. Người dùng có thể thực hiện các chức năng theo đúng quyền hạn của mình.</p> <p>Trường hợp thất bại: Hệ thống sẽ đưa ra thông báo “Tài khoản nhập sai hoặc không tồn tại” và yêu cầu đăng nhập lại.</p>

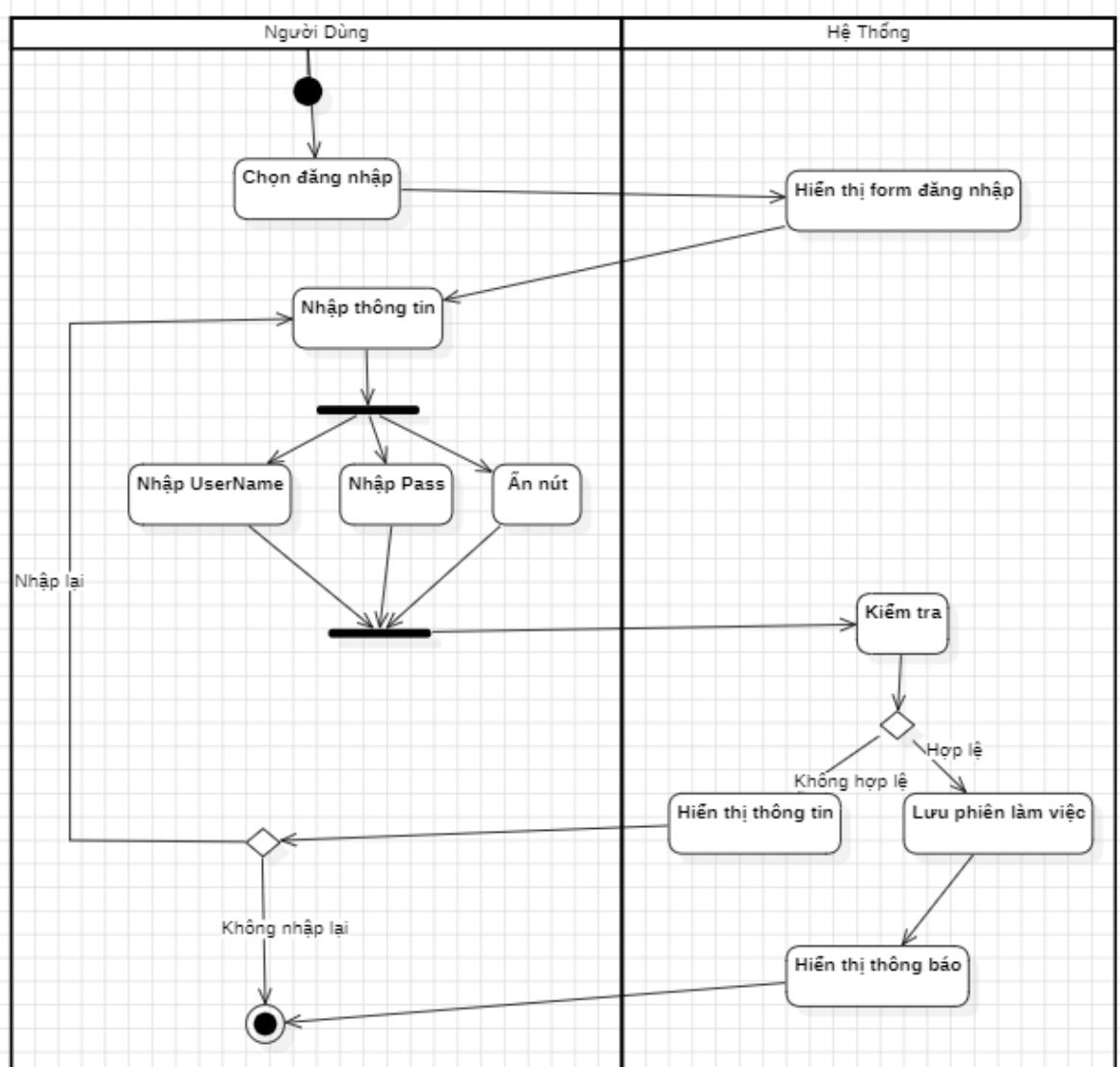
Bảng 10: Đặc tả chức năng đăng nhập đăng xuất

- Biểu đồ trình tự “đăng nhập”



Hình 2: Biểu đồ trình tự đăng nhập

- Biểu đồ hoạt động “đăng nhập”



Hình 3: Biểu đồ hoạt động Swimlanes đăng nhập

### 3.2 Đăng ký

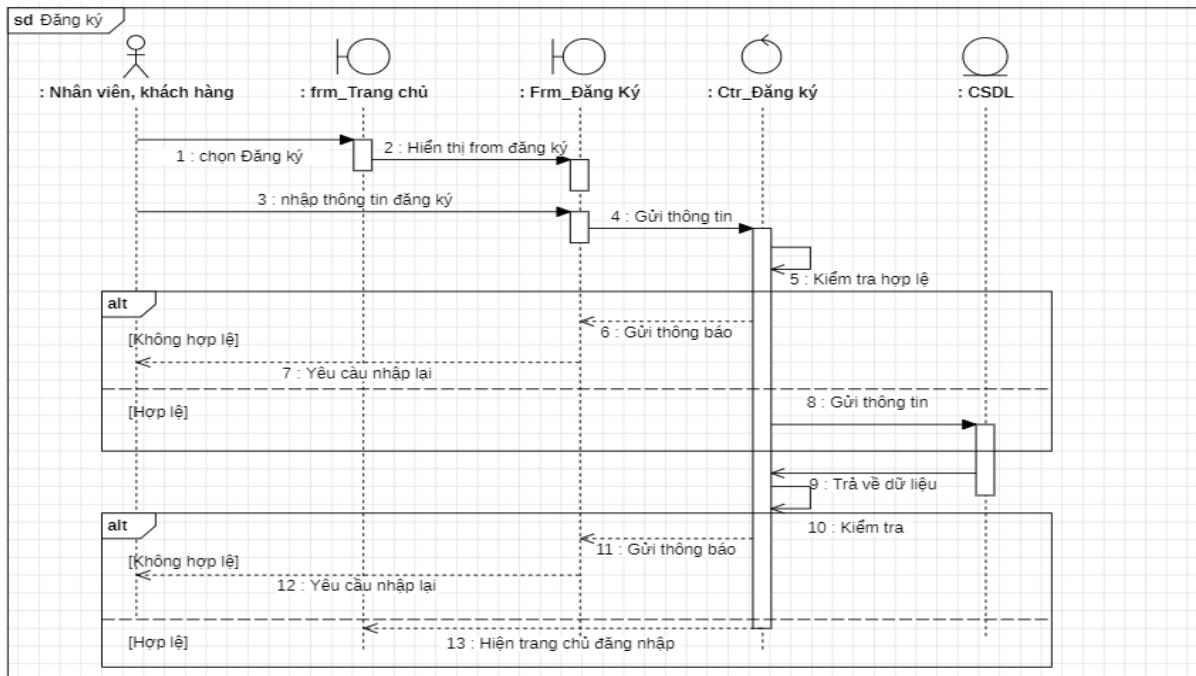
- Đặc tả:

Tên Usecase	Đăng ký
Tên tác nhân	Quản lý, nhân viên, khách hàng
Mục đích	Người dùng tạo tài khoản đăng nhập hệ thống
Dòng sự kiện chính	<p>Dòng sự kiện chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn vào mục đăng ký</li> <li>- Hệ thống hiện thị giao diện đăng ký</li> <li>- Người dùng sẽ được lựa chọn các phương thức sau:</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đăng ký bằng email: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Người dùng nhập vào các mục: Họ tên, Email, Tỉnh/Thành phố- Quận/ Huyện, Tên đăng nhập, Mật khẩu</li> <li>• Hệ thống sẽ gửi mã xác thực tới email</li> <li>• Hệ thống hiển thị giao diện chờ xác nhận</li> <li>• Người dùng kiểm tra hộp thư email và nhấn vào nút xác nhận</li> <li>• Hiển thị giao diện chính của hệ thống</li> </ul> </li> <li>2. Đăng ký bằng số điện thoại <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Người dùng nhập vào các mục: Họ tên, Điện thoại</li> <li>❖ Hệ thống sẽ gửi mã xác thực tới số điện thoại đăng ký</li> <li>❖ Hệ thống hiển thị giao diện nhập mã xác nhận</li> <li>❖ Người dùng kiểm tra tin nhắn và nhập mã xác nhận vào hệ thống</li> <li>❖ Hiển thị giao diện chính của hệ thống</li> </ul> </li> <li>3. Đăng ký bằng tài khoản bên thứ 3, người dùng liên kết vào tài khoản mong muốn (Google, Facebook....)</li> <li>4. Kết thúc Usecase</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Nếu người dùng nhập sai email hay số điện thoại thì không nhận được mã xác thực

Hậu điều kiện	<p>Trường hợp thành công: Hệ thống sẽ hiện thị giao diện quản lý chính. Người dùng có thể thực hiện các chức năng theo đúng quyền hạn của mình.</p> <p>Trường hợp thất bại: Hệ thống vẫn ở giao diện xác thực tài khoản</p>
---------------	---

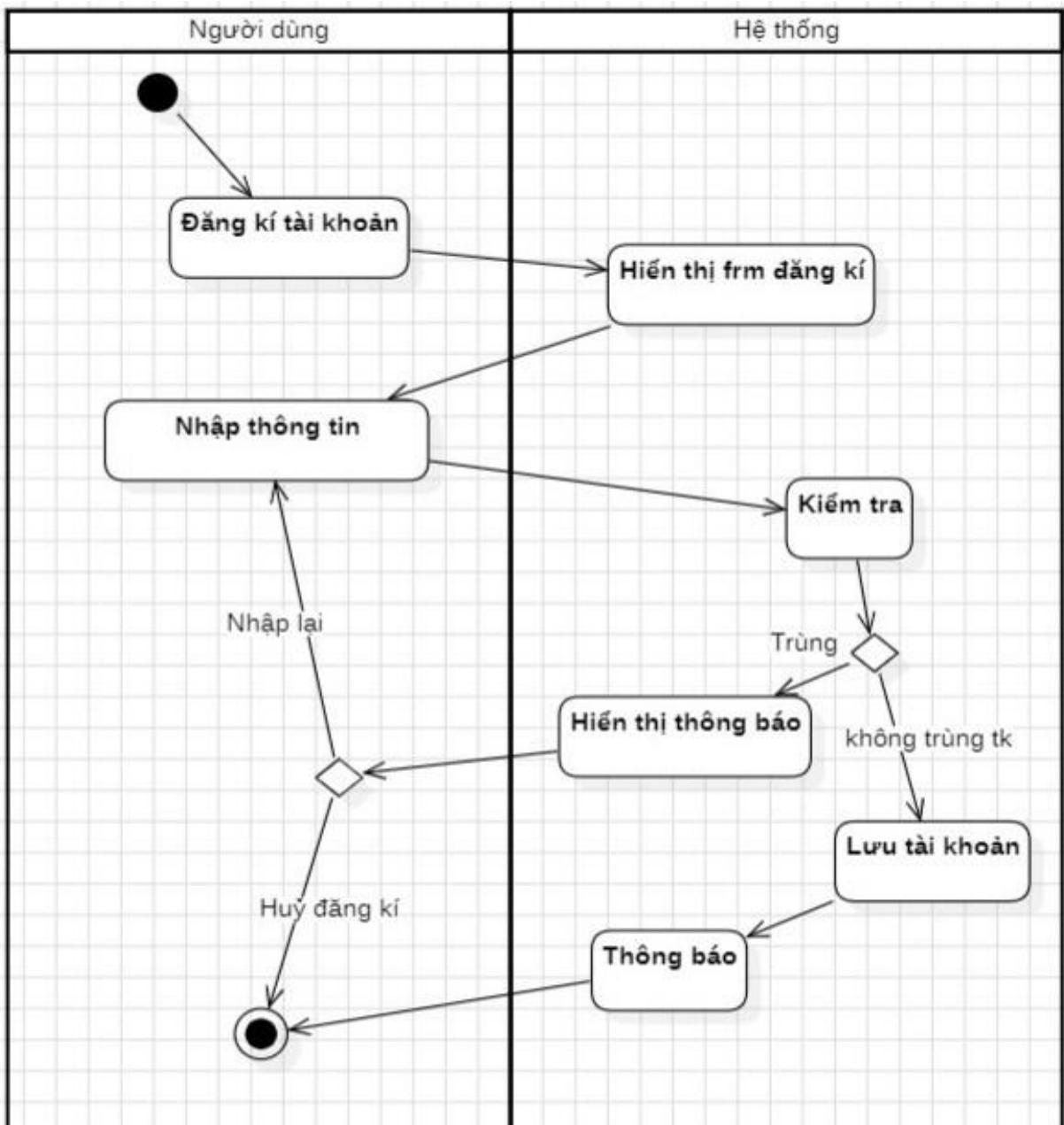
Bảng 11: Đặc tả chức năng đăng ký

- Biểu đồ trình tự “đăng ký”



Hình 4: Đặc tả chức năng đăng ký

- Biểu đồ hoạt động “đăng ký”



Hình 5: Biểu đồ hoạt động đăng kí

### 3.3 Quên mật khẩu

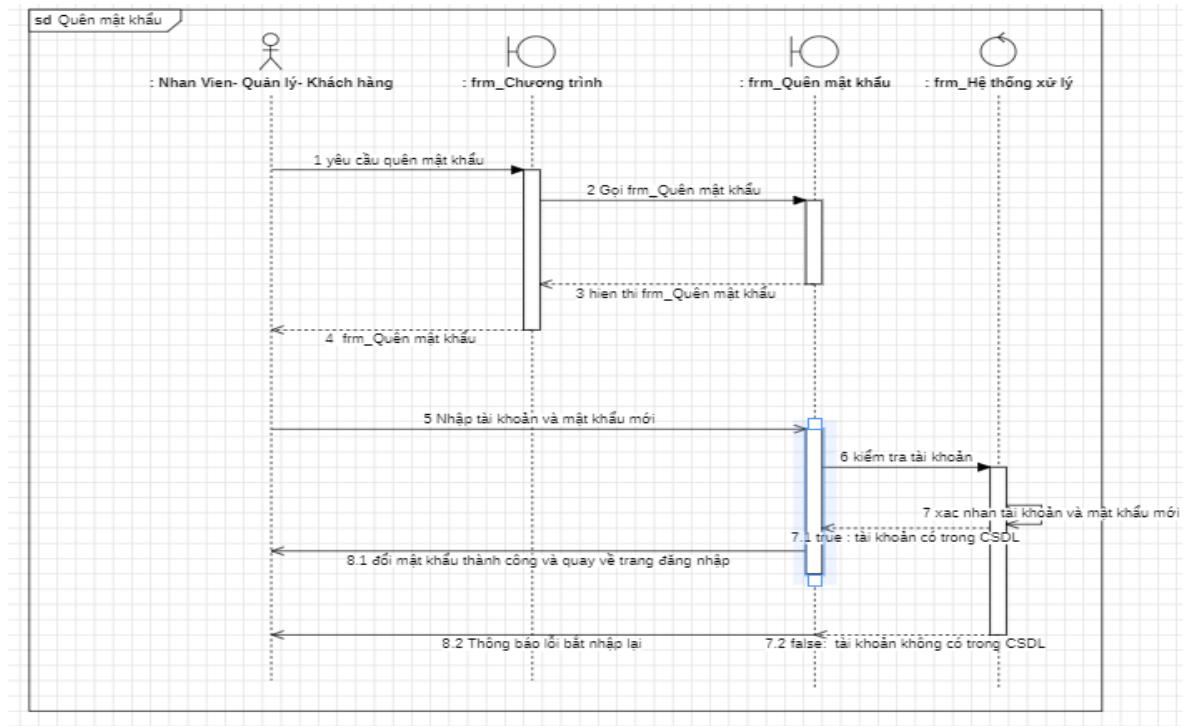
- Đặc tả:

Tên Usecase	Quên Mật Khẩu
Tác Nhân	-Quản lý, nhân viên, khách hàng
Tiền điều kiện	-Người dùng đã có tài khoản trong hệ thống và quên mật khẩu
Mục đích	-Lấy lại mật khẩu để đăng nhập và website

Dòng sự kiện chính	<p>Dòng sự kiện chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Người dùng muốn lấy lại mật khẩu cho tài khoản</li> <li>-Hệ thống hiện thị giao diện</li> <li>-Người dùng chọn “Quên mật khẩu” và “nhập thông tin cá nhân”</li> <li>-Hệ thống kiểm tra và xác thực thông tin</li> <li>-Xác nhận đổi mật khẩu thành công</li> </ul> <p>=&gt; Kết thúc Usecase</p>
Dòng sự kiện phụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nếu người dùng nhập sai thông tin thì không thực hiện đổi mật khẩu</li> <li>-Nếu người dùng nhập sai mã kích hoạt sẽ thông báo cho người dùng biết</li> </ul>
Hậu điều kiện	<p>Trường hợp thành công: Hệ thống sẽ thông báo đổi mật khẩu thành công. Người dùng có thể đăng nhập vào tài khoản của mình</p> <p>Trường hợp thất bại: Hệ thống sẽ đưa ra thông báo “chưa điền đủ thông tin hoặc nhập sai mã kích hoạt” và yêu nhập lại thông tin.</p>

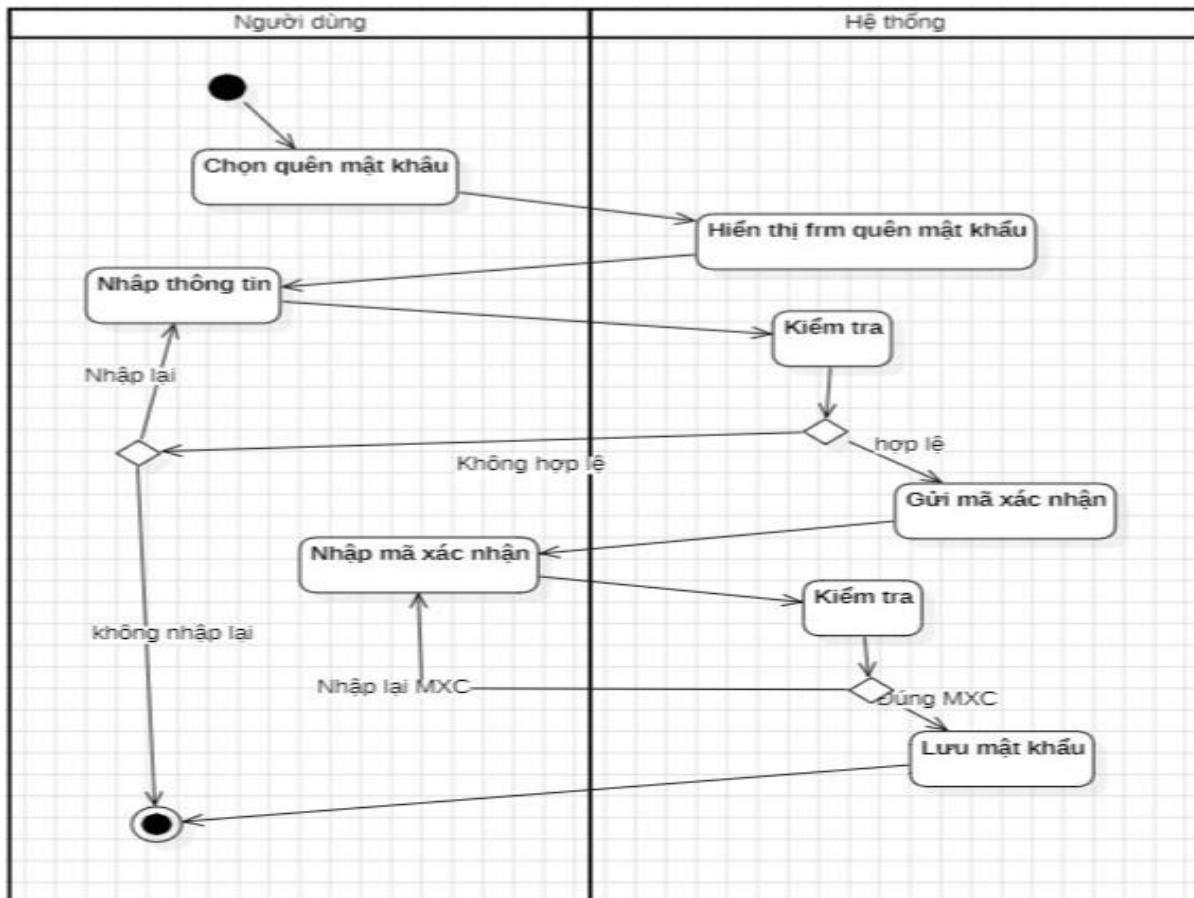
Bảng 12: Đặc tả chức năng quên mật khẩu

- Biểu đồ trình tự “quên mật khẩu”



Hình 6: Biểu đồ trình tự quên mật khẩu

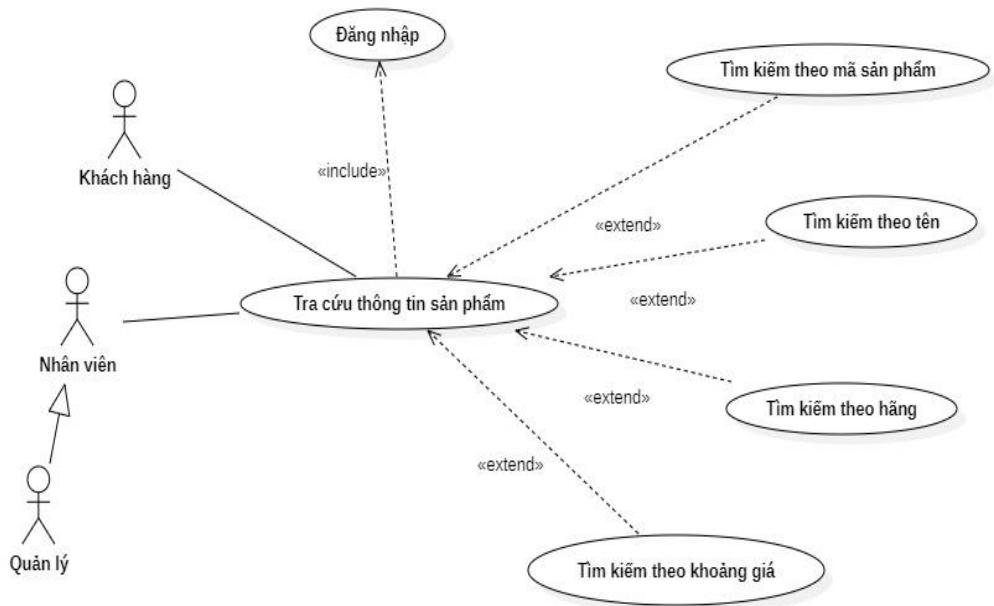
- Biểu đồ hoạt động “quên mật khẩu”



Hình 7: Biểu đồ hoạt động quên mật khẩu

### 3.4 Chức năng “tra cứu thông tin sản phẩm”

- Đặc tả:



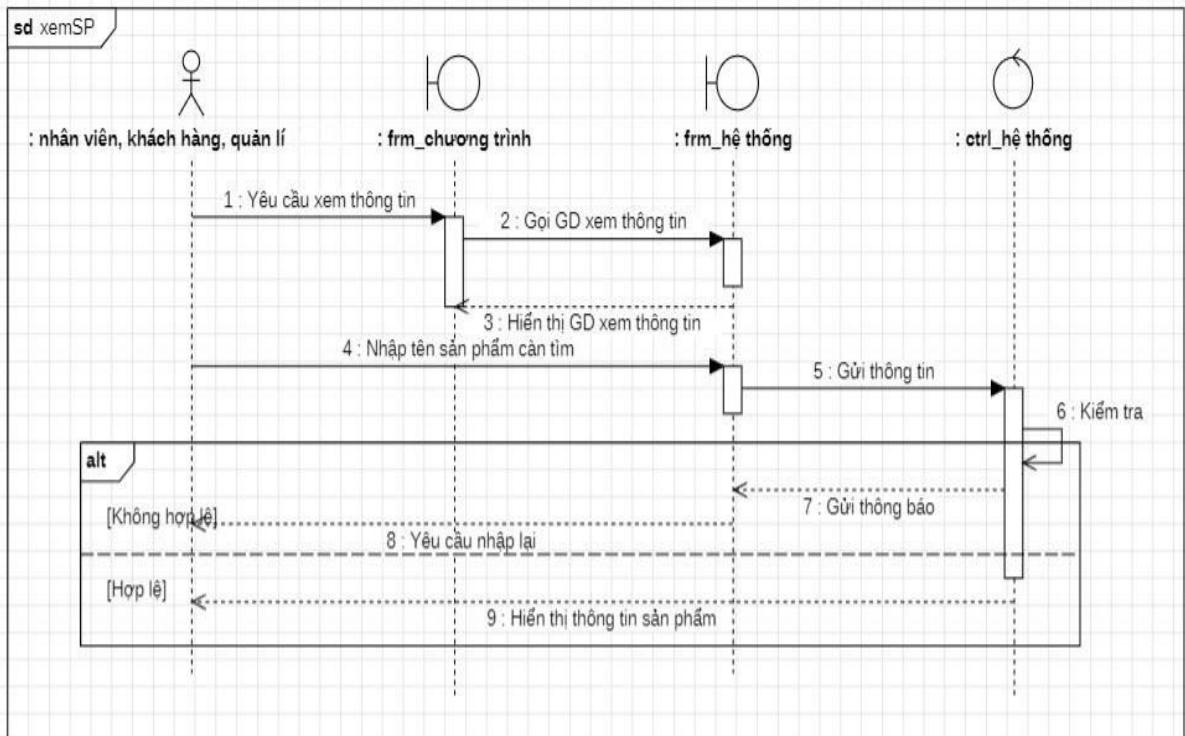
Hình 8: Biểu đồ hoạt động quên mật khẩu

Tên Usecase	Tra cứu thông tin sản phẩm
Tác nhân	Quản Lý, Nhân Viên, Khách Hàng
Tiền điều kiện	Quản lý hoặc nhân viên phải đăng nhập hệ thống
Mục đích	Xem thông tin sản phẩm
Dòng sự kiện chính	Quản lý hoặc nhân viên khách hàng chọn tìm kiếm Quản lý hoặc nhân viên nhập thông tin để tìm kiếm Bấm tìm kiếm hiện ra thông tin cần tìm
Dòng sự kiện phụ	Hệ thống thông báo không có dữ liệu về thông tin đang tìm kiếm Quản Lý hoặc nhân viên nhập lại thông tin

Hậu điều kiện	Trường hợp thành công: form thông tin cần tìm kiếm hiển thị ra màn hình  Trường hợp thất bại: Hệ thống sẽ thông báo ko tìm thấy
---------------	---

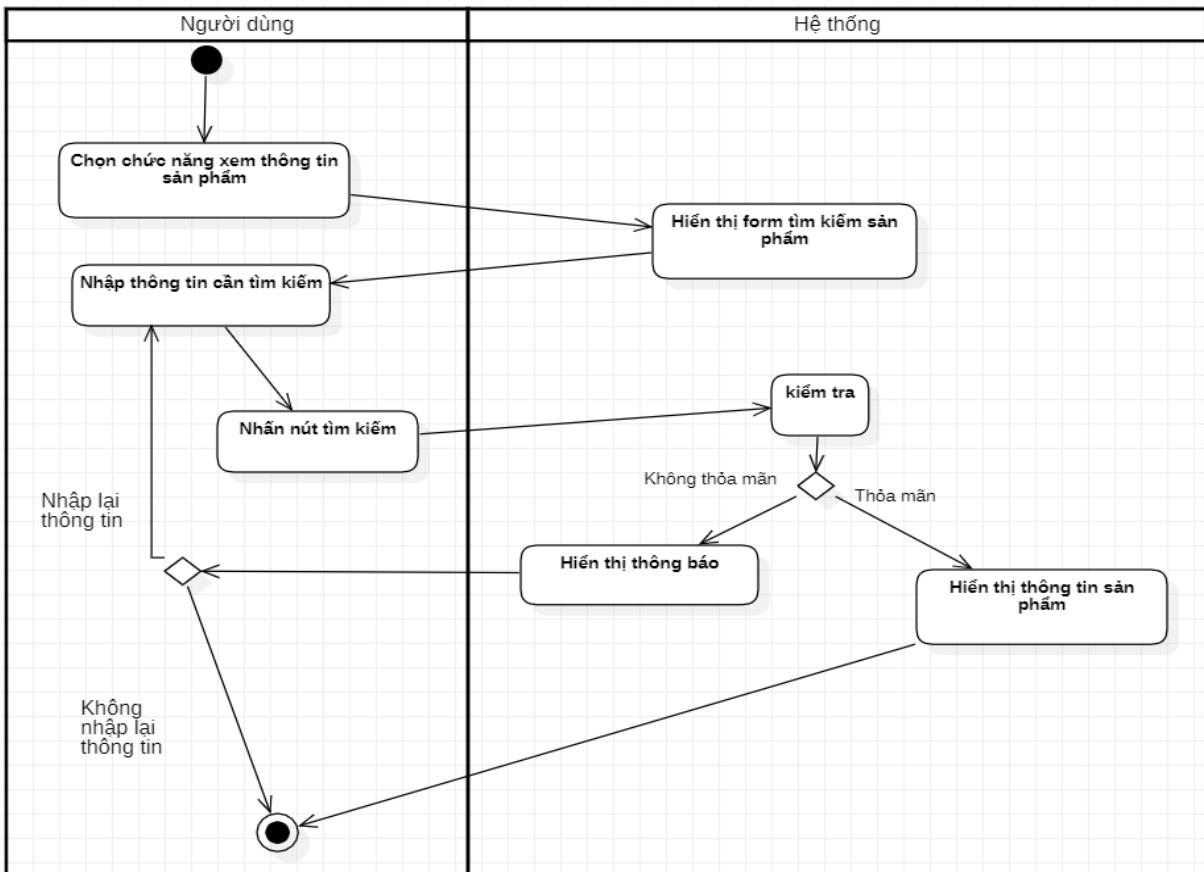
Bảng 13: Đặc tả chức năng tra cứu thông tin sản phẩm

- Biểu đồ trình tự “tra cứu thông tin sản phẩm”



Hình 9: Biểu đồ trình tự xem thông tin sản phẩm

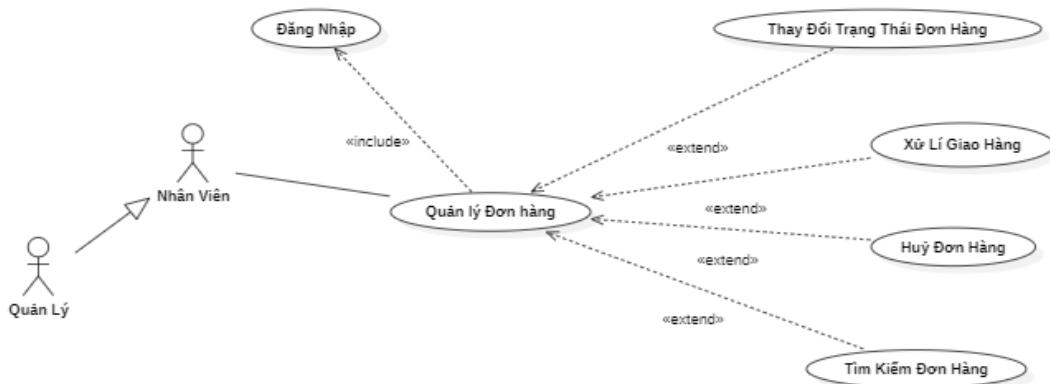
- Biểu đồ hoạt động “tra cứu thông tin sản phẩm”



Hình 10: Biểu đồ hoạt động tìm kiếm thông tin sản phẩm

### 3.5 Quản lý đơn hàng

- Đặc tả:

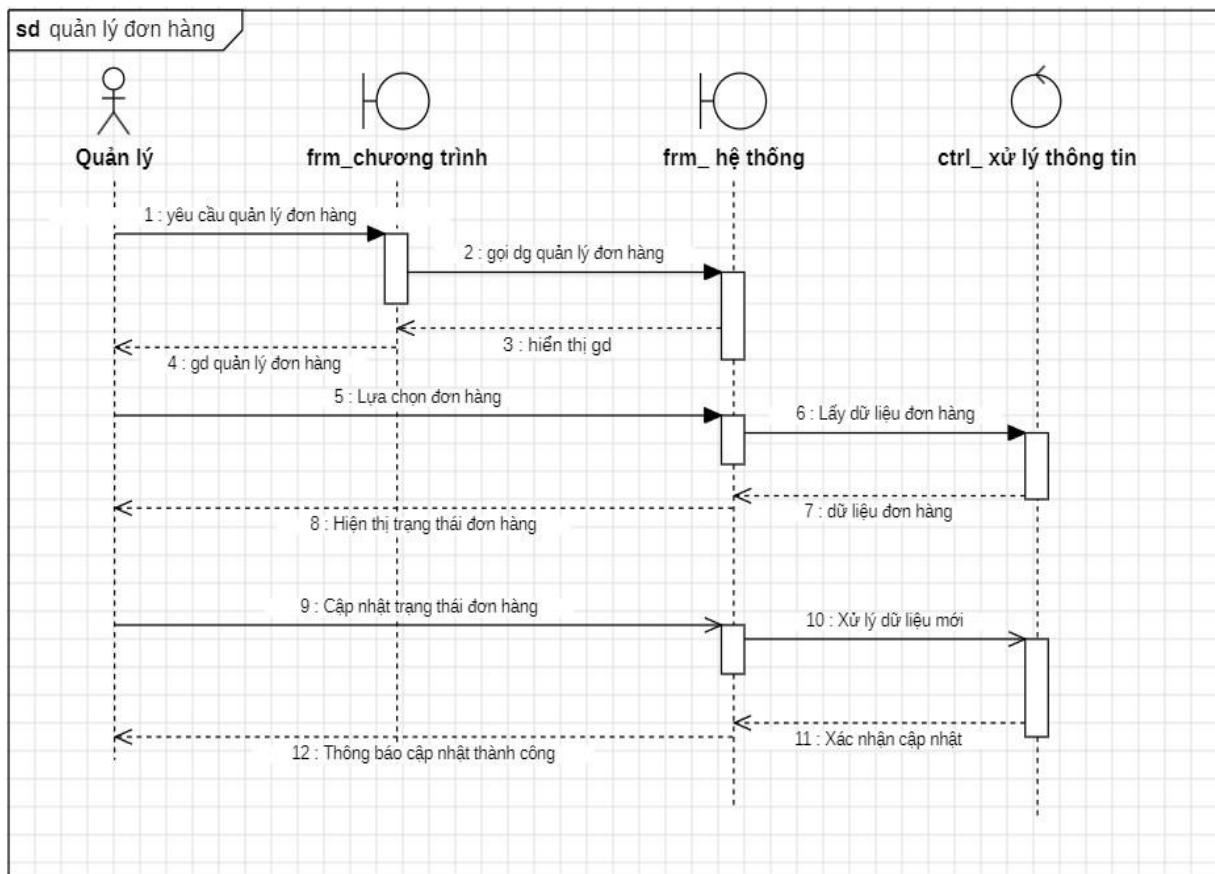


Hình 11: Biểu đồ Use Case quản lý đơn hàng(Shop)

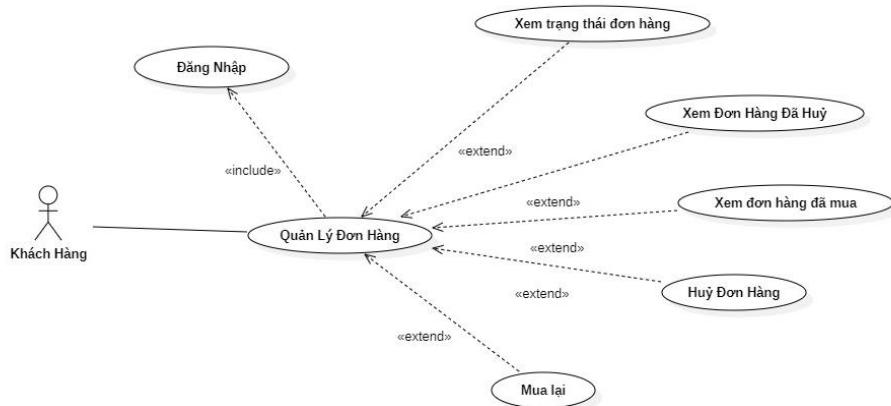
Tên UC	Quản Lý Đơn Hàng
Tác nhân	Quản lý, Nhân viên
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Xử lý đơn hàng có trong hệ thống
Luồng sự kiện chính	<p>1. Chọn Quản lý đơn hàng.</p> <p>2. Hiển thị màn hình danh sách đơn hàng.</p> <p>3. Chọn: tìm kiếm đơn hàng, liên hệ để xử lý giao hàng, thay đổi trạng thái đơn hàng, huỷ đơn</p> <p>=&gt; kết thúc use case</p>
Luồng sự kiện phụ	<p>1. Hệ thống thông báo các lỗi nhập thông tin</p> <p>2. Thông tin không hợp lệ thì thông báo sửa thất bại</p>
Hậu điều kiện	<p>Trường hợp sửa thành công: Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “ thành công” và hệ thống sẽ hiển thị giao diện quản lý đơn hàng</p> <p>Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo “ thất bại” khi thay đổi trạng thái.</p>

Bảng 14: Đặc tả chức năng quản lý đơn hàng

- Biểu đồ trình tự “Cập nhật trạng thái đơn hàng”



Hình 12: Biểu đồ trình tự cập nhật trạng thái đơn hàng

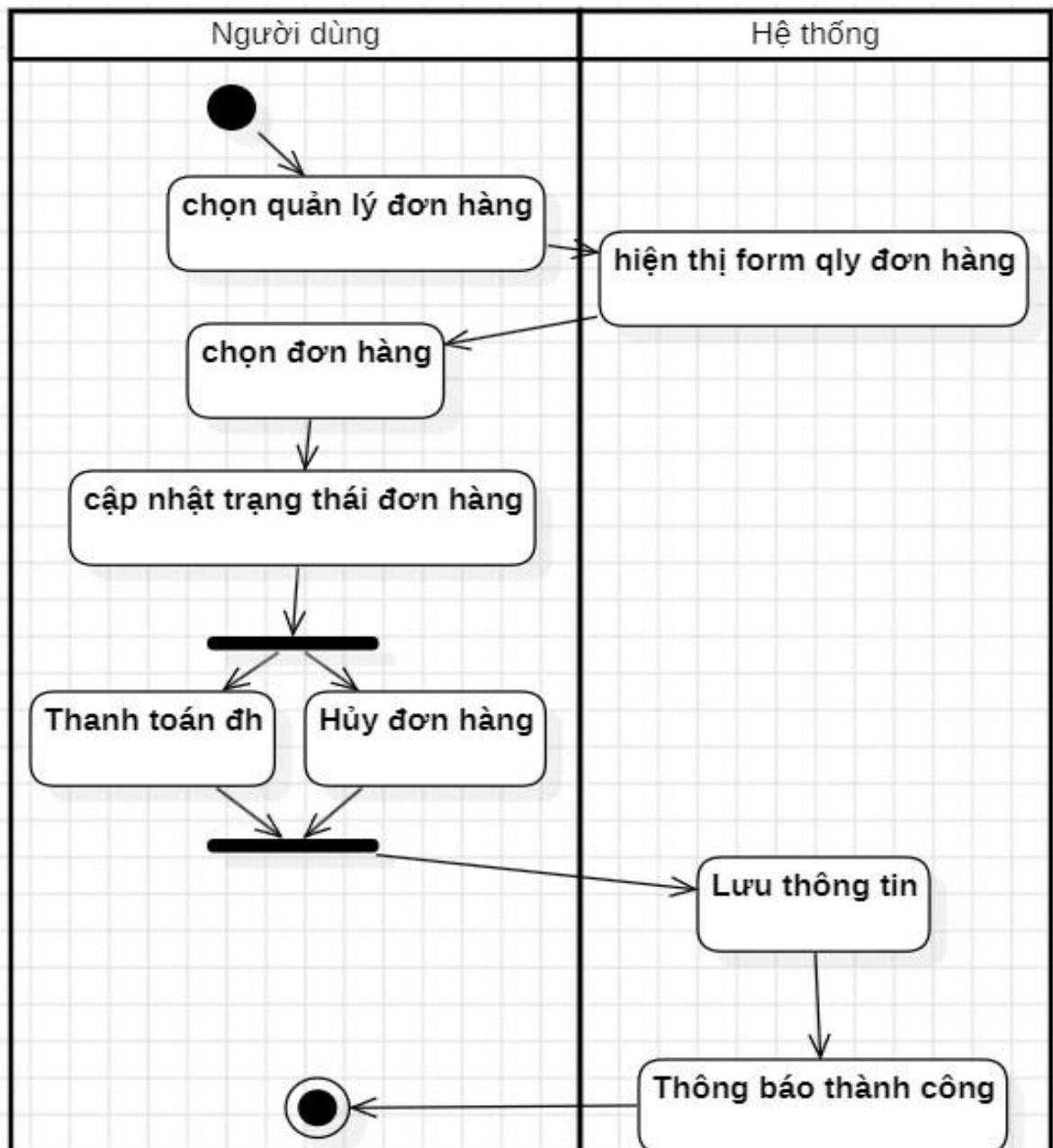


Hình 13: Biểu đồ Use Case quản lý đơn hàng(Khách Hàng)

Tên UC	Quản Lý Đơn Hàng
Tác nhân	Khách hàng
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Xử lý đơn hàng có trong hệ thống
Luồng sự kiện chính	<p>1. Chọn Quản lý đơn hàng.</p> <p>2. Hiển thị màn hình danh sách đơn hàng đã mua.</p> <p>3. Chọn: huỷ đơn hoặc mua lại</p> <p>=&gt; kết thúc use case</p>
Luồng sự kiện phụ	- Hệ thống thông báo các lỗi khi không được huỷ hoặc hàng đã hết không thể mua lại
Hậu điều kiện	<p>Trường hợp sửa thành công: Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “huỷ thành công” và “đặt lại thành công”</p> <p>Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo “thất bại”</p>

Bảng 15: Đặc tả chức năng quản lý đơn hàng(khách hàng)

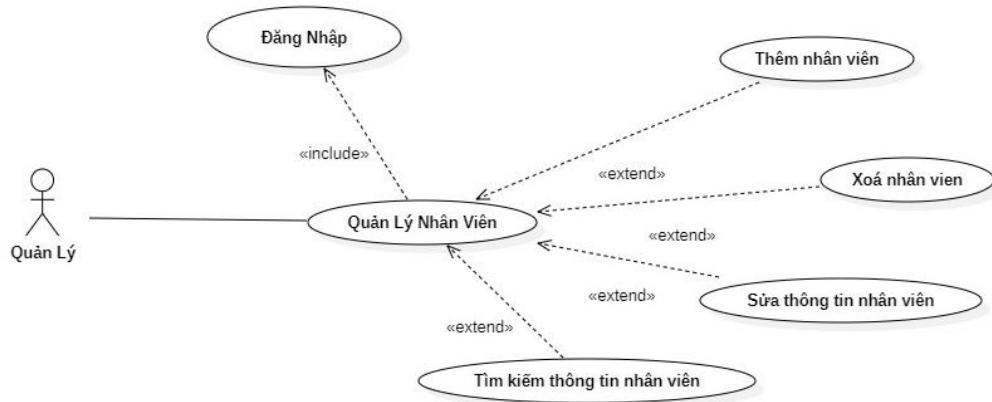
- Biểu đồ hoạt động “Quản lý đơn hàng”



Hình 14: Biểu đồ hoạt động quản lý đơn hàng

### 3.6 Quản lý nhân viên

❖ ..... Đ  
ać tả



Hình 15: Biểu đồ Use Case quản lý nhân viên

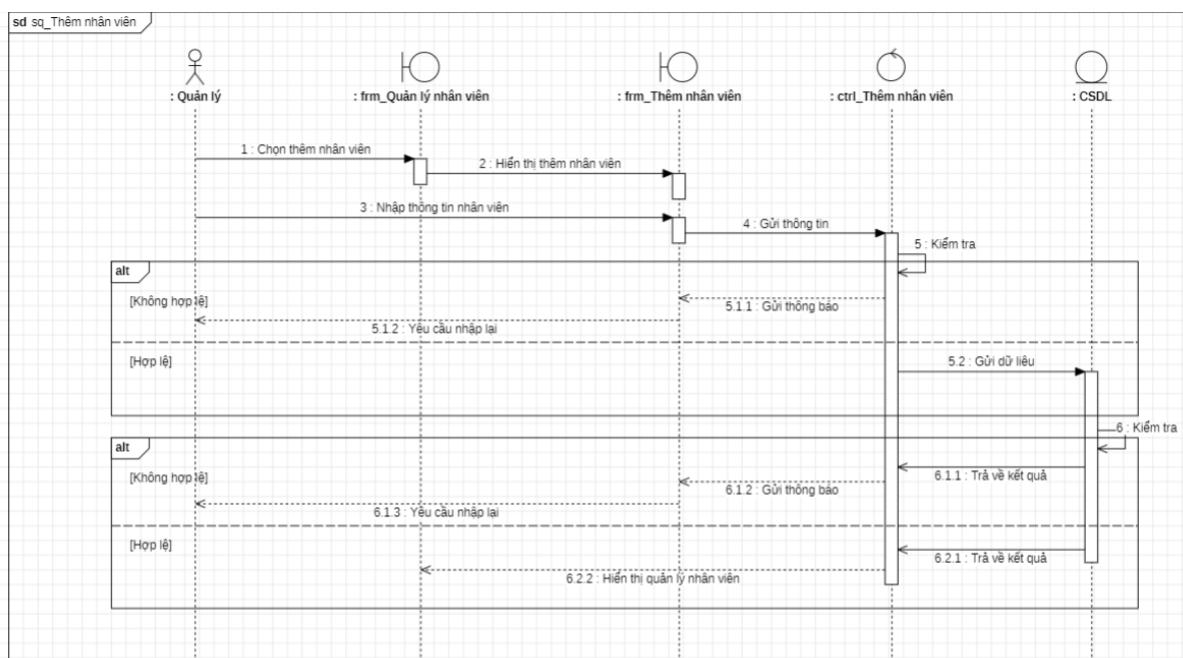
❖ Chức năng “Thêm nhân viên”

Tên Usecase	Thêm nhân viên
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện(Đăng nhập)	Quản lý phải đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của quản lý.
Mục đích (Thêm nhân viên)	Quản lý có thể thêm nhân viên vào hệ thống khi có nhân viên mới
Dòng sự kiện chính (Thêm nhân viên)	<p>Dòng sự kiện chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý muốn thêm mới nhân viên</li> <li>- Chọn quản lý nhân viên</li> <li>- Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên</li> <li>- Chọn thêm mới nhân viên</li> <li>- Nhập thông tin nhân viên muốn thêm mới</li> <li>- Chọn xác nhận</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hiển thị thông báo thêm mới nhân viên thành công</li> <li>- Kết thúc Usecase</li> </ul>
Dòng sự kiện phụ (Thêm nhân viên)	<p>Dòng sự kiện phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thông tin nhập trong các trường không đúng với format thì sẽ thêm mới thất bại. Thông báo yêu cầu quản lý nhập lại.</li> </ul>
Hậu điều kiện (Thêm nhân viên)	<p>Trường hợp thành công: Hệ thống hiển thị thông báo thêm mới nhân viên thành công. Quản lý có thể tiếp tục thực hiện các chức năng khác trong quyền hạn của mình.</p> <p>Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo “Thông tin được nhập không đúng format” và yêu cầu nhập lại</p>

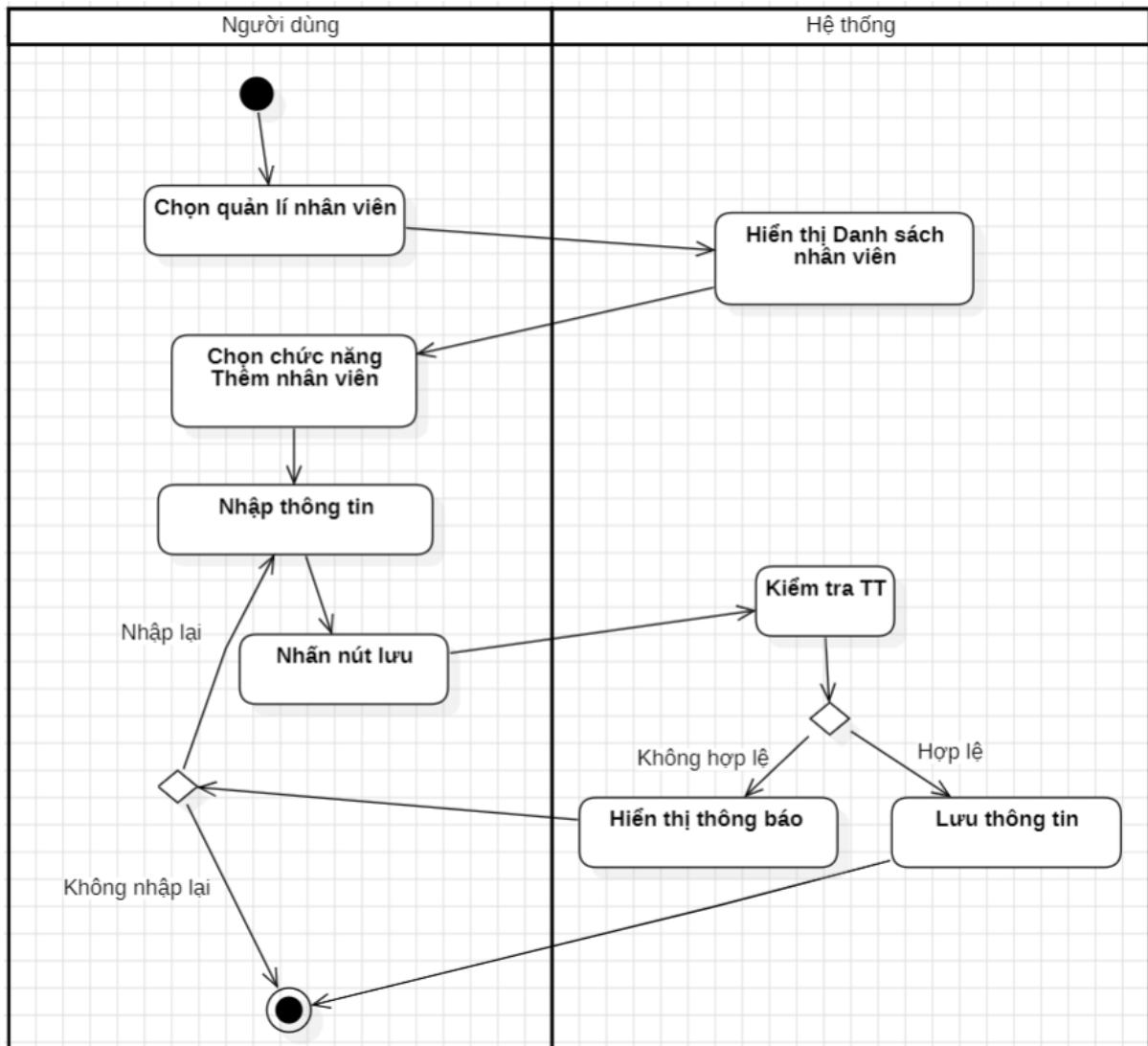
Bảng 16: Đặc tả chức năng thêm nhân viên

❖ Biểu đồ trình tự “thêm nhân viên”



Hình 16: Biểu đồ trình tự thêm nhân viên

❖ Biểu đồ hoạt động “thêm nhân viên”



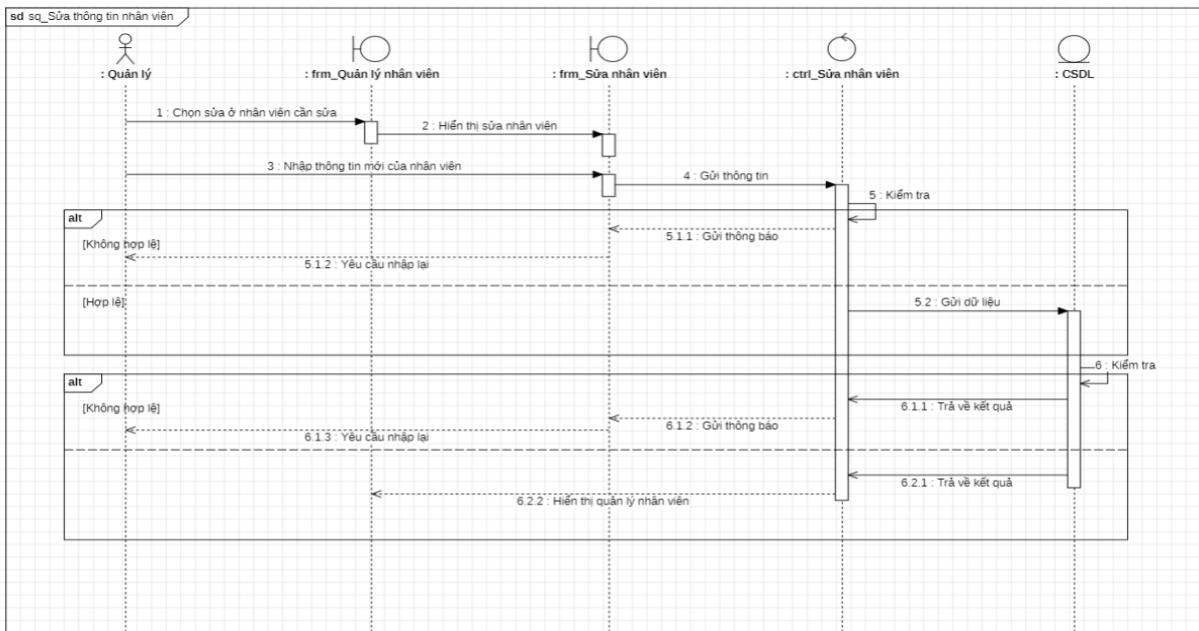
Hình 17: Biểu đồ hoạt động thêm nhân viên

❖ Chức năng “Sửa thông tin nhân viên”

Tên Usecase	Sửa thông tin nhân viên
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện (Đăng nhập)	Quản lý phải đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của quản lý.
Mục đích (Sửa thông tin nhân viên)	Mục đích để quản lý có thể sửa thông tin của nhân viên hiện có.
Dòng sự kiện chính (Sửa thông tin nhân viên)	<p>Dòng sự kiện chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý muốn sửa thông tin nhân viên</li> <li>- Chọn quản lý nhân viên</li> <li>- Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên</li> <li>- Tìm kiếm nhân viên</li> <li>- Chọn nhân viên muốn sửa thông tin từ danh sách hiển thị</li> <li>- Sửa thông tin nhân viên</li> <li>- Chọn lưu thông tin nhân viên</li> <li>- Kết thúc Usecase</li> </ul>
Dòng sự kiện phụ (Sửa thông tin nhân viên)	<p>Dòng sự kiện phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thông tin thay đổi không đúng format của các trường thì sẽ lưu thất bại, hiển thị thông báo lỗi</li> </ul>
Hậu điều kiện (Sửa thông tin nhân viên)	<p>Trường hợp thành công: Hệ thống hiển thị thông báo sửa thông tin nhân viên thành công, quản lý có thể tiếp tục thực hiện các chức năng khác trong quyền hạn của mình.</p> <p>Trường hợp thất bại: Hệ thống hiển thị thông báo “Thông tin mới nhập không đúng format” và yêu cầu nhập lại</p>

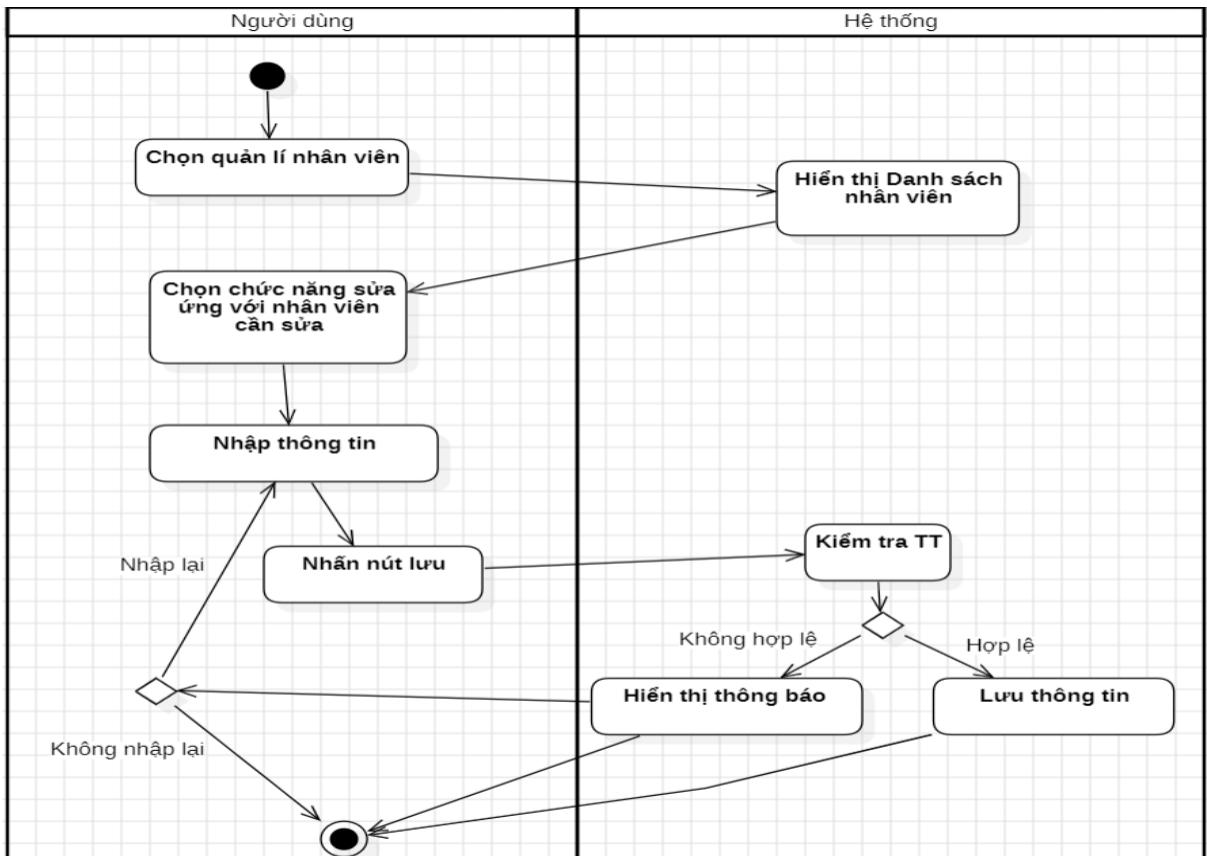
Bảng 17: Đặc tả chức năng sửa thông tin nhân viên

❖ Biểu đồ trình tự “chỉnh sửa thông tin nhân viên”



Hình 18: Biểu đồ chỉnh sửa thông tin nhân viên

❖ Biểu đồ hoạt động “Sửa nhân viên”



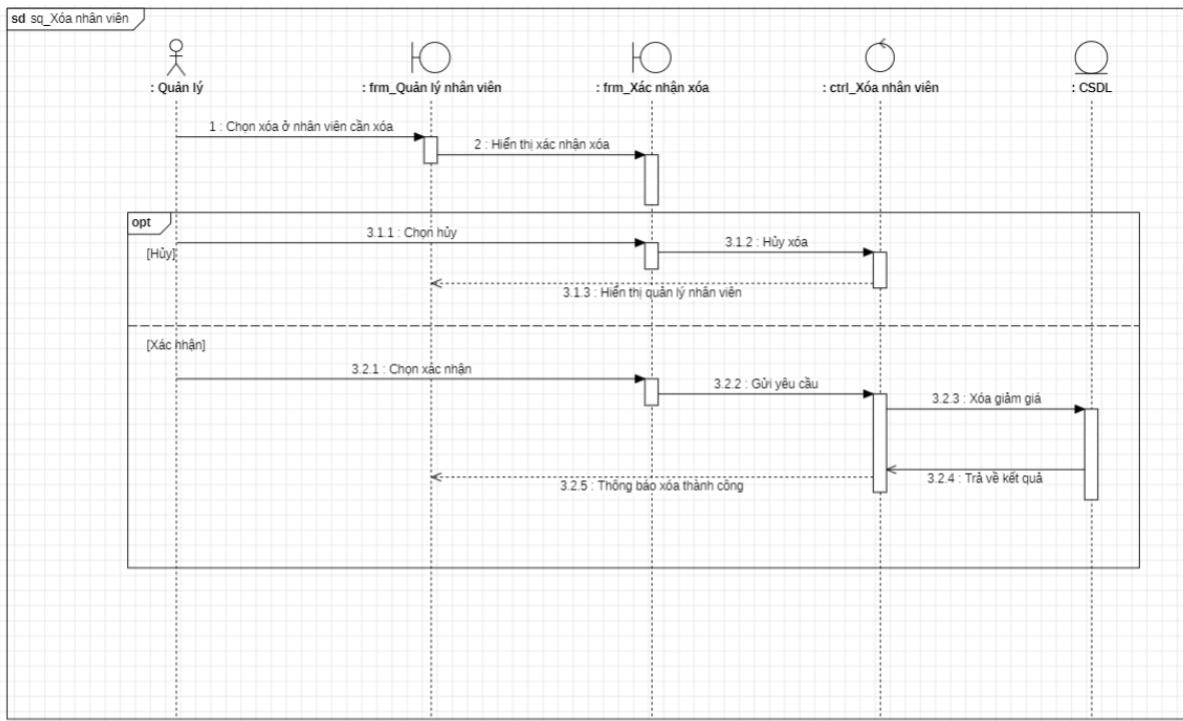
Hình 19: Biểu đồ hoạt động Swimlanes sửa nhân viên

❖ Chức năng “Xóa nhân viên”

Tên Usecase	Xóa nhân viên
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện(Đăng nhập)	Quản lý phải đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của quản lý.
Mục đích (Xóa nhân viên)	Mục đích để quản lý có thể xóa nhân viên không còn làm việc.
Dòng sự kiện chính (Xóa nhân viên)	<p>Dòng sự kiện chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý muốn xóa nhân viên</li> <li>- Chọn quản lý nhân viên</li> <li>- Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên</li> <li>- Tìm kiếm nhân viên</li> <li>- Chọn xóa nhân viên muốn xóa từ danh sách hiển thị</li> <li>- Xác nhận xóa từ cửa sổ thông báo hiện lên</li> <li>- Hệ thống hiển thị xóa nhân viên thành công</li> <li>- Kết thúc Usecase</li> </ul>
Hậu điều kiện (Xóa nhân viên)	Trường hợp thành công: Hệ thống hiển thị thông báo xóa nhân viên thành công, quản lý có thể tiếp tục thực hiện các chức năng khác trong quyền hạn của mình.

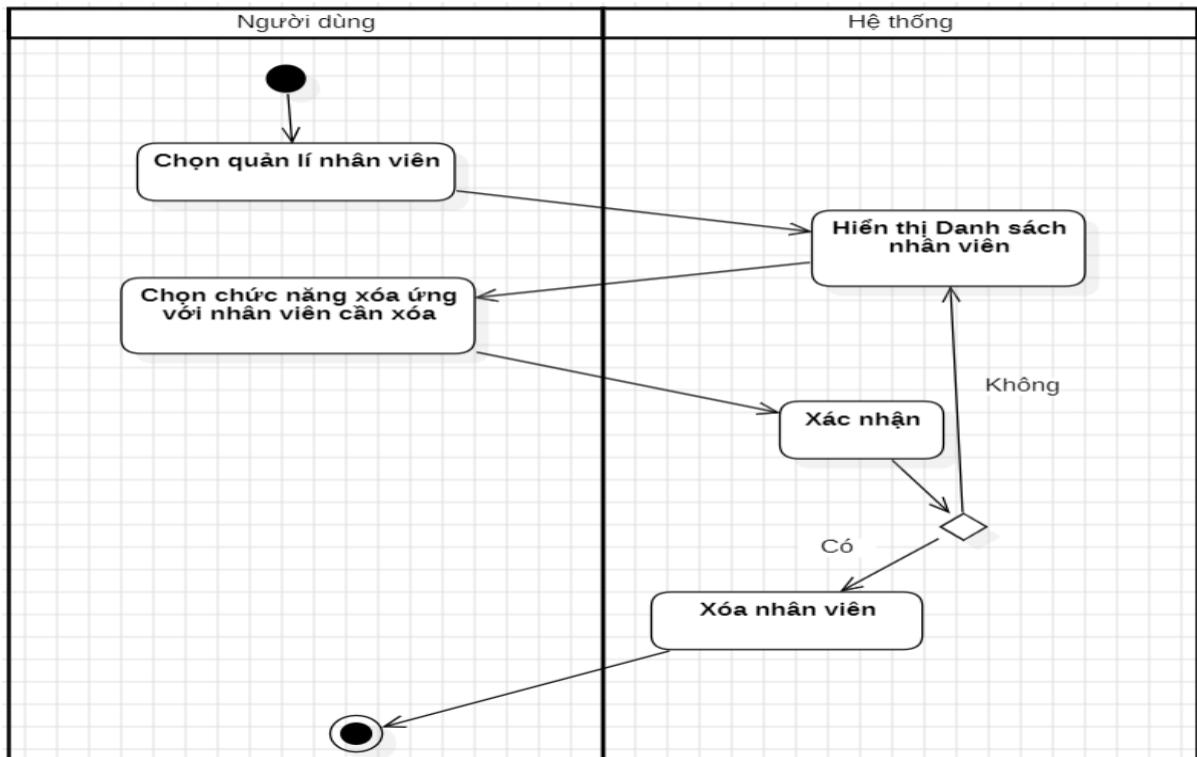
Bảng 18: Đặc tả chức năng xoá nhân viên

❖ Biểu đồ trình tự “xóa nhân viên”



Hình 20: Biểu đồ trình tự xoá nhân viên

❖ Biểu đồ hoạt động “xoá nhân viên”

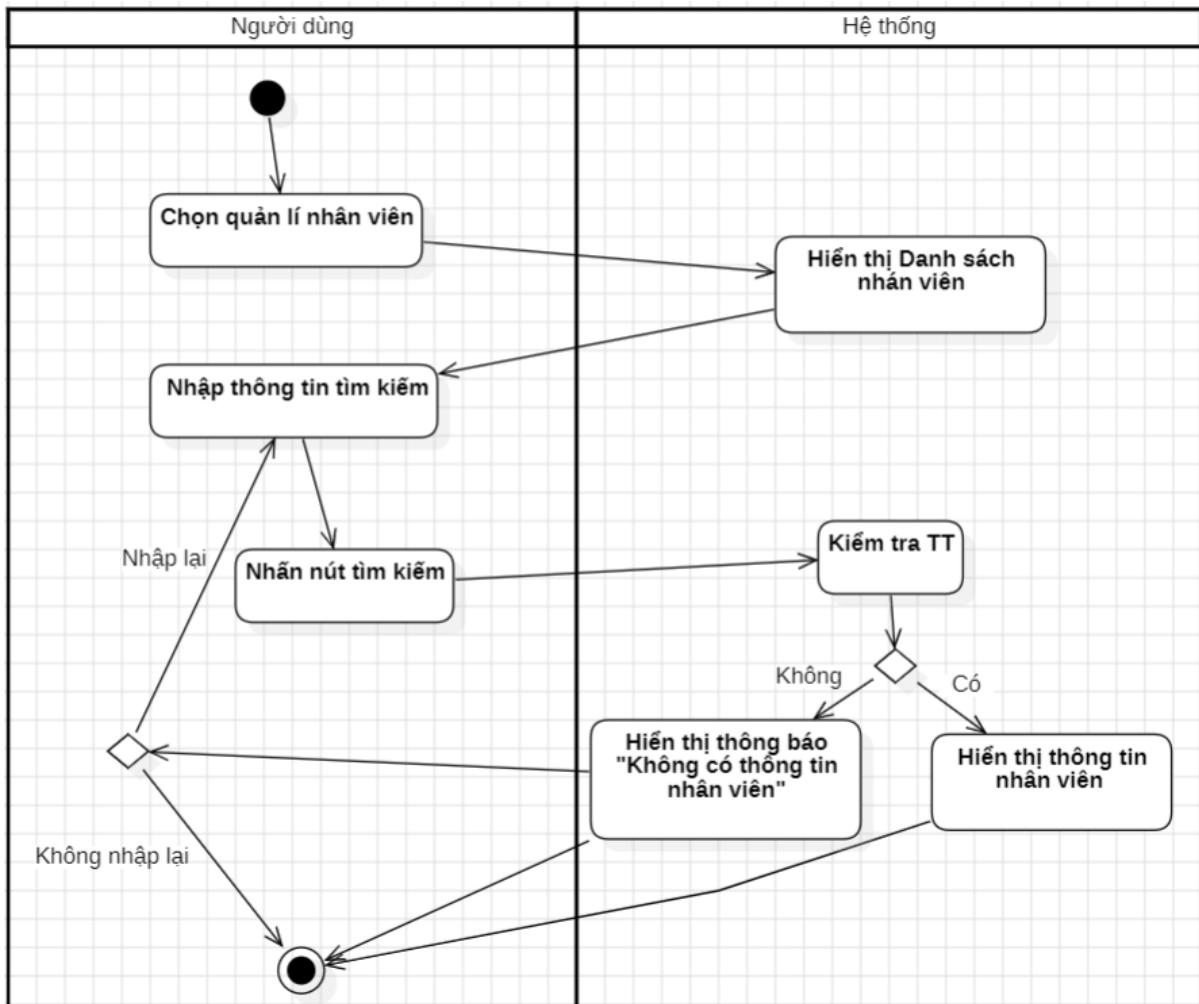


Hình 21: Biểu đồ hoạt động xóa nhân viên

Tên Usecase	Tìm kiếm nhân viên
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện (Đăng nhập)	Quản lý phải đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của quản lý.
Mục đích (Tìm kiếm nhân viên)	Mục đích để quản lý có thể tìm kiếm nhân viên từ CSDL
Dòng sự kiện chính (Tìm kiếm nhân viên)	<p>Dòng sự kiện chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý muốn tìm kiếm nhân viên</li> <li>- Chọn quản lý nhân viên</li> <li>- Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên</li> <li>- Quản lý nhập thông tin tìm kiếm hoặc chọn tìm kiếm theo bộ lọc</li> <li>- Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên có thông tin thỏa mãn tiêu chí tìm kiếm</li> <li>- Kết thúc Usecase</li> </ul>
Dòng sự kiện phụ (Tìm kiếm nhân viên)	<p>Dòng sự kiện phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu không có nhân viên nào có thông tin thỏa mãn tiêu chí tìm kiếm thì hiển thị thông báo không tìm thấy nhân viên</li> </ul>
Hậu điều kiện (Tìm kiếm nhân viên)	<p>Trường hợp thành công: Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên thỏa mãn tiêu chí tìm kiếm.</p> <p>Trường hợp thất bại: Hệ thống hiển thị thông báo “Không tồn tại nhân viên thỏa mãn tiêu chí tìm kiếm”</p>

Bảng 19: Đặc tả chức năng tìm kiếm nhân viên

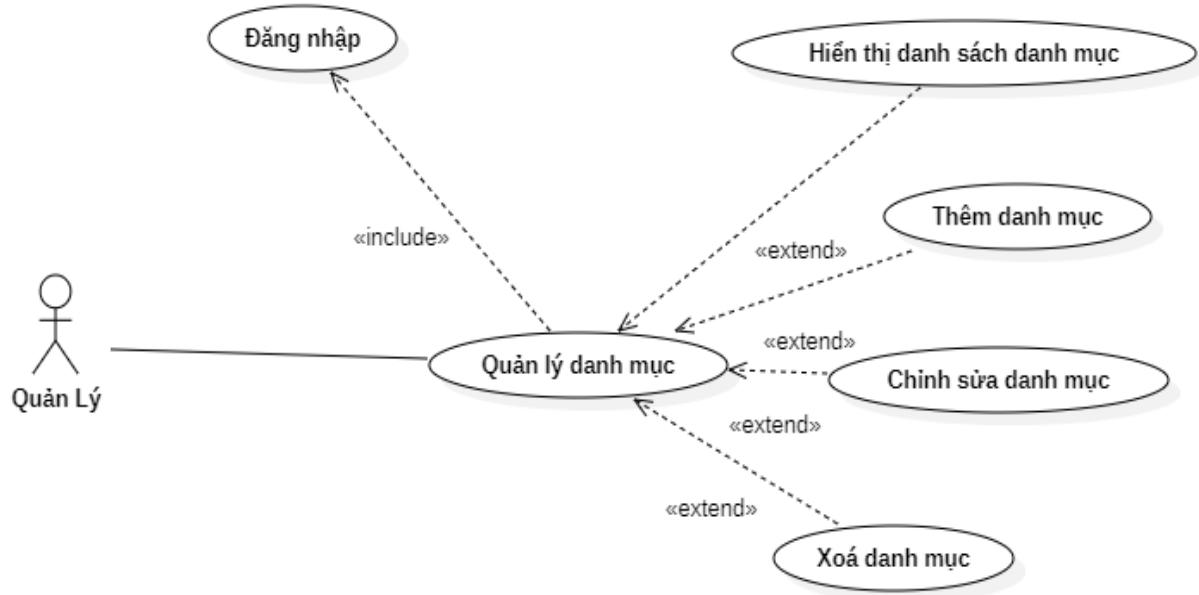
❖ Biểu đồ hoạt động “tìm kiếm nhân viên”



Hình 22: Biểu đồ hoạt động tìm kiếm nhân viên

### 3.7 Quản lý danh mục

#### ❖ Đặc tả



Hình 23: Biểu đồ Use Case quản lý danh mục

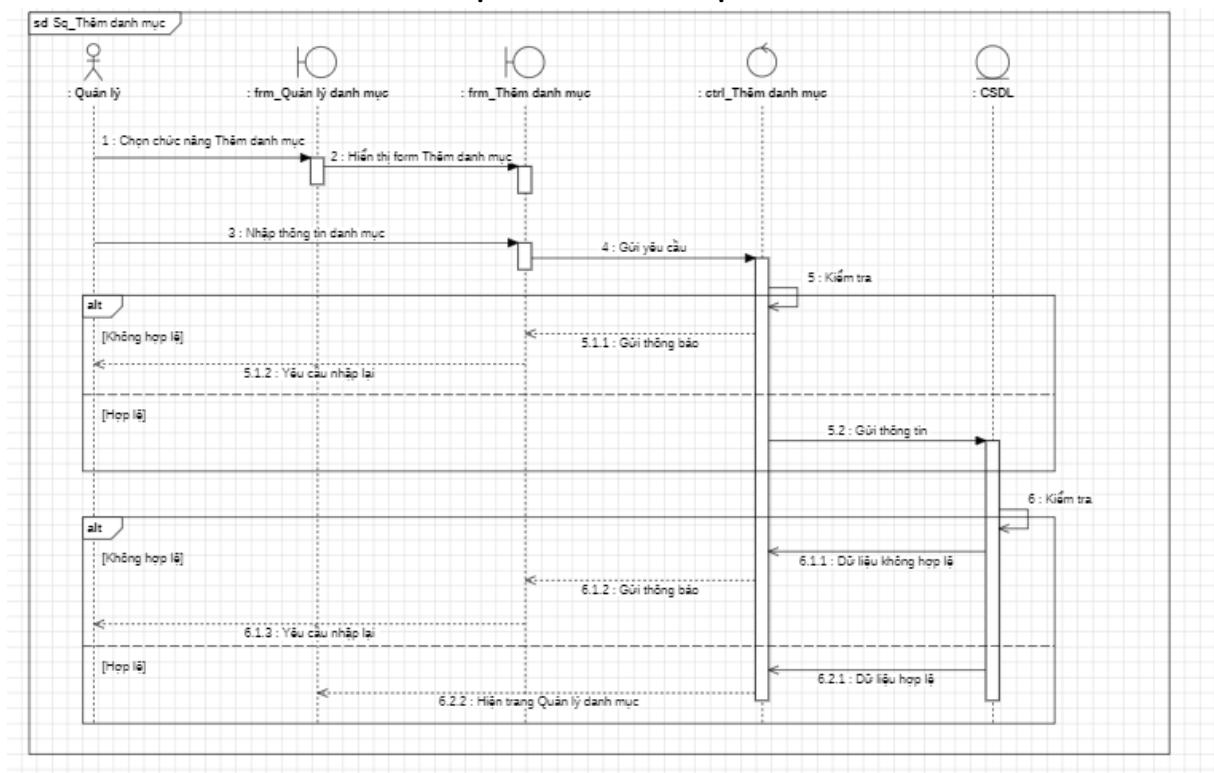
#### ❖ Chức năng “Thêm danh mục”

Tên UC	Thêm danh mục sản phẩm
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Quản lý thông tin của danh mục sản phẩm
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chọn chức năng ‘Quản lý danh mục sản phẩm’</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách thông tin của danh mục sản phẩm</li> <li>Thêm thông tin danh mục mới</li> <li>Quản lý chọn chức năng thêm thông tin và nhập thông tin danh mục mới</li> </ol>

	5. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu đúng thì lưu vào CSDL và hiển thị thông báo thêm thành công. Ngược lại, yêu cầu nhập lại thông tin.
Luồng sự kiện phụ	1. Nhập sai định dạng, yêu cầu. 2. Nhập thiếu thông tin.
Hậu điều kiện	1. Trường hợp thêm thành công: Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Thêm mới danh mục sản phẩm thành công”. 2. Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo “Thêm mới danh mục sản phẩm thất bại” và yêu cầu đăng nhập lại

Bảng 20: Đặc tả chức năng thêm danh mục sản phẩm

❖ Biểu đồ trình tự “thêm danh mục”



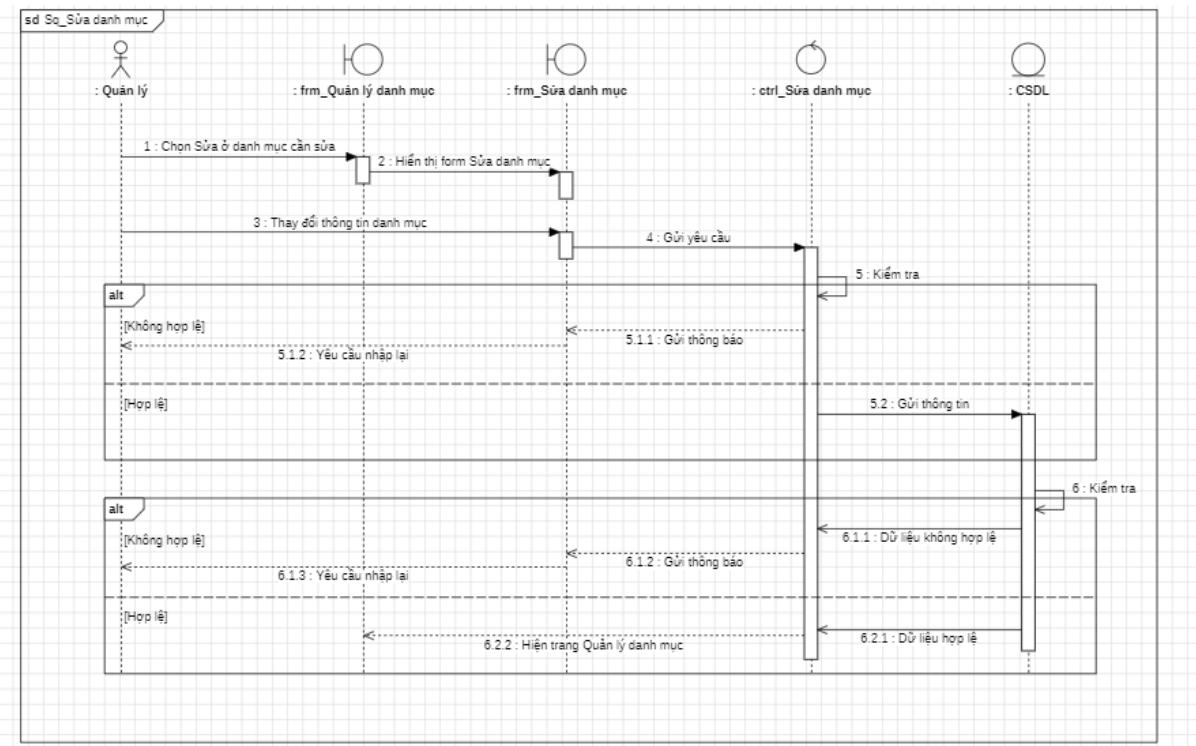
Hình 24: Biểu đồ trình tự thêm danh mục

❖ Chức năng “Sửa danh mục”

Tên UC	Chỉnh sửa danh mục sản phẩm
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Quản lý thông tin của danh mục sản phẩm
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chọn chức năng ‘Quản lý danh mục sản phẩm’</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách thông tin danh mục</li> <li>Sửa thông tin danh mục sản phẩm.</li> <li>Quản lý chọn chức năng sửa thông tin danh mục sản phẩm.</li> <li>Hệ thống hiển thị form sửa thông tin danh mục sản phẩm</li> <li>Quản lý nhập thông tin cần sửa.</li> <li>Hệ thống kiểm duyệt thông tin, nếu thi lưu thông tin vào CSDL và thông báo sửa thành công. Ngược lại, yêu cầu nhập lại thông tin.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập sai định dạng, yêu cầu.</li> <li>Nhập thiếu thông tin.</li> </ol>
Hậu điều kiện	<ol style="list-style-type: none"> <li>Trường hợp sửa thành công: Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Thay đổi thông tin danh mục sản phẩm thành công”.</li> <li>Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo “Thay đổi thông tin danh mục sản phẩm thất bại” và yêu cầu đăng nhập lại</li> </ol>

Bảng 21: Đặc tả chức năng sửa danh mục sản phẩm

❖ Biểu đồ trình tự chức năng “chỉnh sửa danh mục”



Hình 25: Biểu đồ trình tự sửa danh mục sản phẩm

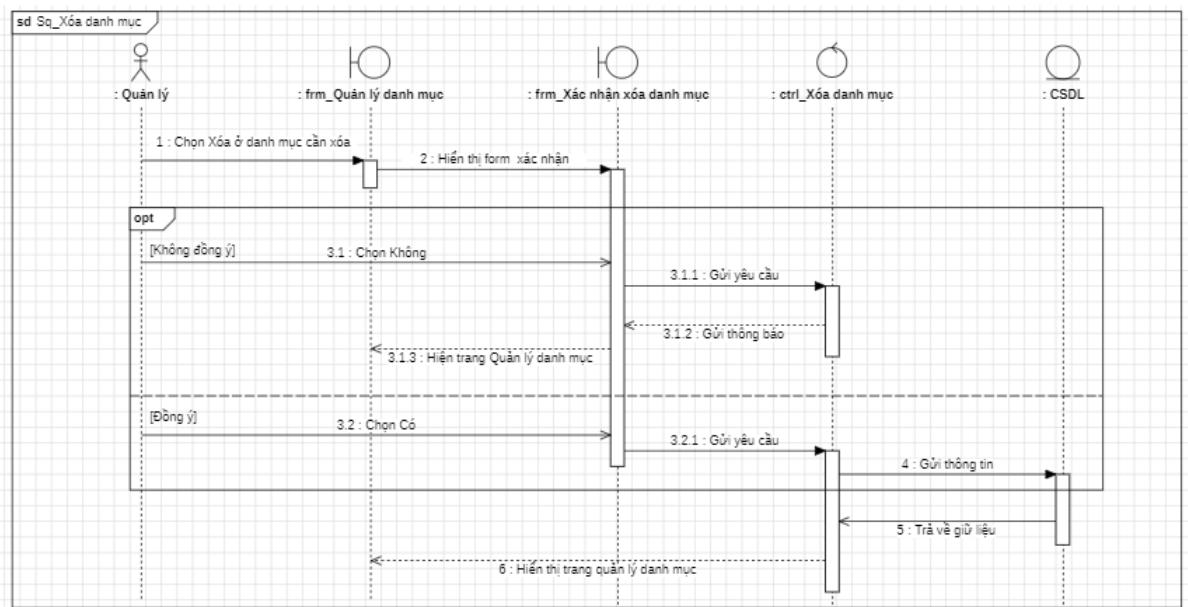
❖ Chức năng “xoá danh mục”

Tên UC	Xóa danh mục sản phẩm
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Quản lý thông tin của danh mục sản phẩm
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chọn chức năng ‘Quản lý danh mục sản phẩm’.</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách thông tin danh mục sản phẩm.</li> <li>Xóa thông tin danh mục.</li> <li>Quản lý chọn chức năng xóa thông tin danh mục sản phẩm</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách thông tin danh mục sản phẩm.</li> </ol>

	<p>6. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa thông tin danh mục sản phẩm.</p> <p>7. Click xác nhận xóa thông tin.</p> <p>8. Hệ thống thực hiện xóa thông tin danh mục sản phẩm trong cơ CSDL và hiển thị thông báo xóa thành công.</p>
Luồng sự kiện phụ	Không có
Hậu điều kiện	Xóa thành công: Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Thay đổi thông tin danh mục sản phẩm thành công”.

Bảng 22: Đặc tả chức năng xóa danh mục sản phẩm

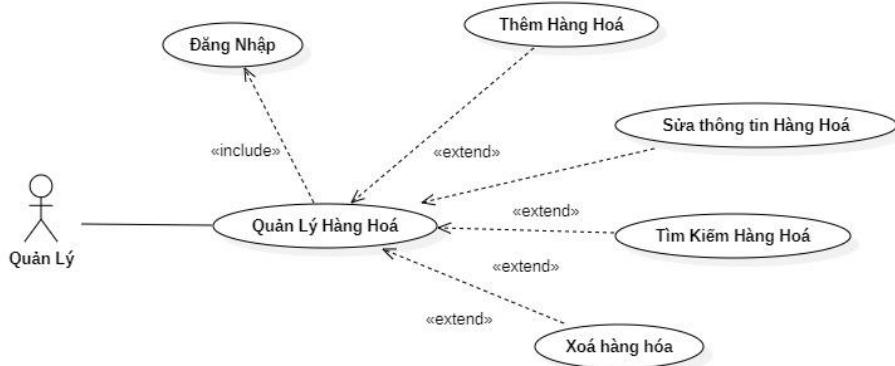
❖ Biểu đồ trình tự chức “năng xóa danh mục”



Hình 26: Biểu đồ trình tự xóa danh mục sản phẩm

### 3.8 Quản lý hàng hóa

#### ❖ Đặc tả



Hình 27: Biểu đồ Use Case quản lý hàng hóa

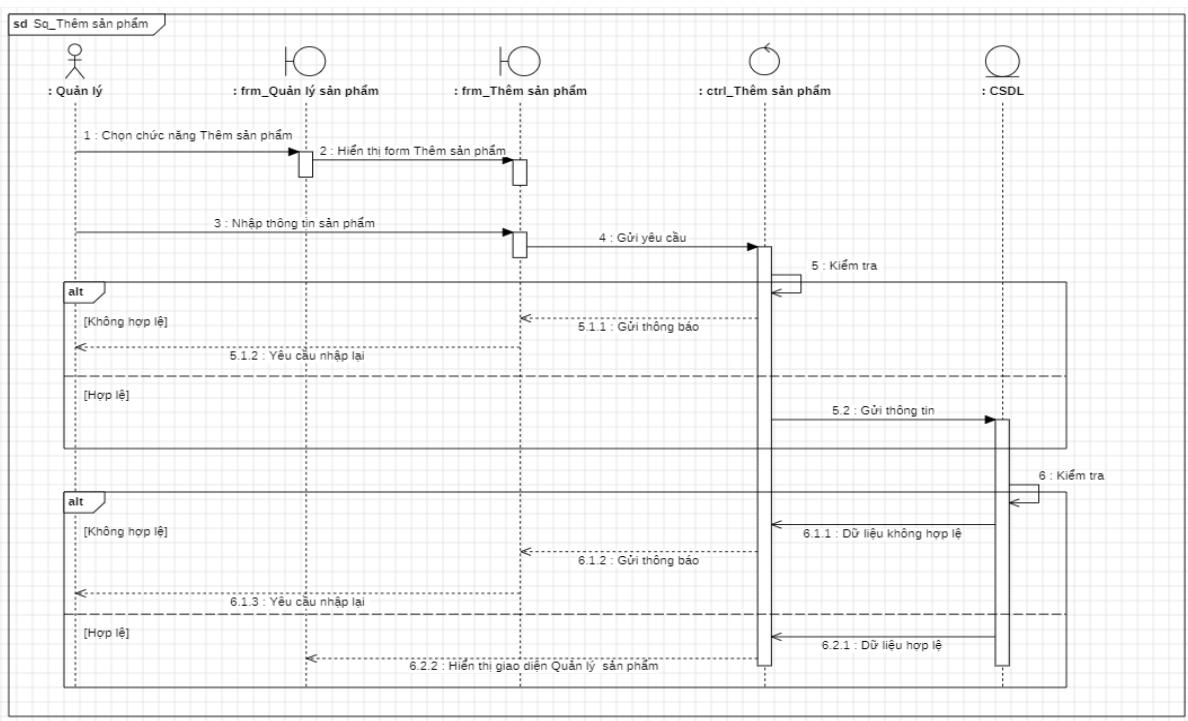
#### ❖ Chức năng “Thêm hàng hóa”

Tên UC	Thêm hàng hóa
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Thêm hàng hóa cho hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Chọn Quản lý hàng hóa</li> <li>Chọn Thêm mới hàng hóa</li> <li>Hiển thị màn hình form Thêm mới hàng hóa</li> <li>Nhập thông tin hàng hóa</li> <li>Gửi yêu cầu tới hệ thống.</li> <li>Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu đúng thì lưu vào CSDL và hiển thị thông báo thêm thành công.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống thông báo các lỗi nhập thông tin</li> </ol>

	2. Thông tin không hợp lệ thì thông báo thêm mới thất bại
Hậu điều kiện	<p>1. Trường hợp thêm thành công: Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Thêm mới hàng hoá thành công” và hệ thống sẽ hiển thị giao diện quản lý hàng hoá, thông tin sản phẩm mới được thêm vào danh sách hàng hoá.</p> <p>2. Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo “Thêm mới thông tin nhà cung cấp thất bại” và yêu cầu nhập lại</p>

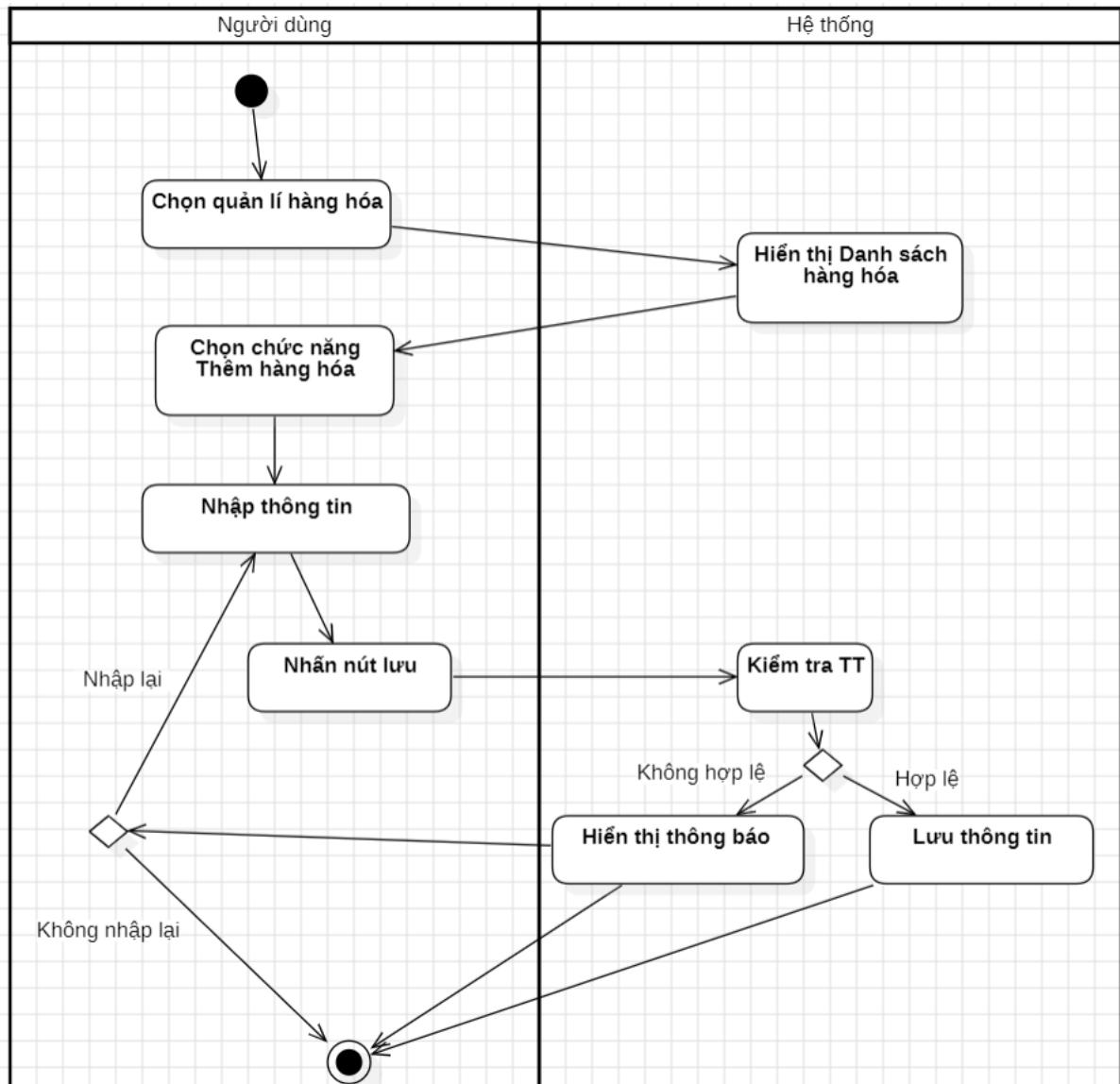
Bảng 23: Đặc tả chức năng thêm hàng hoá

❖ Biểu đồ trình tự “thêm hàng hoá”



Hình 28: Biểu đồ trình tự thêm hàng hoá

❖ Biểu đồ hoạt động “Thêm hàng hóa”



Hình 29: Biểu đồ hoạt động thêm hàng hóa

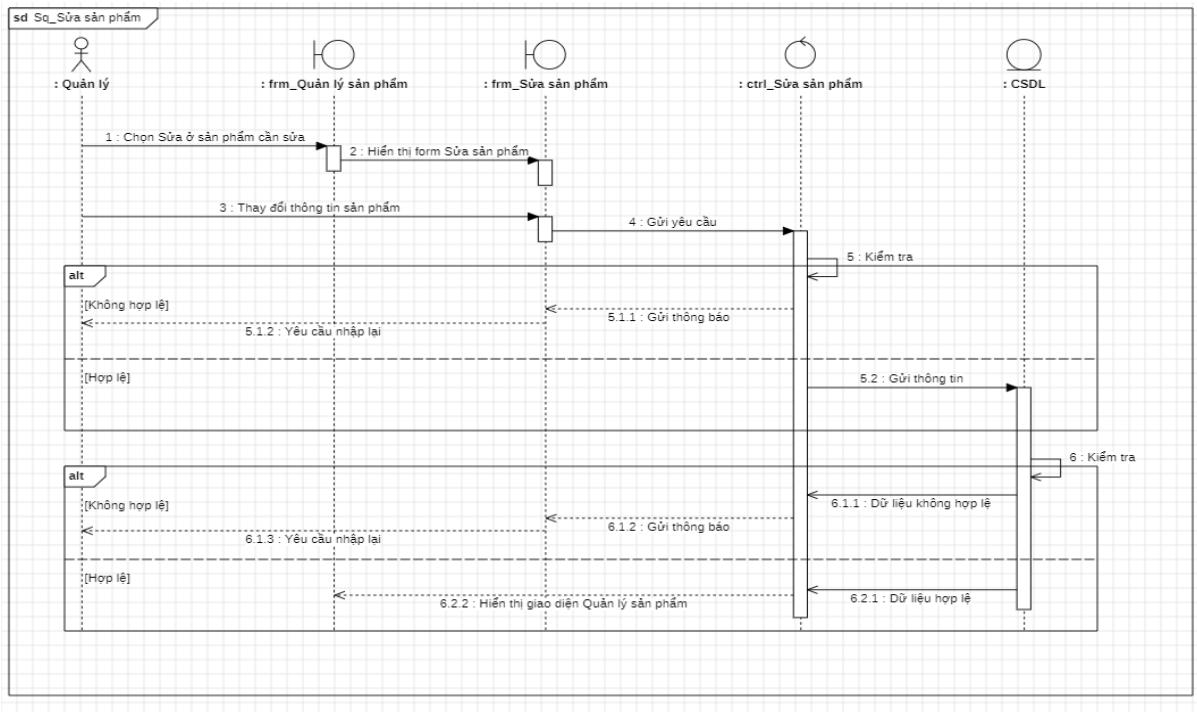
❖ Chức năng “Sửa hàng hóa”

Tên UC	Sửa hàng hóa
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Sửa thông tin hàng hóa có trong hệ thống
Luồng sự kiện chính	1. Chọn Quản lý hàng hóa 2. Hiển thị màn hình danh sách hàng hóa.

	<p>3. Chọn Sửa ở hàng hoá cần sửa.</p> <p>4. Hiển thị màn hình form Sửa hàng hoá.</p> <p>5. Nhập thông tin cần sửa</p> <p>6. Gửi yêu cầu tới hệ thống.</p> <p>7. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu hợp lệ thì cập nhật lại CSDL và hiển thị thông báo thêm thành công.</p>
Luồng sự kiện phụ	<p>1. Hệ thống thông báo các lỗi nhập thông tin</p> <p>2. Thông tin không hợp lệ thì thông báo sửa thất bại</p>
Hậu điều kiện	<p>1. Trường hợp sửa thành công: Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Sửa hàng hoá thành công” và hệ thống sẽ hiển thị giao diện quản lý sản phẩm, thông tin hàng hoá cần sửa được cập nhật lại.</p> <p>2. Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo “Thay đổi thông tin hàng hoá thất bại” và yêu cầu đăng nhập lại</p>

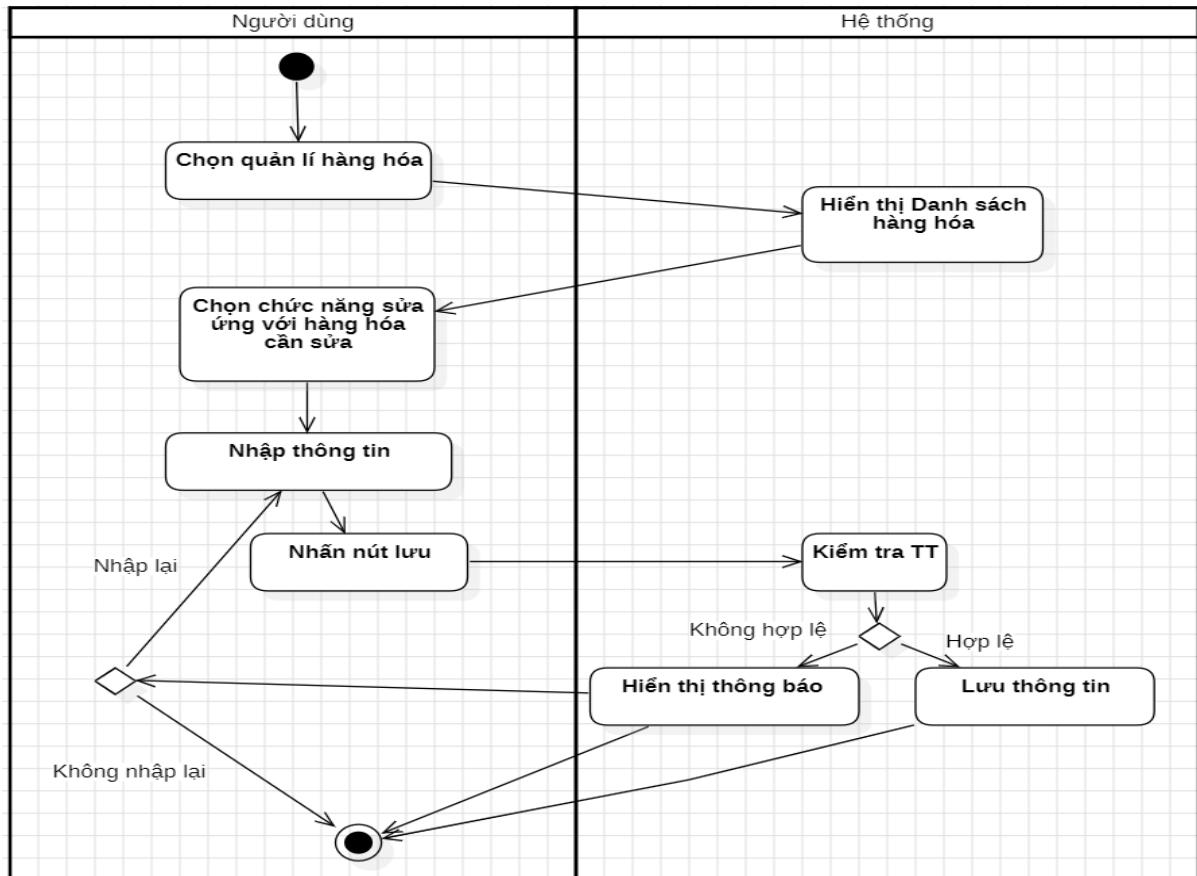
Bảng 24: Đặc tả chức năng sửa hàng hoá

❖ Biểu đồ trình tự “sửa hàng hóa”



Hình 30: Biểu đồ trình tự sửa thông tin sản phẩm

❖ Biểu đồ hoạt động “Sửa hàng hóa”



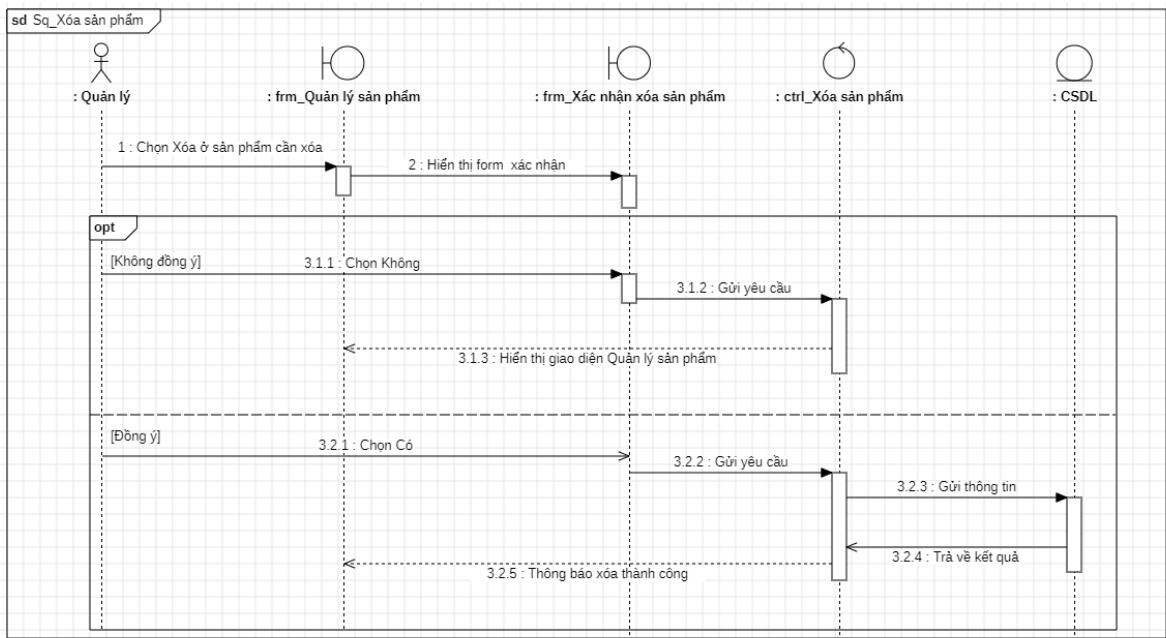
Hình 31: Biểu đồ hoạt động sửa hàng hóa

❖ Chức năng “Xoá hàng hoá”

Tên UC	Xoá hàng hoá
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Xóa nhà hàng hoá ra khỏi hệ thống
Luồng sự kiện chính	1. Chọn Quản lý hàng hoá. 2. Hiển thị màn hình danh sách hàng hóa. 3. Chọn Xóa ở sản phẩm cần xóa. 4. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa thông tin hàng hoá 5. Chọn đồng ý xóa thông tin. 6. Hệ thống thực hiện xóa dữ liệu sản phẩm ra khỏi CSDL và hiển thị thông báo xóa thành công.
Luồng sự kiện phụ	Chọn hủy thì quay lại giao diện quản lý hàng hoá
Hậu điều kiện	Hàng hoá cần xóa bị xóa khỏi danh sách hàng hoá.

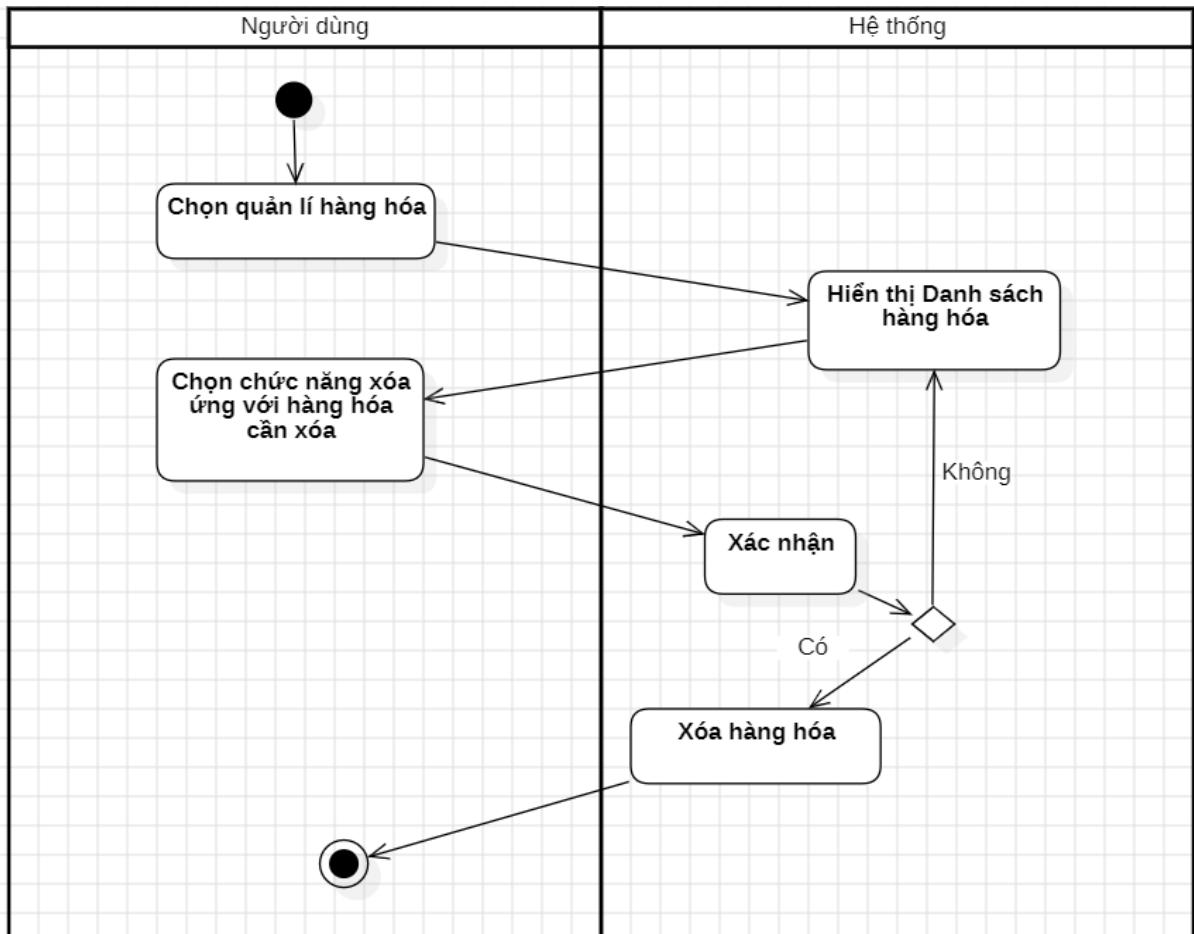
Bảng 25: Đặc tả chức năng xóa hàng hoá

❖ Biểu đồ trình tự chức năng “Xóa hàng hóa”



Hình 32: Biểu đồ trình tự xóa hàng hóa

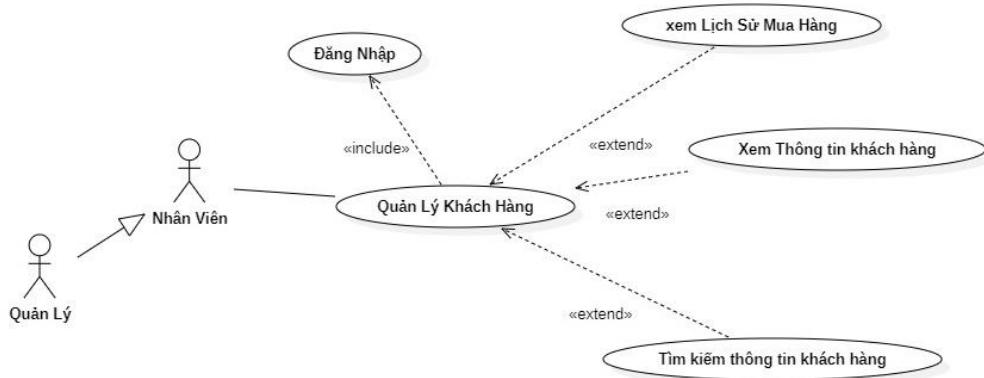
❖ Biểu đồ hoạt động “Xóa hàng hóa”



Hình 33: Biểu đồ hoạt động xoá hàng hóa

### 3.9 Quản lý khách hàng

#### ❖ Đặc tả



Hình 34: Biểu đồ Use Case quản lý khách hàng

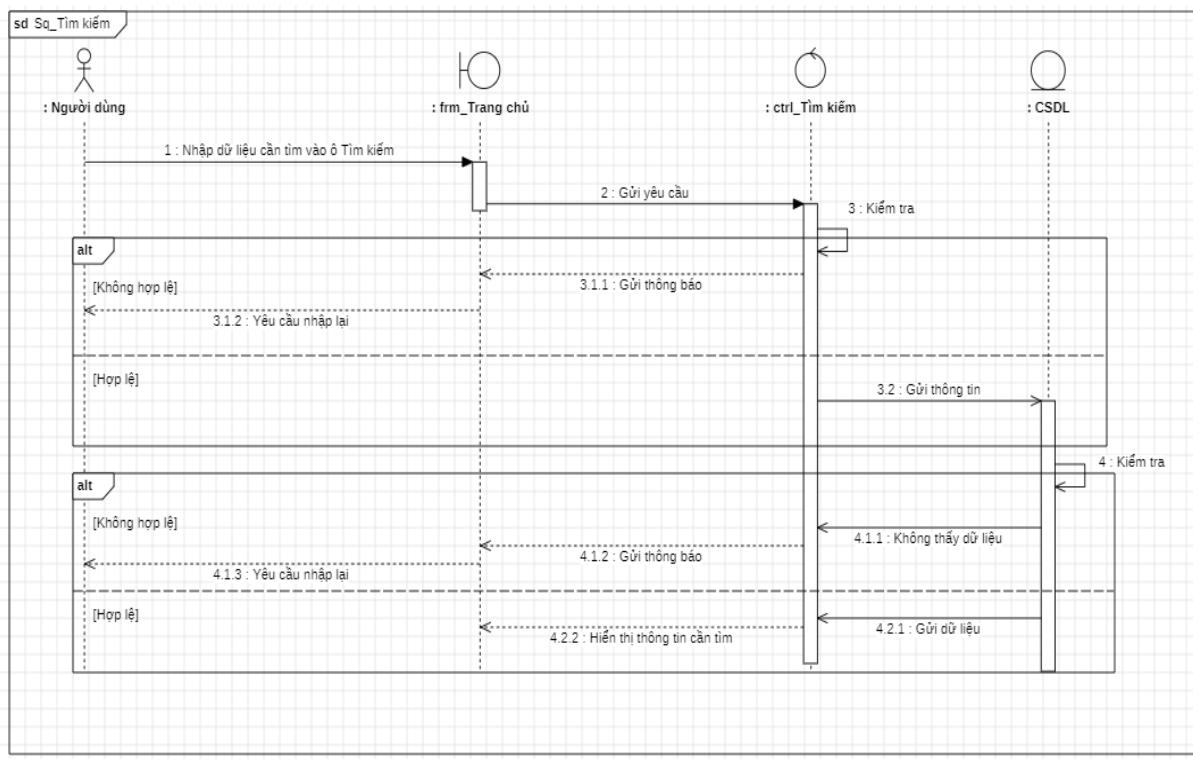
#### ❖ Chức năng “Tìm kiếm thông tin khách hàng”

Tên UC	Tìm kiếm thông tin khách hàng
Tác nhân	Quản lý, Nhân viên
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Tìm kiếm thông tin khách hàng
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chọn chức năng ‘Quản lý khách hàng’</li> <li>Hệ thống hiển thị danh sách thông tin khách hàng</li> <li>Tìm kiếm 1 hoặc nhiều khách hàng</li> <li>Quản lý, nhân viên chọn tìm kiếm theo các điều kiện</li> <li>Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu thông tin có trong CSDL thì hiển thị thông tin khách hàng cần tìm ra màn hình. Ngược lại, thông báo tìm kiếm thất bại</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập sai định dạng, yêu cầu.</li> <li>Nhập thiếu thông tin.</li> </ol>

Hậu điều kiện	<ol style="list-style-type: none"><li>Trường hợp tìm kiếm thành công: Hệ thống sẽ hiển thị danh sách khách hàng cần tìm</li><li>Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo không tìm thấy</li></ol>
---------------	---

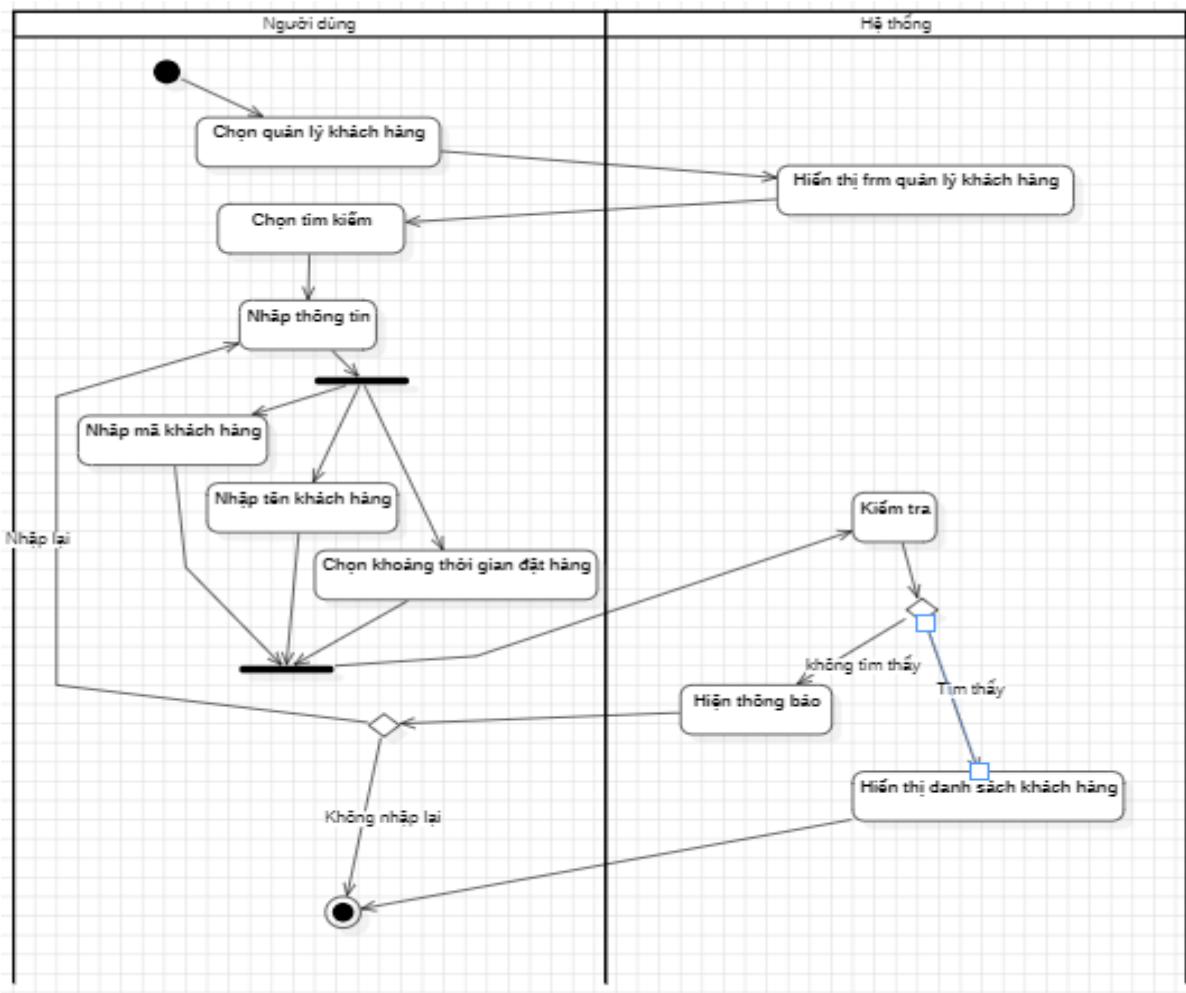
Bảng 26: Đặc tả chức năng thêm thông tin khách hàng

- ❖ Biểu đồ trình tự chức năng “tìm kiếm thông tin khách hàng”



Hình 35: Biểu đồ trình tự tìm kiếm thông tin khách hàng

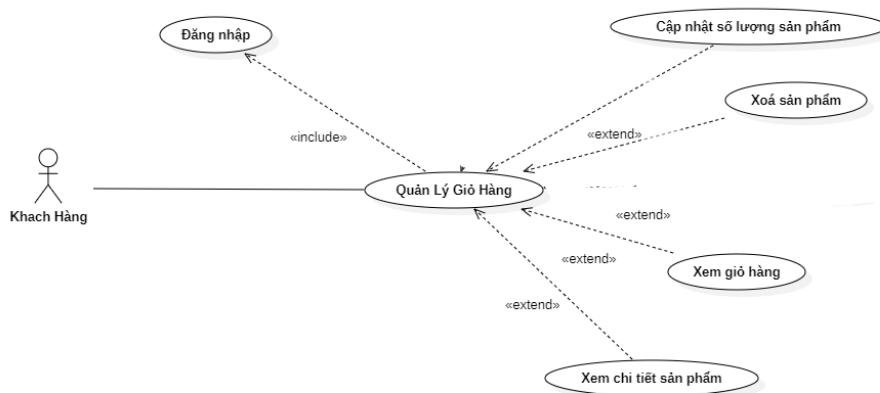
❖ Biểu đồ hoạt động “Tìm kiếm thông tin khách hàng”



Hình 36: Biểu đồ hoạt động tìm kiếm thông tin khách hàng

### 3.10 Quản lý giỏ hàng

❖ Đặc tả



Hình 37: Biểu đồ Use Case quản lý giỏ hàng

❖ Chức năng “cập nhật số lượng sản phẩm”

Tên UC	Cập nhật số lượng sản phẩm
Tác nhân	Khách hàng
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Thêm mặt hàng mới vào giỏ hàng, thêm số lượng mặt hàng đã có trong giỏ hàng
Luồng sự kiện chính	<p>⇒ Chọn một sản phẩm ở trang chủ và thêm vào giỏ hàng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khách hàng chọn chức năng ‘Quản lý giỏ hàng’</li> <li>Hệ thống hiển thị các sản phẩm có trong giỏ hàng</li> <li>Chọn 1 sản phẩm <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng hoặc giảm số lượng cần mua tùy theo nhu cầu</li> </ul> </li> <li>Thêm mới sản phẩm vào giỏ hàng</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> <li>tài khoản số dư không đủ, chọn mã giảm giá sai phương thức thanh toán</li> <li>Chưa áp dụng phương thức thanh toán cho tài khoản</li> </ol>
Hậu điều kiện	<ol style="list-style-type: none"> <li>Trường hợp thành công: Hệ thống sẽ hiển thị sang giao diện giỏ hàng.</li> <li>Trường hợp thất bại: Hệ thống sẽ thông báo “thêm thất bại” hoặc ko thể cập nhật số lượng</li> </ol>

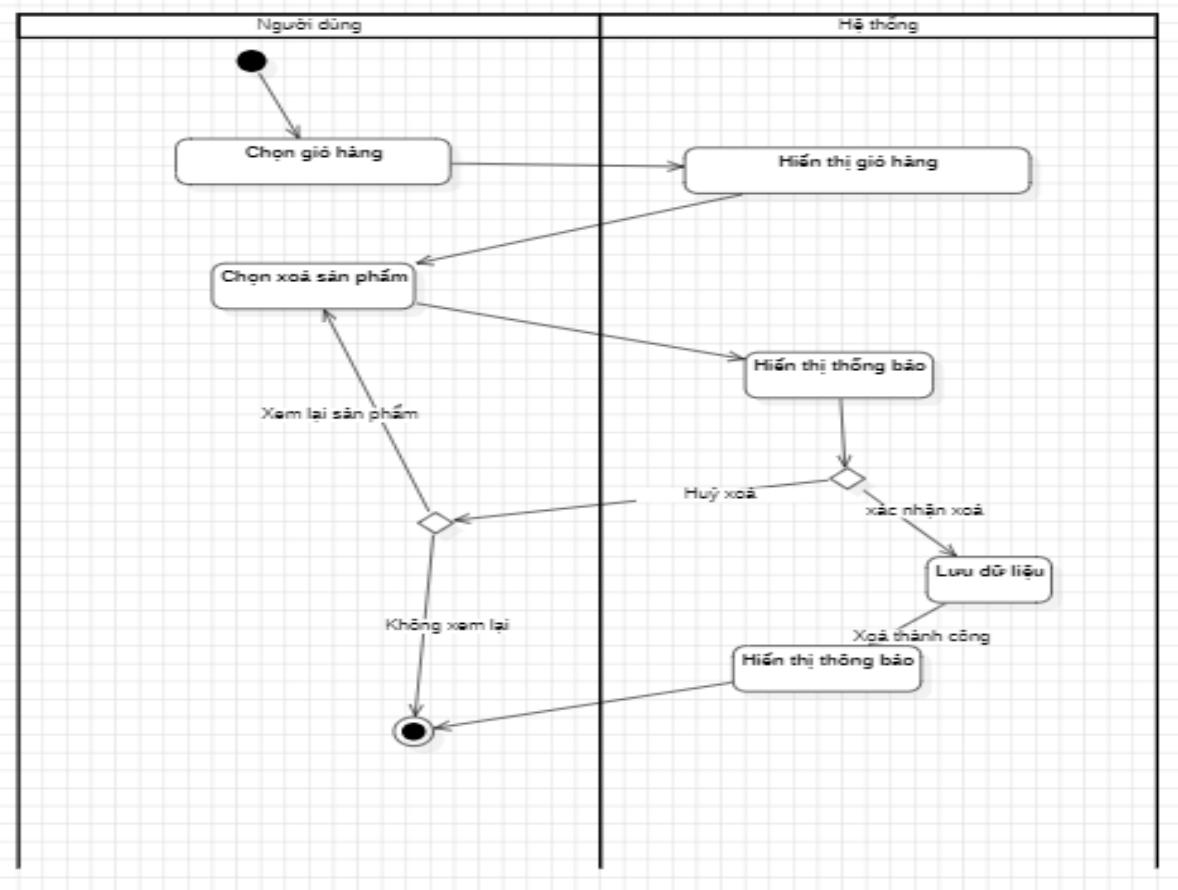
Bảng 27: Đặc tả chức năng cập nhật số lượng sản phẩm

❖ Chức năng “Xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng”

Tên UC	Xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng
Tác nhân	Khách hàng
Tiền điều kiện	Đăng nhập thành công vào hệ thống
Mục đích	Xoá mặt hàng đã có trong giỏ hàng
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khách hàng chọn chức năng ‘Quản lý giỏ hàng’</li> <li>2. Hệ thống hiển thị các sản phẩm có trong giỏ hàng</li> <li>3. Chọn 1 hoặc nhiều sản phẩm           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng</li> </ul> </li> </ol>
Hậu điều kiện	- Trường hợp thành công: Hệ thống sẽ hiển thị sang giao diện giỏ hàng.

Bảng 28: Đặc tả chức năng xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng

❖ Biểu đồ hoạt động “Xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng”



Hình 38: Biểu đồ hoạt động xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng

### 3.11 Đặt hàng

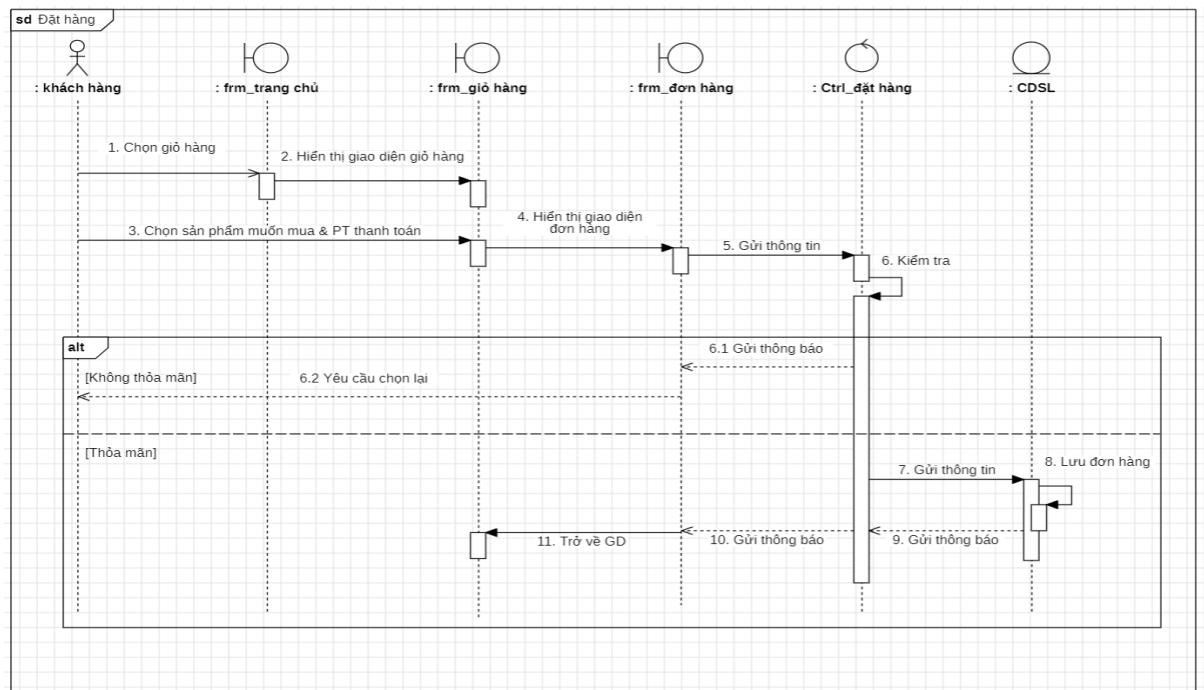
❖ Đặc tả chức năng “Đặt hàng”

Tên Usecase	Đặt hàng
Tác nhân	Khách hàng
Tiền điều kiện (Đăng nhập)	Người dùng đăng nhập tài khoản vào hệ thống thành công
Mục đích (đặt hàng)	Người dùng đặt hàng trên hệ thống
Dòng sự kiện chính (đặt hàng)	<p>Dòng sự kiện chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dùng muốn đặt hàng trên hệ thống</li> <li>1. Người dùng tìm kiếm sản phẩm</li> <li>2. Thêm sản phẩm vào giỏ hàng</li> <li>3. Trong giỏ hàng, thực hiện các thao tác:</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chọn sản phẩm muốn đặt hàng</li> <li>Chọn mã giảm giá (nếu có)</li> <li>Chọn phương thức thanh toán (Thanh toán bằng tài khoản ngân hàng, Thanh toán khi nhận hàng,...)</li> <li>Đặt hàng</li> </ul> <p>4. Kết thúc Usecase</p>
Dòng sự kiện phụ (đặt hàng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu người dùng chọn thanh toán bằng tài khoản ngân hàng, trong tài khoản không đủ, hệ thống sẽ thông báo cho người dùng biết</li> <li>Nếu chọn mã giảm giá mà hết mã, thông báo cho người dùng</li> </ul>
Hậu điều kiện (đặt hàng)	<p>Trong trường hợp thành công: Hệ thống sẽ hiện thị giao diện “Đơn hàng đã được đặt hàng thành công”</p> <p>Trong trường hợp thất bại: Hệ thống quay trở lại giao diện giỏ hàng trước đó và hiển thị thông báo “Số dư không đủ” nếu chọn thanh toán online hoặc hiển thị “Mã giảm giá đã hết hoặc không tồn tại” nếu không có mã giảm giá</p>

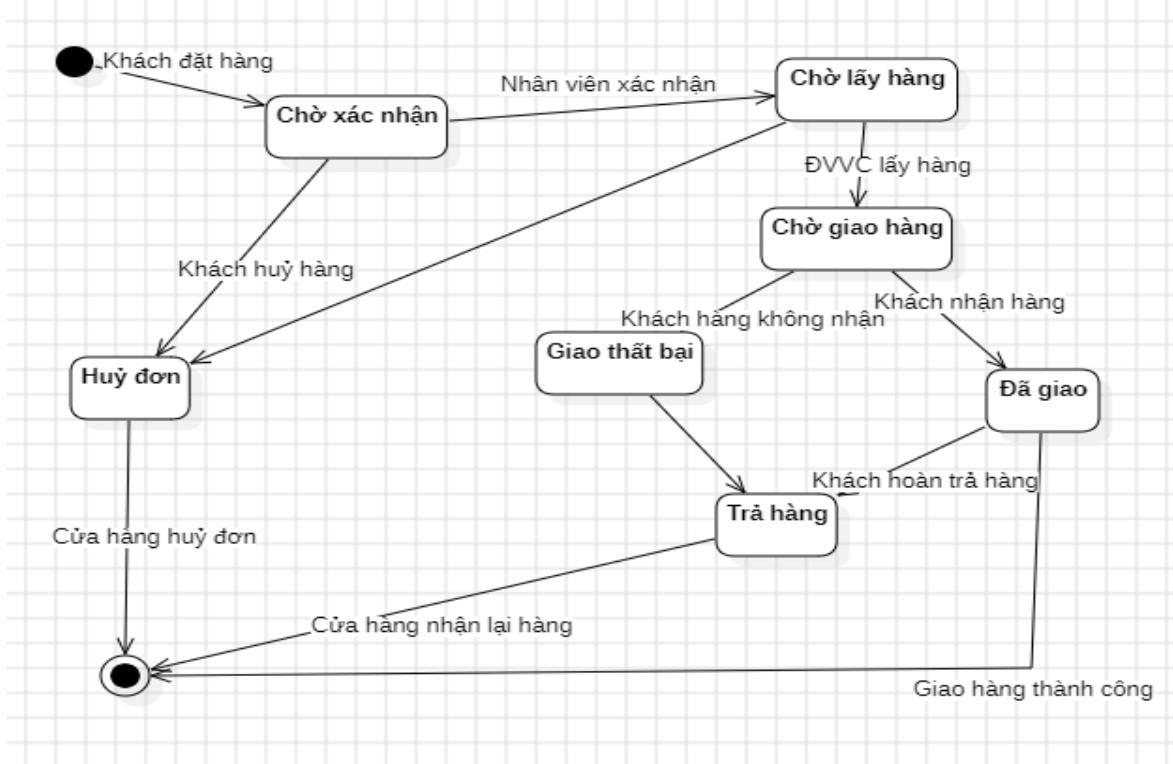
Bảng 29: Đặc tả chức năng đặt hàng

❖ Biểu đồ trình tự “Đặt hàng”



Hình 39: Biểu đồ trình tự đặt hàng

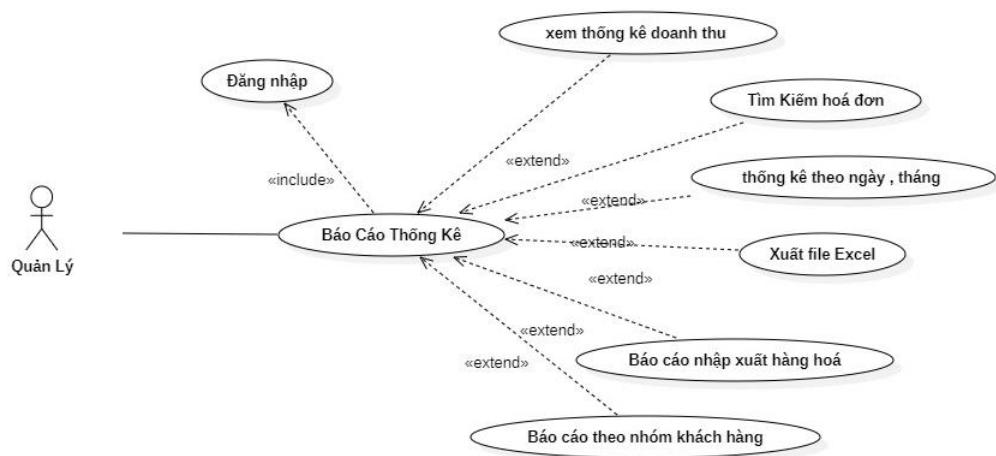
❖ Biểu đồ trạng thái “Đặt Hàng”



Hình 40: Biểu đồ trạng thái đặt hàng

3.12 Báo cáo thống kê

❖ Đặc tả



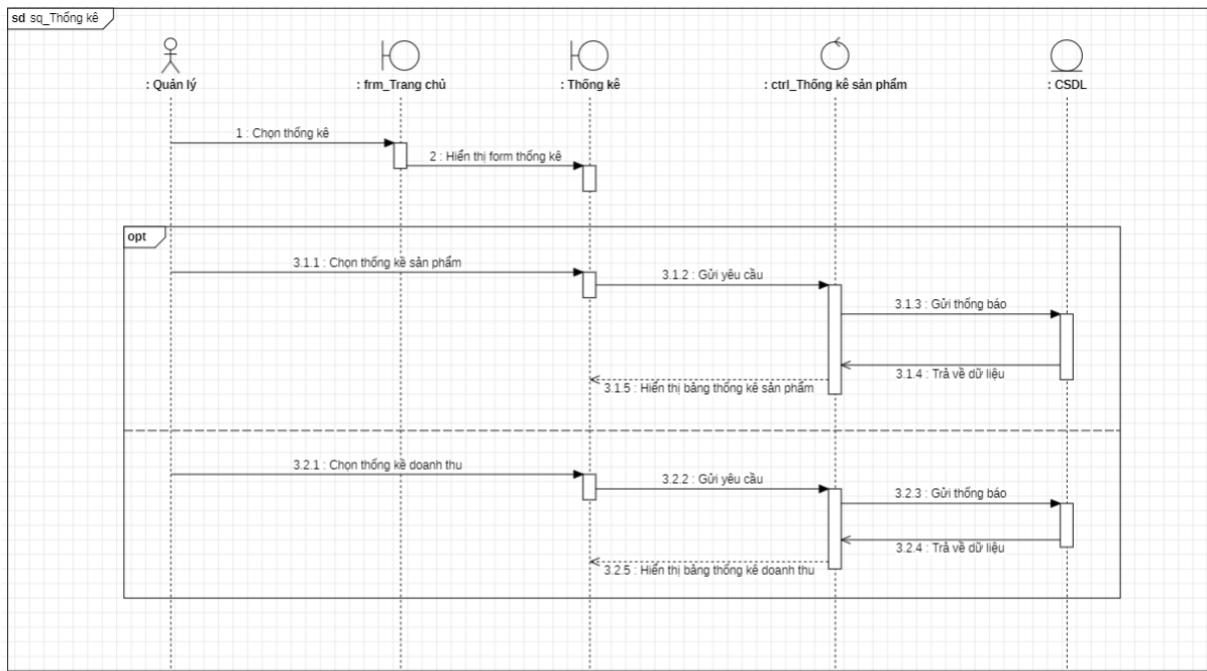
Hình 41: Biểu đồ Use Case Báo Cáo Thông Kê

❖ Chức năng “Báo Cáo Thống Kê”

Tên usecase	Báo cáo thống kê
Tác nhân	Quản lý
Tiền điều kiện (Đăng nhập)	Đã có tài khoản trong hệ thống và đăng nhập thành công.
Mục đích	Giúp người dùng xem tổng quát tình hình bán hàng của gian hàng theo các góc nhìn về thời gian, lợi nhuận, nhân viên.
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn báo cáo</li> <li>- Hệ thống hiển thị báo cáo dưới dạng tổng quan</li> <li>- Chọn tiêu chí báo cáo nhập thông tin nếu có</li> <li>- Hiển thị báo cáo theo tiêu chí</li> <li>- Kết thúc Usecase</li> </ul>

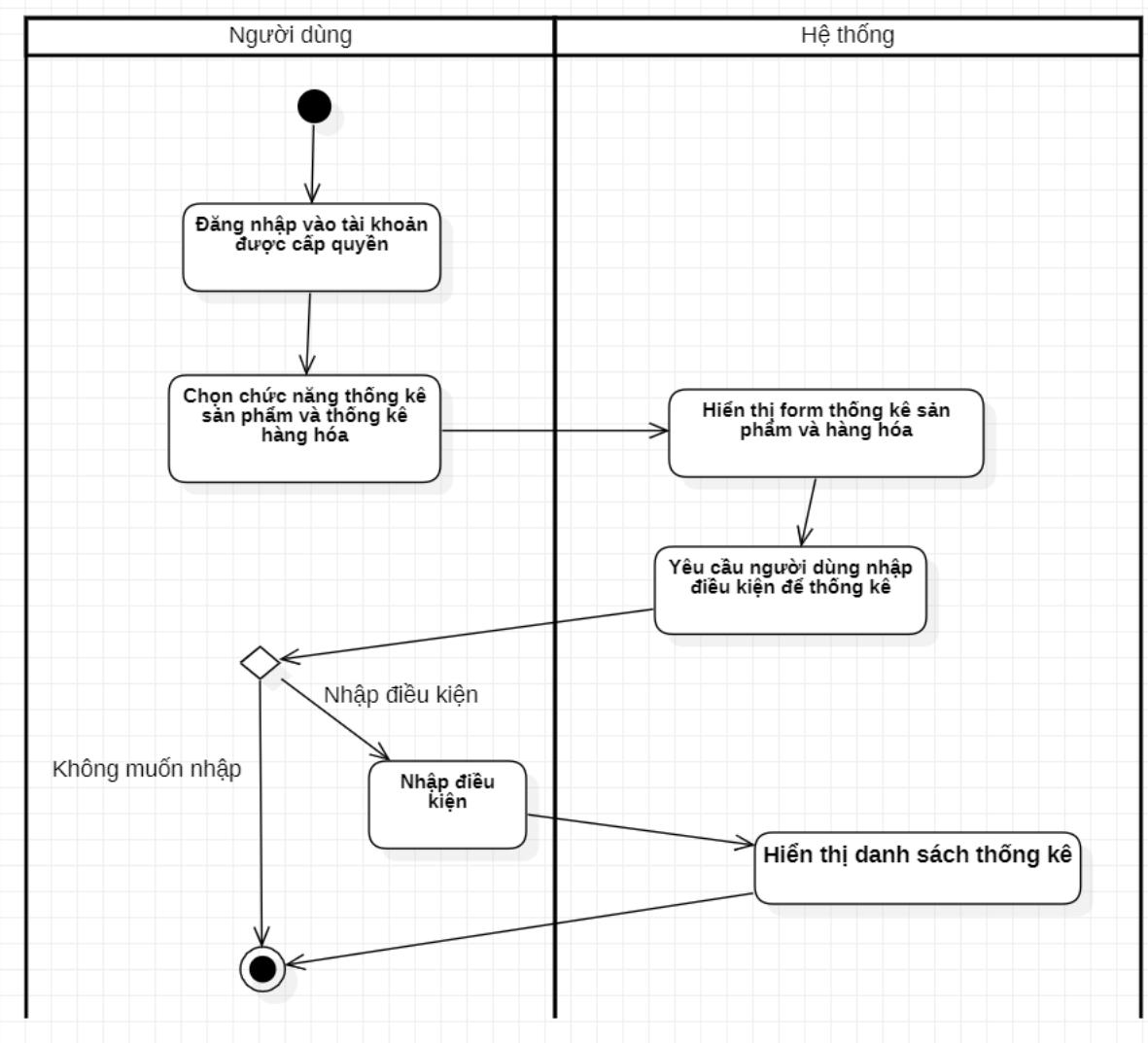
Bảng 30: Đặc tả chức năng báo cáo thống kê

❖ Biểu đồ trình tự “Thống kê”



Hình 42: Biểu đồ trình tự thống kê

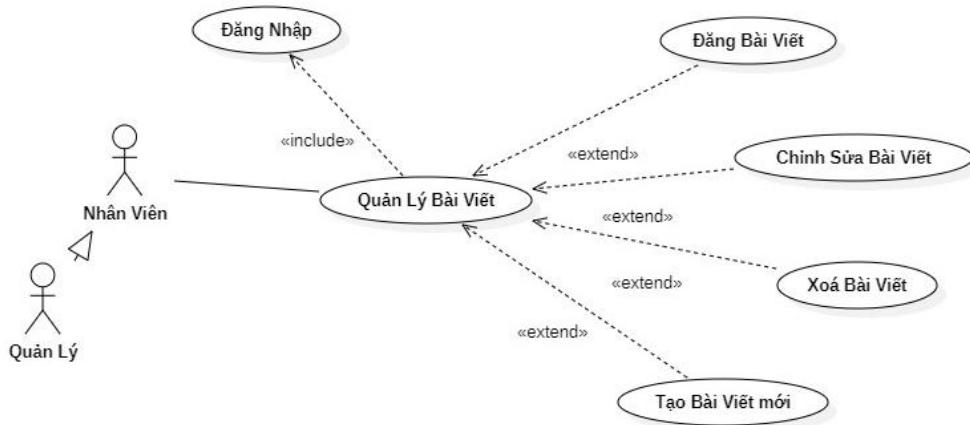
❖ Biểu đồ hoạt động “Báo cáo thống kê”



Hình 43: Biểu đồ hoạt động báo cáo thống kê

### 3.13 Quản lý bài viết

#### ❖ Đặc tả



Hình 44: Biểu đồ Use Case quản lý bài viết

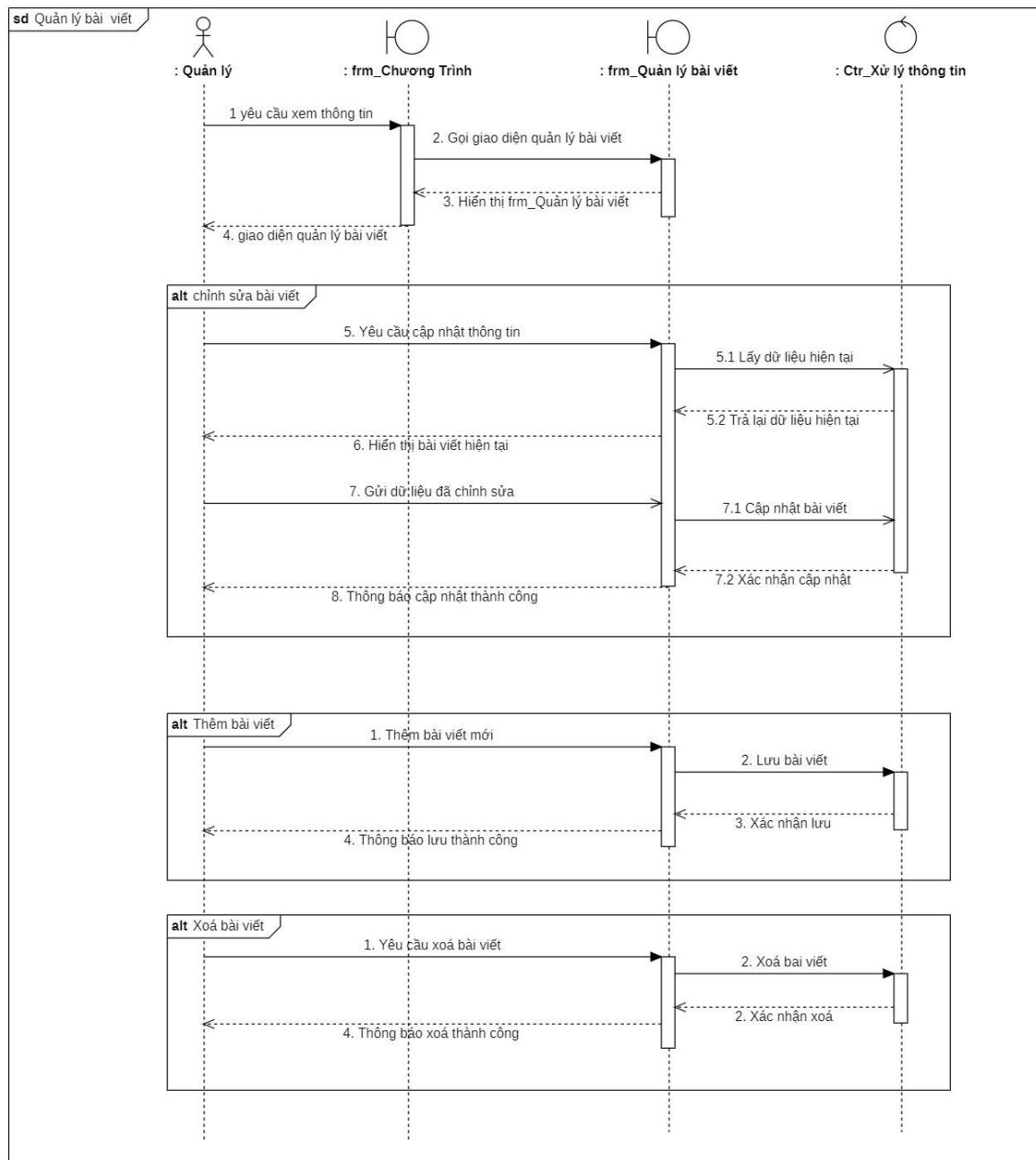
#### ❖ Chức năng “Quản Lý Bài Viết”

Tên Usecase	Quản Lý Bài Viết
Tác nhân	Quản Lý, Nhân Viên
Tiền điều kiện (Đăng nhập)	Người dùng đăng nhập tài khoản vào hệ thống thành công
Mục đích	Cung cấp khả năng tạo, chỉnh sửa, xoá và xem các bài viết trên hệ thống.
Dòng sự kiện chính	<p>Dòng sự kiện chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống</li> <li>• Người dùng đã được phân quyền quản lý bài viết.</li> <li>• Bài viết được tạo mới, chỉnh sửa hoặc xoá thành công.</li> <li>• Cập nhật trạng thái hệ thống phù hợp với hành động của người dùng.</li> </ul>

Hậu điều kiện	<p>Trong trường hợp thành công: Hệ thống sẽ hiện thị giao diện “thêm bài viết thành công”, “sửa bài viết thành công” và “xoá thành công”</p> <p>Trong trường hợp thất bại: Hệ thống sẽ thông báo thất bại người dùng cần xem lại các thao tác</p>
---------------	---

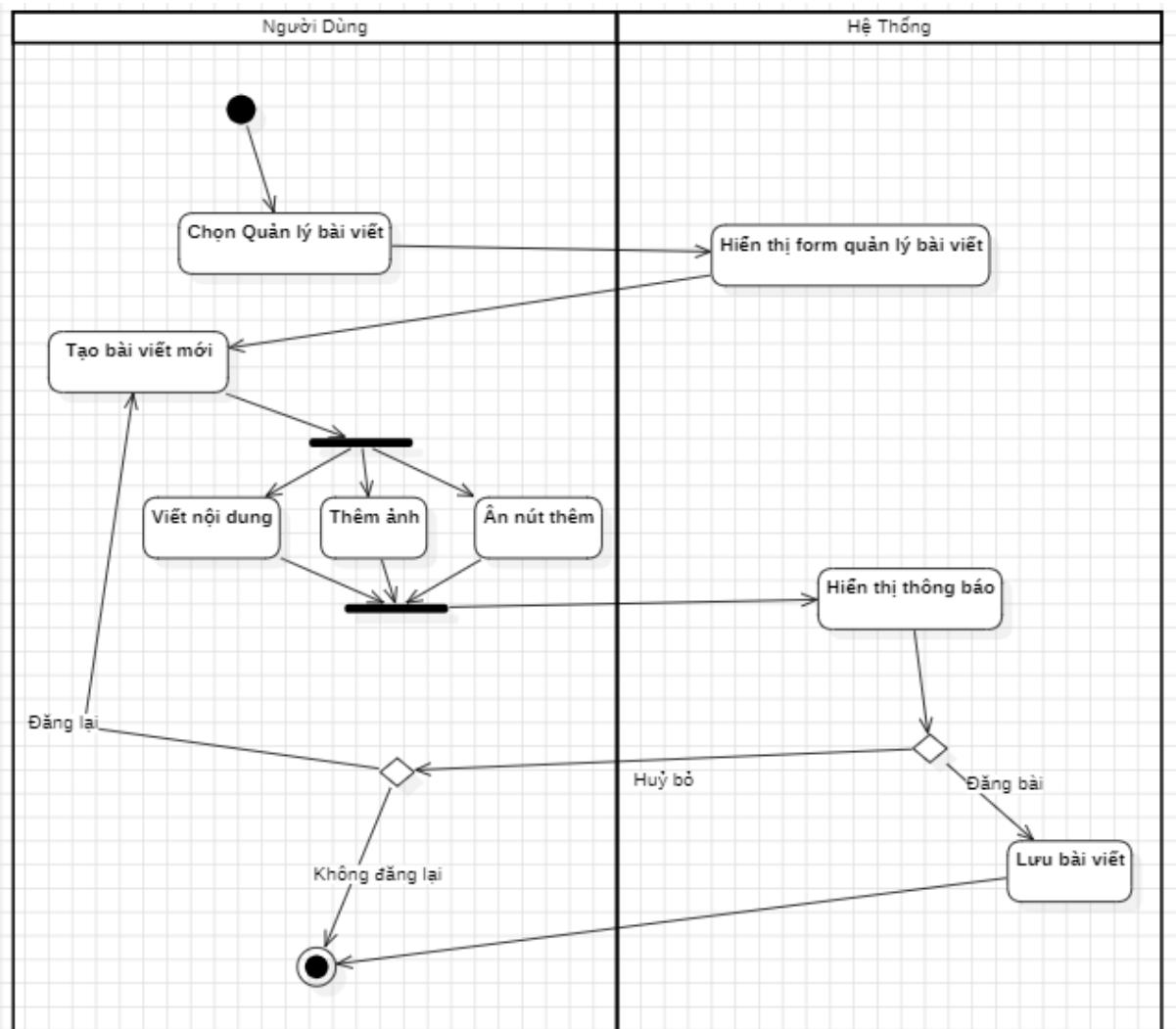
Bảng 31: Đặc tả chức năng quản lý bài viết

❖ Biểu đồ trình tự “Quản lý bài viết”



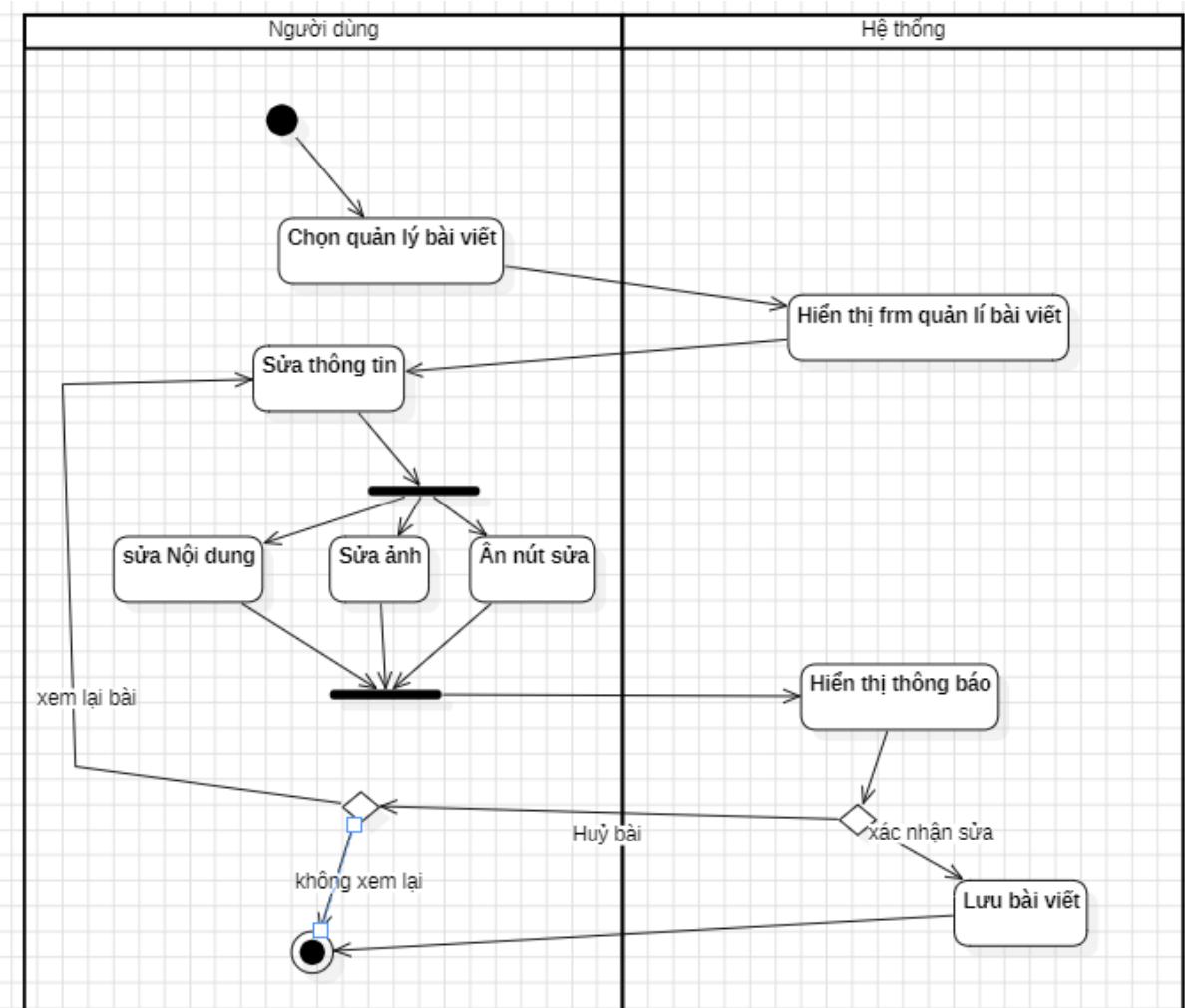
Hình 45: Biểu đồ trình tự quản lý bài viết

#### ❖ Biểu đồ hoạt động “Thêm bài viết”



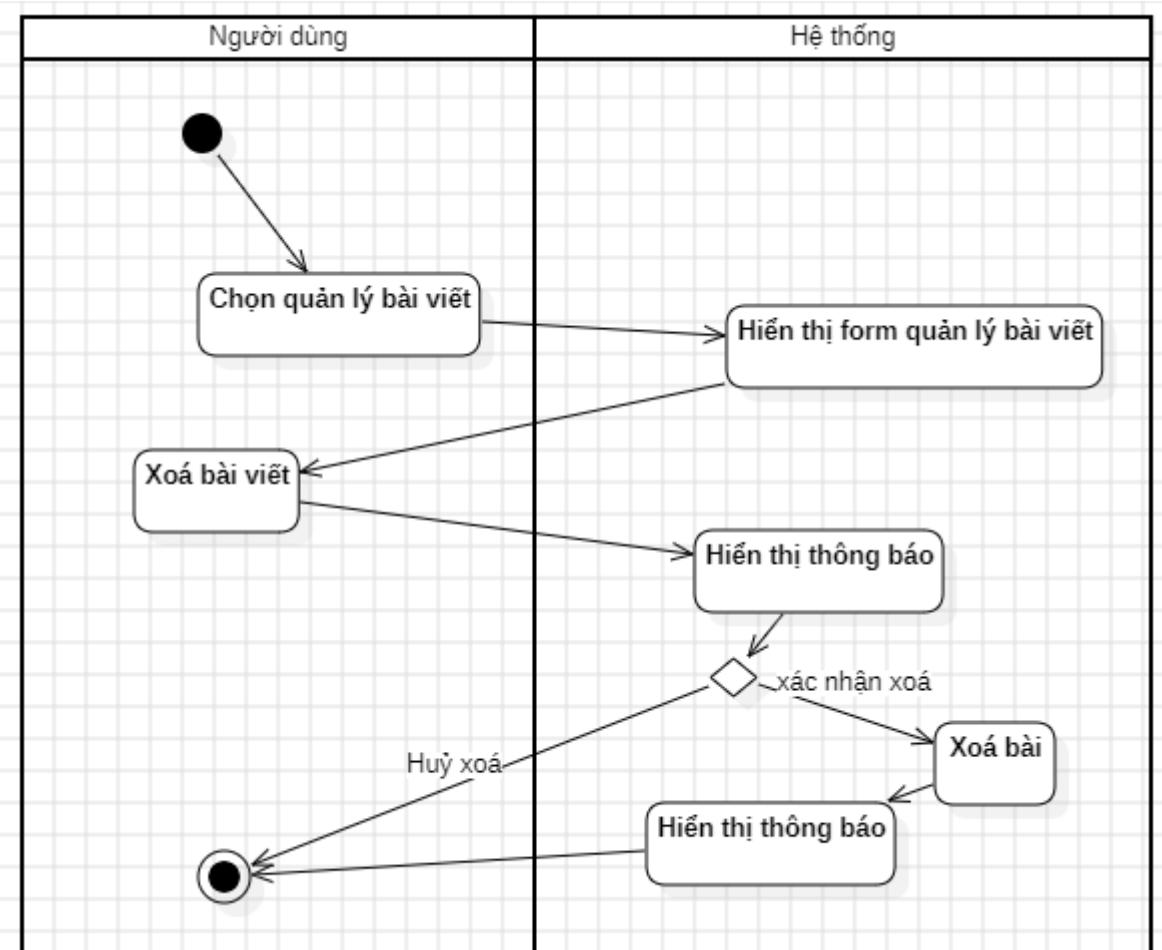
Hình 46: Biểu đồ hoạt động thêm bài viết

❖ Biểu đồ hoạt động “Sửa bài viết”



Hình 47: Biểu đồ hoạt động sửa bài viết

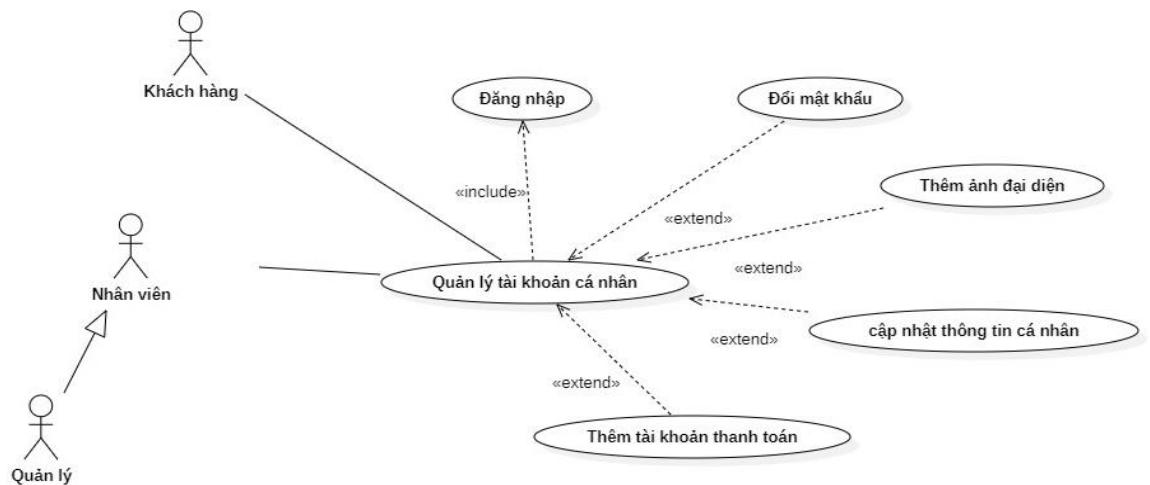
❖ Biểu đồ hoạt động “Xoá bài viết”



Hình 48: Biểu đồ hoạt động xóa bài viết

### 3.14 Quản lý tài khoản cá nhân

❖ ĐẶC TẢ



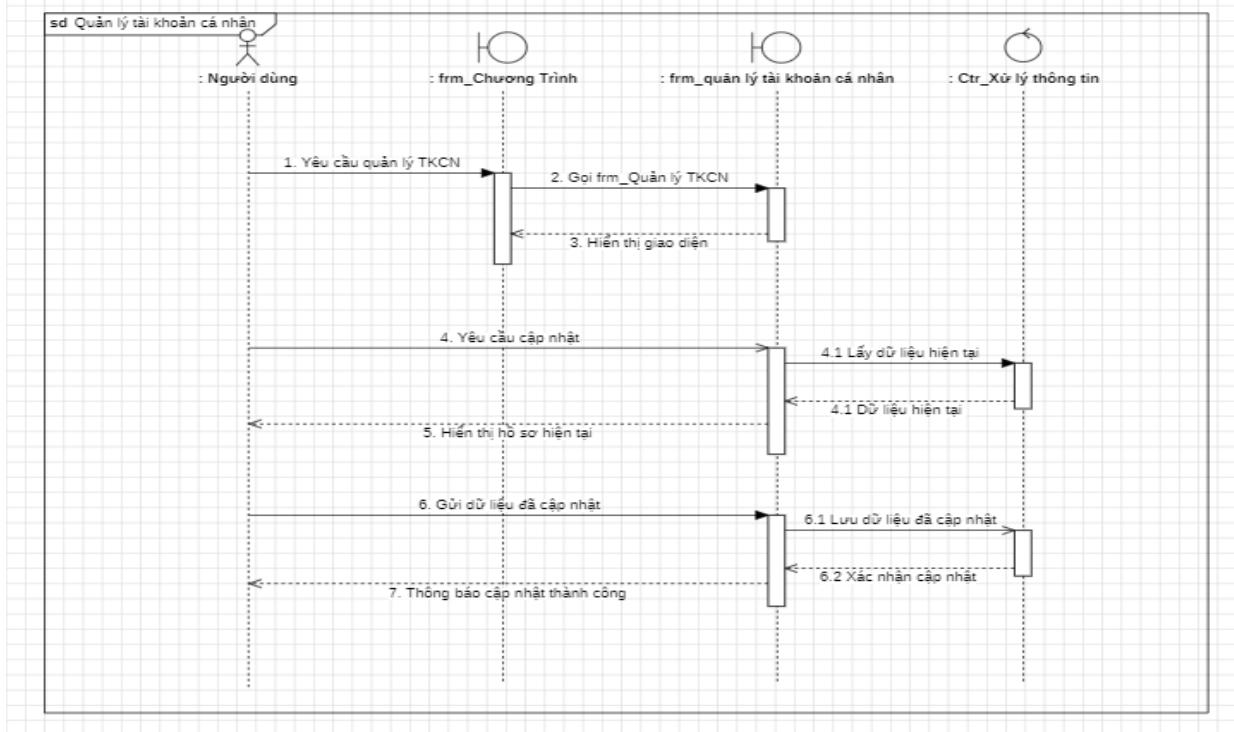
Hình 49: Biểu đồ Use Case quản lý tài khoản cá nhân

❖ Chức năng “Cập nhật thông tin cá nhân”

Tên Usecase	Cập nhật thông tin tài khoản
Tác nhân	Nhân viên, Quản lý, Khách hàng
Tiền điều kiện (Đăng nhập)	Nhân viên, quản lý hoặc khách hàng cần đăng nhập vào hệ thống thành công
Mục đích (Sửa tài khoản)	Người sử dụng muốn thực hiện thao tác sửa đổi thông tin tài khoản đã lưu trong hệ thống
Dòng sự kiện chính (Sửa tài khoản)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhấn vào biểu tượng tài khoản cá nhân</li> <li>- Chọn sửa đổi thông tin tài khoản</li> <li>- Người dùng tiến hành đổi các thông tin mong muốn</li> <li>- Lưu thông tin đã thay đổi</li> <li>- Hệ thống hiển thị giao diện thông tin tài khoản</li> <li>- Kết thúc Usecase</li> </ul>
Dòng sự kiện phụ (Sửa tài khoản)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần thông tin bắt buộc không phù hợp hoặc để trống thì không lưu</li> <li>- Nếu chọn không lưu thì hủy bỏ phần thay đổi</li> </ul>
Hậu điều kiện (Sửa tài khoản)	<p>Lưu thất bại: Hệ thống trả về giao diện chỉnh sửa trước đó</p> <p>Hủy bỏ lưu: Hủy bỏ phần thay đổi và hệ thống trả về giao diện thông tin tài khoản</p>

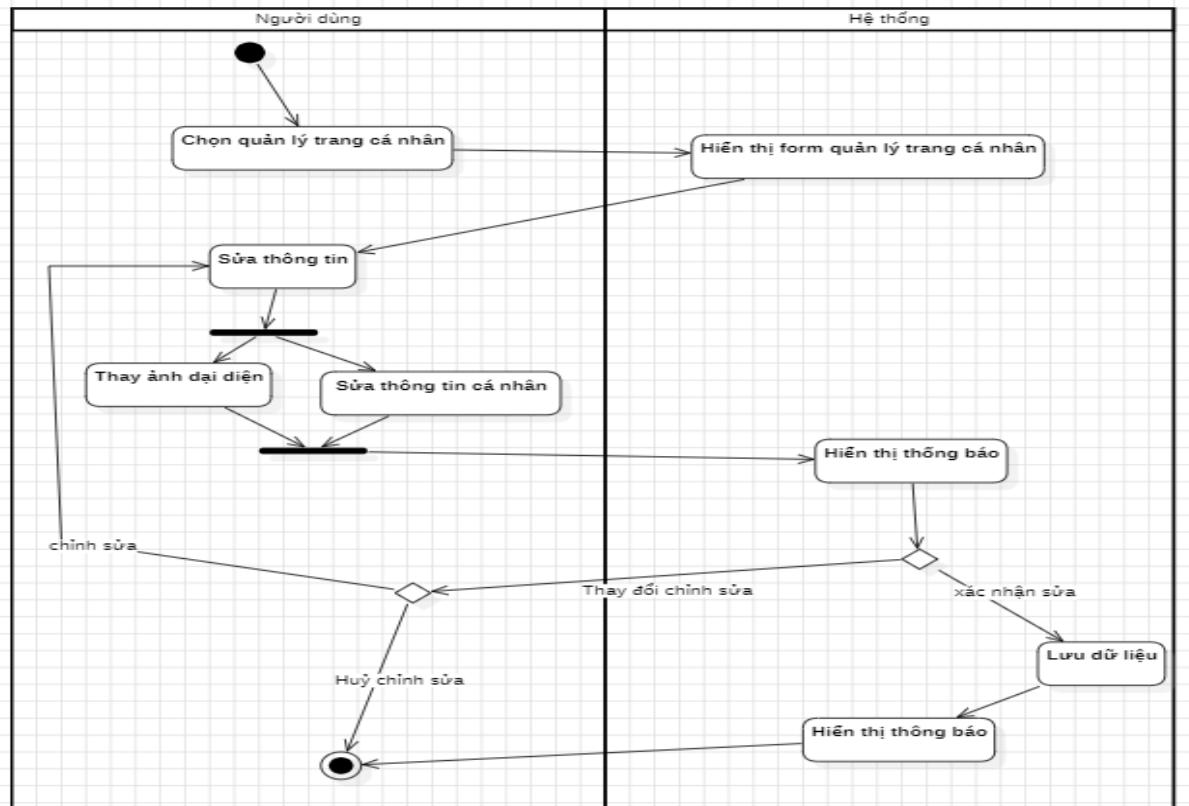
Bảng 32: Đặc tả chức năng cập nhật thông tin tài khoản

❖ Biểu đồ trình tự “Quản lý thông tin tài khoản cá nhân”



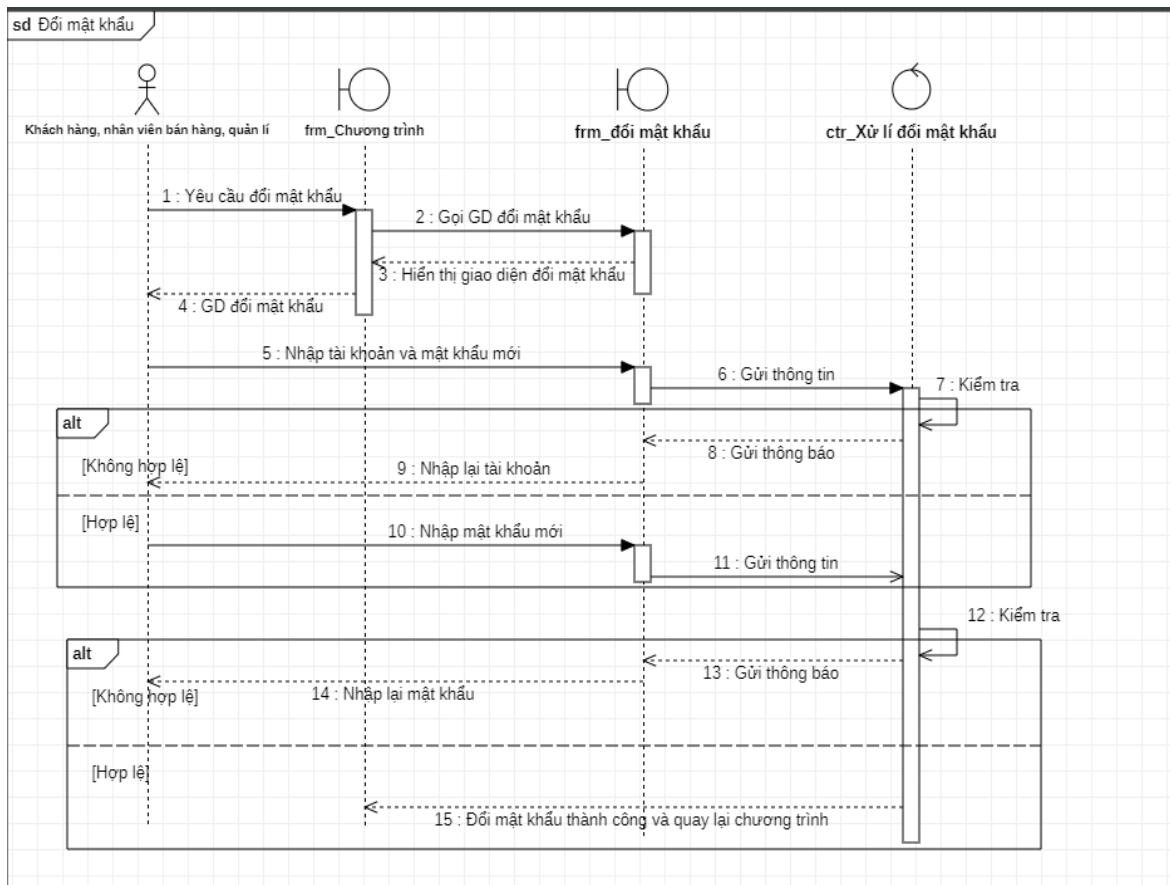
Hình 50: Biểu đồ trình tự quản lý tài khoản cá nhân

❖ Biểu đồ hoạt động “Sửa thông tin”



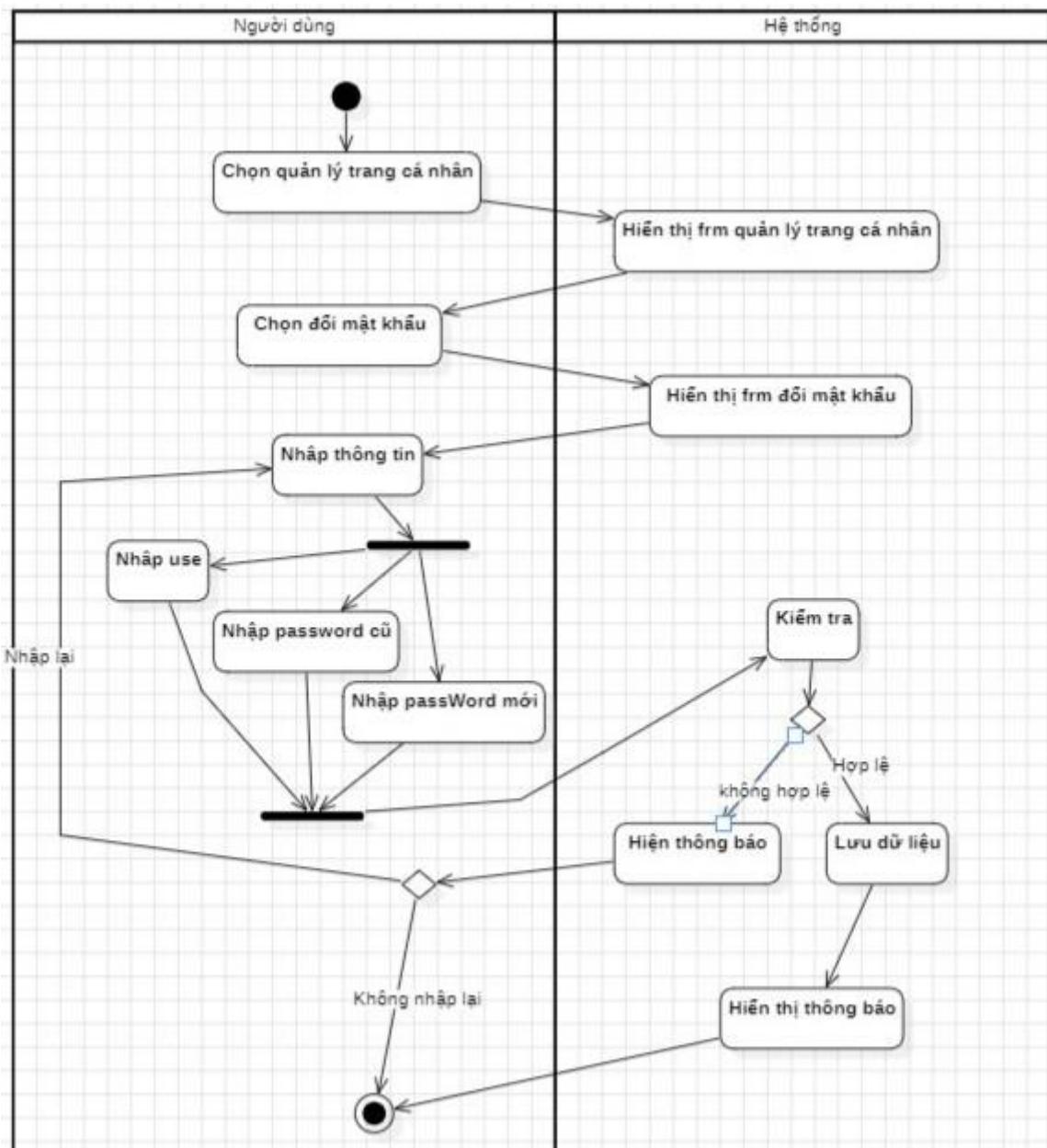
Hình 51: Biểu đồ hoạt động sửa thông tin

❖ Biểu đồ sequence “đổi mật khẩu”



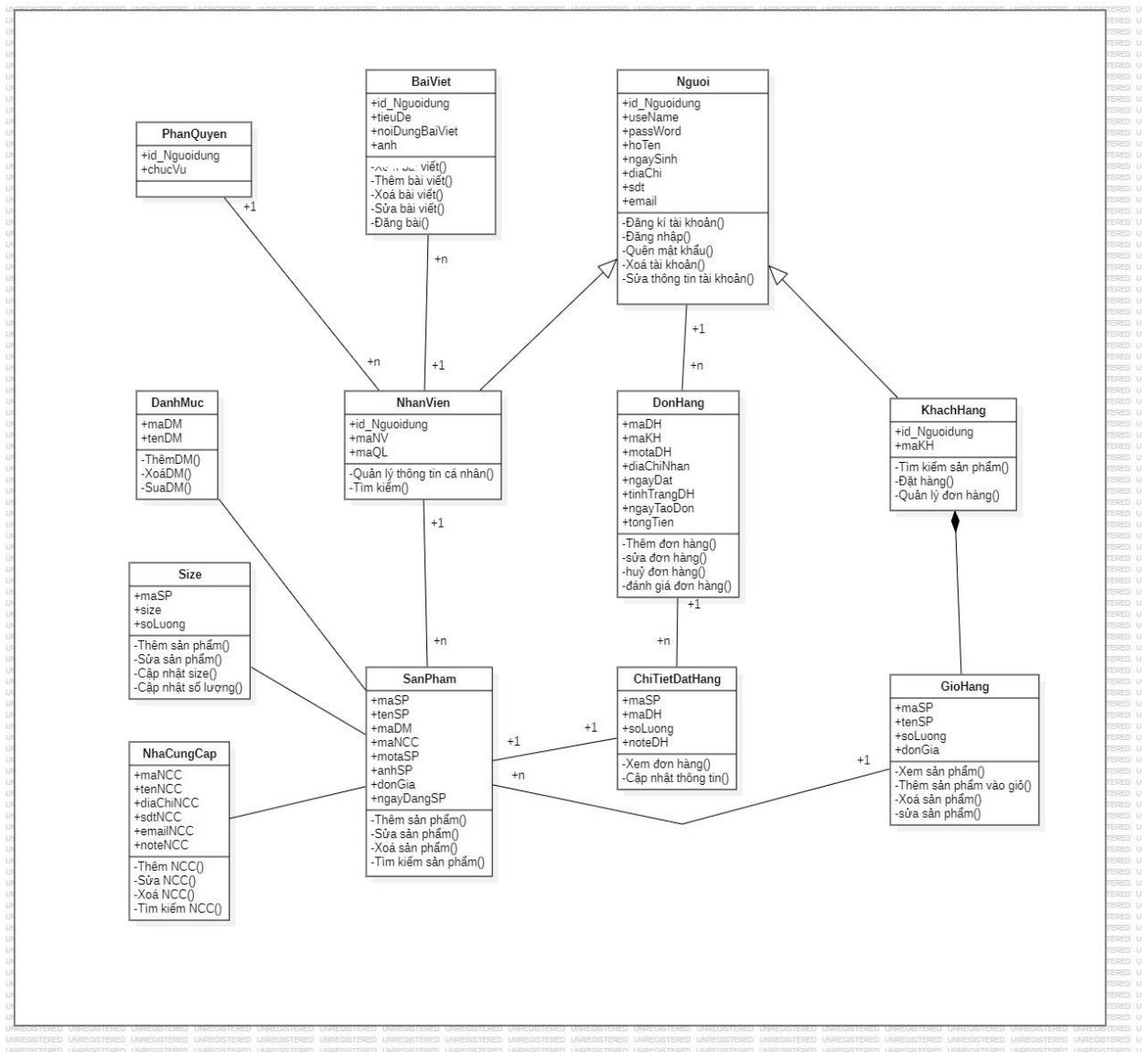
Hình 52: Biểu đồ trình tự đổi mật khẩu

❖ Biểu đồ hoạt động “Đổi mật khẩu”



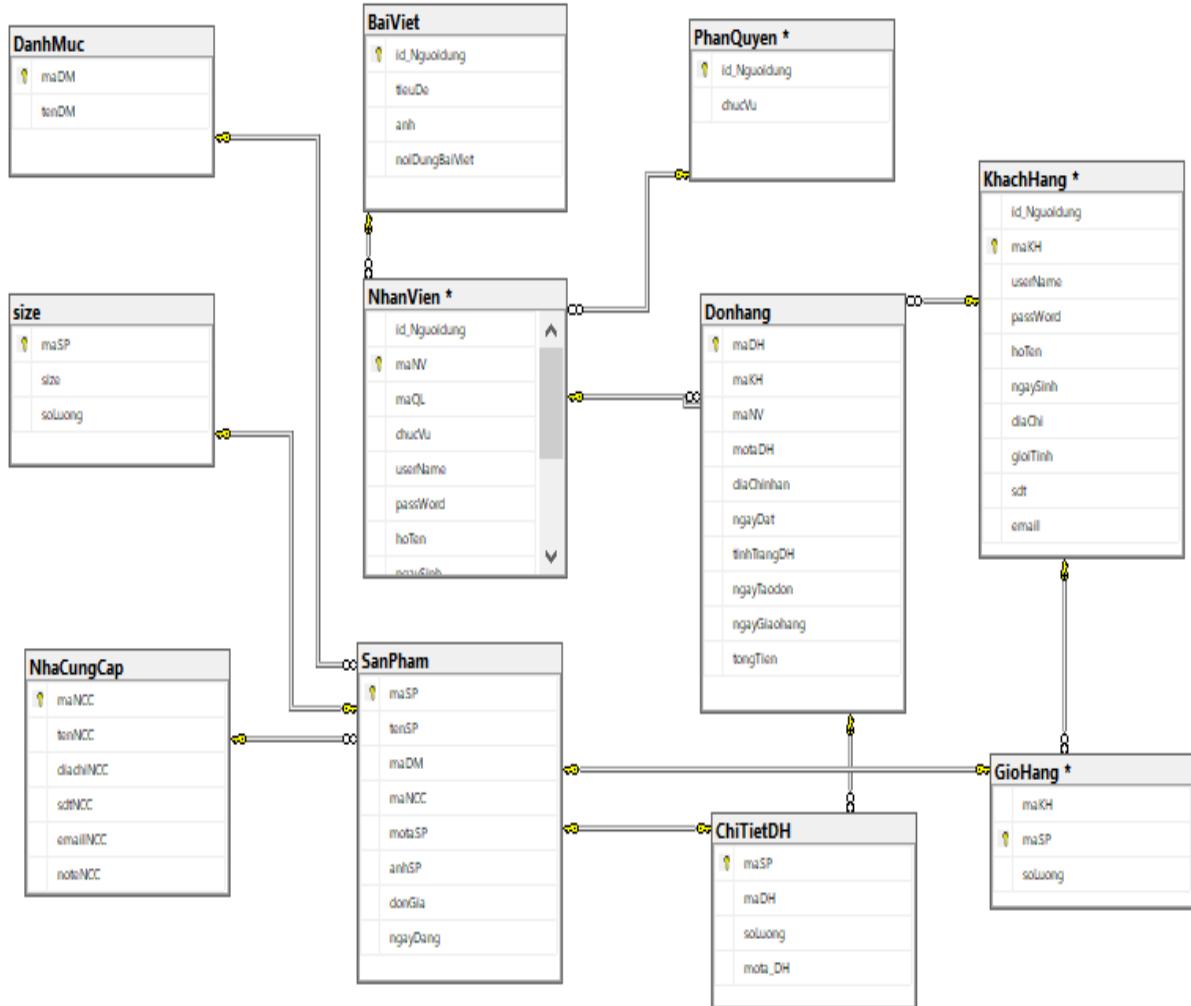
Hình 53: Biểu đồ hoạt động đổi mật khẩu

#### 4. Biểu đồ Class diagram hệ thống



Hình 54: Biểu đồ Class diagram hệ thống

## 5. Thiết kế database



Hình 55: Biểu đồ Database Diagrams

❖ Dữ liệu

DESKTOP-2022DEZ\...T - dbo.PhanQuyen	DESKTOP-2022DEZ\...K_HTTT - dbo.size																																												
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Column Name</th> <th>Data Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>id_Nguoidung</td> <td>int</td> </tr> <tr> <td>chucVu</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> </tbody> </table>	Column Name	Data Type	id_Nguoidung	int	chucVu	nvarchar(50)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Column Name</th> <th>Data Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>maSP</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>size</td> <td>int</td> </tr> <tr> <td>soLuong</td> <td>int</td> </tr> </tbody> </table>	Column Name	Data Type	maSP	nvarchar(50)	size	int	soLuong	int																														
Column Name	Data Type																																												
id_Nguoidung	int																																												
chucVu	nvarchar(50)																																												
Column Name	Data Type																																												
maSP	nvarchar(50)																																												
size	int																																												
soLuong	int																																												
DESKTOP-2022DEZ\...T - dbo.KhachHang	DESKTOP-2022DEZ\...TTT - dbo.Donhang																																												
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Column Name</th> <th>Data Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>id_Nguoidung</td> <td>int</td> </tr> <tr> <td>maKH</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>userName</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>passWord</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>hoTen</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>ngaySinh</td> <td>date</td> </tr> <tr> <td>diaChi</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>gioiTinh</td> <td>nchar(10)</td> </tr> <tr> <td>sdt</td> <td>bigint</td> </tr> <tr> <td>email</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> </tbody> </table>	Column Name	Data Type	id_Nguoidung	int	maKH	nvarchar(50)	userName	nvarchar(50)	passWord	nvarchar(50)	hoTen	nvarchar(50)	ngaySinh	date	diaChi	nvarchar(50)	gioiTinh	nchar(10)	sdt	bigint	email	nvarchar(50)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Column Name</th> <th>Data Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>maDH</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>maKH</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>maNV</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>motaDH</td> <td>nvarchar(200)</td> </tr> <tr> <td>diaChinhAnh</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>ngayDat</td> <td>datetime</td> </tr> <tr> <td>tinhTrangDH</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>ngayTaodon</td> <td>datetime</td> </tr> <tr> <td>ngayGiaoHang</td> <td>datetime</td> </tr> <tr> <td>tongTien</td> <td>bigint</td> </tr> </tbody> </table>	Column Name	Data Type	maDH	nvarchar(50)	maKH	nvarchar(50)	maNV	nvarchar(50)	motaDH	nvarchar(200)	diaChinhAnh	nvarchar(50)	ngayDat	datetime	tinhTrangDH	nvarchar(50)	ngayTaodon	datetime	ngayGiaoHang	datetime	tongTien	bigint
Column Name	Data Type																																												
id_Nguoidung	int																																												
maKH	nvarchar(50)																																												
userName	nvarchar(50)																																												
passWord	nvarchar(50)																																												
hoTen	nvarchar(50)																																												
ngaySinh	date																																												
diaChi	nvarchar(50)																																												
gioiTinh	nchar(10)																																												
sdt	bigint																																												
email	nvarchar(50)																																												
Column Name	Data Type																																												
maDH	nvarchar(50)																																												
maKH	nvarchar(50)																																												
maNV	nvarchar(50)																																												
motaDH	nvarchar(200)																																												
diaChinhAnh	nvarchar(50)																																												
ngayDat	datetime																																												
tinhTrangDH	nvarchar(50)																																												
ngayTaodon	datetime																																												
ngayGiaoHang	datetime																																												
tongTien	bigint																																												
DESKTOP-2022DEZ\...T - dbo.ChiTietDH	DESKTOP-2022DEZ\...TTT - dbo.BaiViet																																												
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Column Name</th> <th>Data Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>maSP</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>maDH</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>soLuong</td> <td>int</td> </tr> <tr> <td>mota_DH</td> <td>nvarchar(200)</td> </tr> </tbody> </table>	Column Name	Data Type	maSP	nvarchar(50)	maDH	nvarchar(50)	soLuong	int	mota_DH	nvarchar(200)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Column Name</th> <th>Data Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>id_Nguoidung</td> <td>int</td> </tr> <tr> <td>tieuDe</td> <td>nvarchar(70)</td> </tr> <tr> <td>anh</td> <td>image</td> </tr> <tr> <td>noiDungBaiViet</td> <td>nvarchar(200)</td> </tr> </tbody> </table>	Column Name	Data Type	id_Nguoidung	int	tieuDe	nvarchar(70)	anh	image	noiDungBaiViet	nvarchar(200)																								
Column Name	Data Type																																												
maSP	nvarchar(50)																																												
maDH	nvarchar(50)																																												
soLuong	int																																												
mota_DH	nvarchar(200)																																												
Column Name	Data Type																																												
id_Nguoidung	int																																												
tieuDe	nvarchar(70)																																												
anh	image																																												
noiDungBaiViet	nvarchar(200)																																												
DESKTOP-2022DEZ\...TT - dbo.DanhMuc*	DESKTOP-2022DEZ\...TTT - dbo.GioHang																																												
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Column Name</th> <th>Data Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>maDM</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>tenDM</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>maSP</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> </tbody> </table>	Column Name	Data Type	maDM	nvarchar(50)	tenDM	nvarchar(50)	maSP	nvarchar(50)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Column Name</th> <th>Data Type</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>maKH</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>maSP</td> <td>nvarchar(50)</td> </tr> <tr> <td>soLuong</td> <td>int</td> </tr> </tbody> </table>	Column Name	Data Type	maKH	nvarchar(50)	maSP	nvarchar(50)	soLuong	int																												
Column Name	Data Type																																												
maDM	nvarchar(50)																																												
tenDM	nvarchar(50)																																												
maSP	nvarchar(50)																																												
Column Name	Data Type																																												
maKH	nvarchar(50)																																												
maSP	nvarchar(50)																																												
soLuong	int																																												

Hình 56: Các bảng database

## 6. Giao diện trang web

LOGO 	Sale off ▼	New ▼	Second hand ▼	Phụ kiện ▼	Dịch vụ ▼	Tìm kiếm 	Tài khoản 	Giỏ hàng 
<b>Phần Content</b>								
<b>Danh mục</b>								
Best seller	Giày 1 <i>Thông tin Giá</i>	Giày 2 <i>Thông tin Giá</i>	Giày 3 <i>Thông tin Giá</i>	Giày 4 <i>Thông tin Giá</i>		Xem tất cả		
Ưu đãi HOT	Giày 1 <i>Thông tin Giá</i>	Giày 2 <i>Thông tin Giá</i>	Giày 3 <i>Thông tin Giá</i>	Giày 4 <i>Thông tin Giá</i>		Xem tất cả		
<b>Bản Tin</b>								
Thông tin cửa hàng	Thông tin liên hệ	Chính sách	Hỗ trợ		Social	  		

Hình 57: Giao diện trang chủ

LOGO 	Sale off	New	Second hand	Phụ kiện	Dịch vụ	Tìm kiếm 	Tài khoản 	Giỏ hàng 
<b>ĐĂNG NHẬP</b>								
Tên đăng nhập *	<input type="text" value="Nhập tên đăng nhập..."/>							
Mật khẩu*	<input type="text" value="Nhập mật khẩu..."/>							
	<b>Đăng nhập</b>							
	<i>Quên mật khẩu? Đăng ký.</i>							
Thông tin cửa hàng	Thông tin liên hệ	Chính sách	Hỗ trợ	Social				

Hình 58: Giao diện đăng nhập

<b>LOGO</b> 	Sale off	New	Second hand	Phụ kiện	Dịch vụ	Tìm kiếm	Tài khoản	Giỏ hàng
<h2>ĐĂNG KÝ</h2>								
Tên đăng nhập* <input type="text" value="Nhập tên đăng nhập..."/>								
Số điện thoại* <input type="text" value="Nhập số điện thoại..."/>								
Mật khẩu* <input type="text" value="Nhập mật khẩu..."/>								
Nhắc lại mật khẩu* <input type="text" value="Nhập mật khẩu..."/>								
<input type="button" value="Đăng ký"/>								

Hình 59: Giao diện đăng ký

Thông tin cửa hàng	Thông tin liên hệ		Chính sách		Hỗ trợ		Social	
<b>LOGO</b> 	Sale off	New	Second hand	Phụ kiện	Dịch vụ	Tìm kiếm	Tài khoản	Giỏ hàng
<h2>LẤY LẠI MẬT KHẨU</h2>								
<u>Vui lòng nhập SĐT ban đã đăng ký tài khoản để lấy lại mật khẩu.</u> Số điện thoại* <input type="text" value="Nhập số điện thoại đã đăng ký..."/>								
Nhập mã xác nhận* <input type="text" value="Nhập mã xác nhận..."/>								
<input type="button" value="Gửi mã xác nhận"/> <input type="button" value="Xác nhận"/>								
Thông tin cửa hàng	Thông tin liên hệ		Chính sách		Hỗ trợ		Social	

Hình 60: Giao diện đổi mật khẩu

Hệ Thống Quản Lý																																														
DANH MỤC QUẢN LÝ		Danh Sách Khách Hàng																																												
<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Quản lý sản phẩm</li> <li>❖ Quản lý đơn hàng</li> <li>❖ Quản lý khách hàng           <ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Danh sách khách hàng</li> </ul> </li> <li>❖ Quản lý nhân viên</li> <li>❖ Quản lý tài khoản</li> <li>❖ Thông tin hệ thống</li> </ul>		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ID</th><th>Mã khách hàng</th><th>Tên khách hàng</th><th>Địa chỉ</th><th>Số điện thoại</th><th>Số tài khoản</th><th>Email</th><th>Action</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td><button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button></td></tr> <tr> <td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td><button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button></td></tr> <tr> <td>3</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td><button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button></td></tr> <tr> <td>4</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td><button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button></td></tr> </tbody> </table>					ID	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ	Số điện thoại	Số tài khoản	Email	Action	1							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>	2							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>	3							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>	4							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>
ID	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ	Số điện thoại	Số tài khoản	Email	Action																																							
1							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>																																							
2							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>																																							
3							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>																																							
4							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>																																							

Hình 61: Giao diện danh sách khách hàng

Hệ Thống Quản Lý																																														
DANH MỤC QUẢN LÝ		Danh Sách Sản Phẩm																																												
<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Quản lý sản phẩm           <ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Danh sách sản phẩm</li> <li>♦ Danh mục sản phẩm</li> </ul> </li> <li>❖ Quản lý đơn hàng</li> <li>❖ Quản lý khách hàng</li> <li>❖ Quản lý nhân viên</li> <li>❖ Quản lý tài khoản</li> <li>❖ Thông tin hệ thống</li> </ul>		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ID</th><th>Mã sản phẩm</th><th>Tên sản phẩm</th><th>Mã loại sản phẩm</th><th>Đơn giá</th><th>Ghi chú</th><th>Hình sản phẩm</th><th>Action</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td><button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button></td></tr> <tr> <td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td><button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button></td></tr> <tr> <td>3</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td><button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button></td></tr> <tr> <td>4</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td><button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button></td></tr> </tbody> </table>					ID	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Mã loại sản phẩm	Đơn giá	Ghi chú	Hình sản phẩm	Action	1							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>	2							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>	3							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>	4							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>
ID	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Mã loại sản phẩm	Đơn giá	Ghi chú	Hình sản phẩm	Action																																							
1							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>																																							
2							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>																																							
3							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>																																							
4							<button>Thêm mới</button> <button>Sửa</button> <button>Xóa</button>																																							

Hình 62: Giao diện danh sách sản phẩm

☰ Hệ Thống Quản Lý																															
DANH MỤC QUẢN LÝ	Danh Sách Đơn Hàng																														
<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Quản lý sản phẩm</li> <li>❖ Quản lý đơn hàng           <ul style="list-style-type: none"> <li>• Danh sách đơn hàng</li> </ul> </li> <li>❖ Quản lý khách hàng</li> <li>❖ Quản lý nhân viên</li> <li>❖ Quản lý tài khoản</li> <li>❖ Thông tin hệ thống</li> </ul>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ID</th> <th>Mã đơn hàng</th> <th>Mã nhân viên</th> <th>Ngày bán</th> <th>Action</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td> <a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a> </td> </tr> <tr> <td>2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td> <a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a> </td> </tr> <tr> <td>3</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td> <a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a> </td> </tr> <tr> <td>4</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td> <a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a> </td> </tr> <tr> <td colspan="4"></td><td></td></tr> </tbody> </table>	ID	Mã đơn hàng	Mã nhân viên	Ngày bán	Action	1				<a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a>	2				<a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a>	3				<a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a>	4				<a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a>					
ID	Mã đơn hàng	Mã nhân viên	Ngày bán	Action																											
1				<a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a>																											
2				<a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a>																											
3				<a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a>																											
4				<a href="#">Thêm mới</a> <a href="#">Sửa</a> <a href="#">Xóa</a> <a href="#">Xem chi tiết</a>																											

Hình 63: Giao diện danh sách đơn hàng

LOGO 		Sale off ▼	New ▼	Second hand ▼	Phụ kiện ▼	Dịch vụ ▼	Tìm kiếm 	Tài khoản 	Giỏ hàng 				
Trang chủ > Giỏ hàng													
<b>Giỏ hàng của bạn</b>													
Ảnh sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Xóa								
			<input type="button" value="-"/> 1 <input type="button" value="+"/>										
Thông tin đơn hàng Tổng tiền thanh toán:													
 TIẾN HÀNH THANH TOÁN													
<b>Sản phẩm liên quan</b>													
Giày 1 	Giày 2 	Giày 3 	Giày 4 	Giày 5 									
Thông tin cửa hàng	Thông tin liên hệ	Chính sách	Hỗ trợ	Social	  								

Hình 64: Giao diện đơn hàng

<b>LOGO</b>		<b>Đơn hàng</b>	
			
<b>Thông tin mua hàng</b>	<b>Vận chuyển</b>	Thông tin về sản phẩm	
Email:	Giao hàng tiết kiệm Giao hàng siêu tốc	Nhập mã giảm giá	
Họ và tên:	<b>Thanh toán</b>	Tạm tính	<i>Giá sản phẩm</i>
Số điện thoại:	<input type="radio"/> Thanh toán khi giao hàng(COD)	Phí vận chuyển	<i>Phí vận chuyển</i>
Địa chỉ:		Tổng cộng :	
Tỉnh thành:	<a href="#">Quay về giờ hàng</a>	<b>ĐẶT HÀNG</b>	
Quận huyện:			
Phường xã:			
<input type="checkbox"/> Giao hàng đến địa chỉ khác			
Ghi chú:			

Hình 65: Giao diện đặt hàng